

HOÀNG THỊ LOAN

MẪU SOẠN THẢO CÁC VĂN BẢN

- PHÁP QUY
- HÀNH CHÍNH
- TƯ PHÁP
- HỢP ĐỒNG

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

MẪU SOẠN THẢO CÁC VĂN BẢN
PHÁP QUY - HÀNH CHÍNH - TƯ PHÁP - HỢP ĐỒNG

HOÀNG THỊ LOAN

MẪU SOẠN THẢO CÁC VĂN BẢN

- PHÁP QUY
- HÀNH CHÍNH
- TƯ PHÁP
- HỢP ĐỒNG

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

LỜI GIỚI THIỆU

Soạn thảo các loại văn bản trong lãnh đạo và quản lý là công việc thường xuyên ở các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp.

Để phục vụ cho công việc cải cách thủ tục hành chính và đổi mới quản lý kinh tế theo nguyên tắc pháp lý của Nhà nước đã ban hành, Nhà xuất bản Thống kê xuất bản cuốn sách "**Mẫu soạn thảo các văn bản pháp quy, hành chính, tư pháp, hợp đồng**" nhằm hệ thống hóa mẫu và dự thảo mẫu các văn bản.

Nội dung cuốn sách dùng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp có được những văn bản chuẩn của Nhà nước khi soạn thảo văn bản đúng theo pháp luật quy định.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này cùng bạn đọc. Mong nhận được những ý kiến đóng góp của các bạn.

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

PHẦN I

**MẪU SOẠN THẢO
CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY**

1. MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ (GỌI TẮT LÀ BỘ TRƯỞNG)

BỘ.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../...../.....⁽²⁾

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ.....

Về việc:

BỘ TRƯỞNG BỘ.....

Căn cứ:

Theo đề nghị của:.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

Điều 2:

Điều 3:

Nơi nhận:

.....

- Lưu (Đơn vị thảo văn bản và văn thư)

Bộ trưởng Bộ.....⁽⁷⁾

(Ký và đóng dấu)

⁽¹⁾ Tên Bộ (Ủy ban, Tổng cục...).

⁽²⁾ Số.../năm ban hành văn bản/ QĐ-tên viết tắt cơ quan ban hành văn bản.

⁽³⁾ Tóm tắt nội dung của Quyết định.

⁽⁴⁾ Căn cứ pháp lý làm cơ sở ra Quyết định. Ví dụ: Căn cứ Nghị định số .../CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về.....

Theo đề nghị của ai, tại văn bản số... ngày... tháng... năm... về việc.....

⁽⁵⁾ Tùy theo nội dung ngắn hay dài để chia ra các Điều dài có thể chia ra các khoản 1, 2, 3,... và các điểm a, b, c....

⁽⁶⁾ Nếu rõ hiệu lực không gian, thời gian, thay thế hay bãi bỏ văn bản đã ban hành, cơ quan chịu trách nhiệm thi hành và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

⁽⁷⁾ Thẩm quyền ký là Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng ký thay (K/T) Bộ trưởng được Bộ trưởng ủy nhiệm.

2. MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ (GỌI TẮT LÀ BỘ TRƯỞNG) BAN HÀNH QUY CHẾ HOẶC QUY ĐỊNH

BỘ.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../...../.....⁽²⁾

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ.....

Về việc ban hành Quy chế (Quy định) về:..... (3)

BỘ TRƯỞNG BỘ.....

Căn cứ:..... (4)

Theo đề nghị của:.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành theo Quyết định này Quy chế (Quy định) (5)

Điều 2:

Điều 3:

Nơi nhận:

.....

- Lưu

Bộ trưởng Bộ.....⁽⁷⁾

(Ký và đóng dấu)

(1) Tên Bộ (Ủy ban, Tổng cục...).

(2) Số.../năm ban hành văn bản/ QĐ-tên viết tắt cơ quan ban hành văn bản.

(3) Nội dung của quy chế, quy định

(4) Căn cứ pháp lý làm cơ sở ra Quyết định. Ví dụ: Căn cứ Nghị định số/CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về.....

Theo đề nghị của ai, tại văn bản số.... ngày.... tháng.... năm.... về việc.....

(5) Tên của quy chế, quy định (đã nêu ở 3).

(6) Nêu rõ hiệu lực không gian, thời gian, thay thế hay bãi bỏ văn bản đã ban hành, cơ quan chịu trách nhiệm thi hành và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

(7) Thẩm quyền ký là Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng ký thay (K/T) Bộ trưởng được Bộ trưởng ủy nhiệm.

3. MẪU QUY CHẾ (QUY ĐỊNH) CỦA BỘ TRƯỞNG

BỘ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ (QUY ĐỊNH) ⁽¹⁾

Về việc:.....
(Ban hành kèm theo Quyết định số..., ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng)

CHƯƠNG I

Điều 1:

Điều 2:

Điều 3:

CHƯƠNG II

Điều....:.....

1.

a)

b)

Bộ trưởng Bộ.....
(Ký tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Thông thường khi ra Quy chế (Quy định) của Bộ phải ban hành kèm theo bản quyết định của Bộ trưởng. Văn bản Quy chế (Quy định) không lấy số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, vì đã ghi ở Quyết định rồi, cần ghi rõ vấn đề của Quy chế (Quy định) đúng với tên của Điều 1 trong Quyết định. Nội dung tùy theo dài, ngắn có thể chia ra các chương, mục, điều khoản. Cuối Quy chế không phải để điều khoản trách nhiệm thi hành vì điều này đã đặt trong Quyết định rồi, cần có quy định về không gian và thời gian thi hành.

Thẩm quyền người ký Quy chế (Quy định) phải là người đã ký Quyết định ban hành, không dùng hình thức đóng dấu treo ở bản Quy chế (Quy định) kèm theo thay cho chữ ký và dấu ở phía dưới.

**4. MẪU CHỈ THỊ CỦA BỘ TRƯỞNG,
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ
(GỌI TẮT LÀ BỘ TRƯỞNG)**

BỘ.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../...../.....⁽²⁾

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

CHỈ THỊ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ.....

Về việc:⁽³⁾

1/⁽⁴⁾

2/

a)

b)

Nơi nhận:

.....

- Lưu (Đơn vị thảo văn bản và văn thư)

Bộ trưởng Bộ.....⁽⁵⁾

(Ký và đóng dấu)

⁽¹⁾ Tên Bộ (ủy ban, Tổng cục...).

⁽²⁾ Số.../năm ban hành văn bản/ CT-tên viết tắt cơ quan ban hành văn bản.

⁽³⁾ Nội dung của Chỉ thị (về vấn đề gì), ngắn, gọn.

⁽⁴⁾ Không chia theo Điều 1, Điều 2,... như văn bản Quyết định, nếu các điểm cần phải chỉ thị theo thứ tự 1, 2, 3...

Mở đầu: Thông thường đi thẳng vào vấn đề cần chỉ thị, trường hợp cần thiết có kiểm điểm tình hình nên ngắn gọn, phần cuối cần nêu rõ đối tượng (cơ quan, tổ chức, cá nhân,...) có trách nhiệm thi hành.

⁽⁵⁾ Thẩm quyền ký là Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng ký thay (K/T) Bộ trưởng được Bộ trưởng ủy nhiệm.

5. MẪU THÔNG TƯ⁽¹⁾

BỘ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../...../TT...⁽²⁾

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm.....

THÔNG TƯ

Hướng dẫn...⁽³⁾

Căn cứ:.....⁽⁴⁾
.....⁽⁵⁾
.....
.....
.....

Nơi nhận⁽⁷⁾

.....
- Lưu

Bộ trưởng Bộ.....⁽⁶⁾.....
(hoặc ký thay Bộ trưởng)
Thứ trưởng
(Ký tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Dùng cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để giải thích hướng dẫn chi tiết thực hiện văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Quyết định, Nghị định, Nghị quyết, Chỉ thị); hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý ngành, lĩnh vực do Bộ phụ trách.

⁽²⁾ Số...../ năm ban hành văn bản/ TT-tên cơ quan ban hành văn bản.

⁽³⁾ Nội dung tóm tắt Thông tư (hướng dẫn về vấn đề gì).

⁽⁴⁾ Nếu nội dung văn bản mà Thông tư hướng dẫn thực hiện.

⁽⁵⁾ Phân đầu nêu văn bản phải giải thích, hướng dẫn thực hiện. Tùy theo nội dung dài, ngắn mà phân ra các chương, mục cho phù hợp không đặt điều, khoản như văn bản Quyết định. Thông tư chỉ để giải thích, hướng dẫn chi tiết văn bản cần thực hiện không được trái với nội dung của văn bản đó, cũng như các văn bản của các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan để bảo đảm tính thống nhất.

⁽⁶⁾ Thẩm quyền Thông tư là Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng được Bộ trưởng ủy nhiệm ký thay.

⁽⁷⁾ Ghi rõ các cơ quan, tổ chức cần gửi, mục đích gửi (thi hành, báo cáo, để biết....)

6. MẪU THÔNG TƯ LIÊN TỊCH⁽¹⁾

LIÊN TỊCH.....⁽²⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../...../.....⁽³⁾

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm.....

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn:.....⁽⁴⁾

.....⁽⁵⁾

.....

.....

.....

Bộ trưởng Bộ.....⁽⁶⁾....
(Ký tên và đóng dấu)

Bộ trưởng Bộ.....⁽⁶⁾....
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận ⁽⁷⁾

.....
- Lưu (Đơn vị thảo văn bản và văn thư)

⁽¹⁾ Để hướng dẫn, giải thích thực hiện một chính sách, chế độ của Chính phủ, Thủ tướng, Chính phủ, (Quyết định, Nghị định, Nghị quyết, Chỉ thị): do một số Bộ (cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) (cùng quy định).

⁽²⁾ Tên Bộ (các Bộ, cơ quan cùng ban hành Thông tư).

⁽³⁾ Số/..... năm ban hành văn bản/ TFLT-tên các cơ quan ban hành văn bản.

⁽⁴⁾ Tóm tắt nội dung.

⁽⁵⁾ Trong nội dung Thông tư thường chia điểm 1, 2, 3... trường hợp dài nội dung lớn có thể chia phần I, II, III, ...).

a) Mở đầu: nêu vấn đề nội dung của văn bản cần hướng dẫn giải thích: Nghị quyết, nghị định, quyết định, hoặc các văn bản pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

b) Nội dung: Thường kết hợp giải thích và hướng dẫn.

c) Kết thúc: nêu trách nhiệm thi hành.

Chú ý: Việc dẫn văn bản nào cần ghi rõ số: ngày..... tháng..... năm..... của văn bản đó

⁽⁶⁾ Thẩm quyền ký là Bộ trưởng (Thủ trưởng cơ quan) của các cơ quan cùng ra Thông tư hoặc Thủ tướng, Phó Thủ tướng được ủy nhiệm ký thay Bộ trưởng, Thủ tướng.

⁽⁷⁾ Ghi rõ các cơ quan, tổ chức cần gửi, mục đích gửi (thi hành, báo cáo, để biết.....)

7. MẪU NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ

TÊN CƠ QUAN

Số...../...../.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày..... tháng.... năm.....

NGHỊ QUYẾT

Hội nghị:

Sau khi nghe báo cáo đánh giá công tác (quí, 6 tháng, năm) và chương trình công tác (quí, 6 tháng, năm) hội nghị, đã thảo luận đi đến nhất trí.

QUYẾT NGHỊ

1. Tán thành báo cáo đánh giá công tác và nhất trí các chương trình, chỉ tiêu công tác, biện pháp tổ chức thực hiện (quí, 6 tháng, năm) của (Ban chấp hành, giáo đốc, ủy ban...) và phần đóng góp bổ sung như chủ tọa đoàn đã tổng kết gồm các mặt công tác và các chỉ tiêu sau đây:

.....
.....

2. Một số chủ trương và biện pháp thực hiện.

3. Tổ chức chỉ đạo thực hiện.

TM. Đoàn chủ tịch
Chủ tịch điều khiển hội nghị

⁽¹⁾ Số...../ năm ban hành/NQ-tên cơ quan ban hành.

9. MẪU NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN, XÃ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
(TỈNH HUYỆN XÃ) ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khóa..... KỲ HỌP THỨ....

Số...../...../.....⁽²⁾

⁽³⁾, ngày..... tháng.... năm.....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH (HUYỆN XÃ)

Khóa..... kỳ họp thứ.....

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

NGHỊ QUYẾT

Về.....⁽⁴⁾..... ừ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

- Căn cứ ⁽⁵⁾.....
- Sau khi nghe báo cáo của

Nghị quyết Hội đồng Nhân dân phải được quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân biểu quyết tán thành tại kỳ họp của mỗi Khóa Hội đồng Nhân dân.

⁽¹⁾ Tên tỉnh, huyện, xã (thành phố, thị xã, thị trấn, phường).

⁽²⁾ Số...../ năm ban hành văn bản/ NQ-UB.

⁽³⁾ Nơi ban hành văn bản (nơi trụ sở Hội đồng Nhân dân đóng) thường gọi tên của tỉnh, huyện, xã (và tương đương).

⁽⁴⁾ Nghị quyết về vấn đề gì (ghi tóm tắt nội dung kỳ họp đó).

⁽⁵⁾ Các căn cứ pháp lý để ra Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân.

Ví dụ: - Căn cứ Điều 120, Hiến Pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Hoặc căn cứ các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ mà Nghị quyết Hội đồng Nhân dân cần triển khai thực hiện (ghi rõ tên văn bản, số, của ai để tiện tra cứu khi cần thiết) v.v...

QUYẾT NGHỊ

1/⁽⁶⁾

2/

Nơi nhận ⁽⁸⁾

-

-

- Lưu

T/M Hội đồng nhân dân
KT. Chủ tịch ⁽⁷⁾
Phó chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

⁽⁶⁾ Nội dung Nghị quyết từng điều một theo thứ tự 1, 2, 3...

⁽⁷⁾ Thẩm quyền ký nghị quyết là Chủ tịch Hội đồng Nhân dân.

⁽⁸⁾ Nơi nhận: Ghi đầy đủ theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân năm 2003: gửi các cơ quan Nhà nước cấp trên; Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Thủ tướng Chính phủ; Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp, và những cơ quan có liên quan cần biết để thực hiện Nghị quyết; các đại biểu Hội đồng Nhân dân...; Lưu văn thư, văn phòng.

10. MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN, XÃ⁽¹⁾

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(TỈNH HUYỆN XÃ)⁽²⁾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ... / ...-...⁽³⁾

....⁽⁴⁾, ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN.....

Về việc.....⁽⁵⁾.....

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

- Căn cứ⁽⁶⁾
- Theo đề nghị của

⁽¹⁾ Để quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân tại Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003.

⁽²⁾ Tên Ủy ban Nhân dân tỉnh, huyện, xã (thành phố, quận, phường...) ban hành văn bản.

⁽³⁾ Số.../... năm ban hành văn bản. QĐ-UB.

⁽⁴⁾ Địa danh: Nơi ban hành văn bản (nơi trụ sở cơ quan đóng).

⁽⁵⁾ Trích yếu nội dung văn bản (ghi rất tổng quát, gọn).

⁽⁶⁾ Căn cứ: Ví dụ: Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 (Viết gọn, lấy ngày Quốc hội thông qua 26/11/2003) làm cơ sở, không lấy ngày Chủ tịch nước công bố bằng lệnh. Hoặc căn cứ văn bản nào của cấp trên phải ghi rõ số ký hiệu văn bản, ngày..., tên văn bản và cơ quan ban hành văn bản đó.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:⁽⁷⁾

Điều 2:

Nơi nhận⁽⁹⁾

.....

.....

- Lưu

T/M Ủy ban nhân dân
Chủ tịch⁽⁸⁾
(Ký tên, đóng dấu)

⁽⁷⁾ Tùy theo nội dung của vấn đề mà đặt số điều, khoản cho phù hợp. Phần cuối phải có các Điều về thời gian, không gian văn bản có hiệu lực thi hành; về thay thế hoặc bãi bỏ văn bản đã ban hành trước đó; về đối tượng có trách nhiệm thi hành.

⁽⁸⁾ Thẩm quyền và chức danh người ký: Văn bản của Ủy ban Nhân dân thuộc thẩm quyền tập thể, người ký thay mặt (T/M) Ủy ban Nhân dân, phải là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân ký, nếu Chủ tịch ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch ký thay thì ghi:

K/T. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân
Phó chủ tịch

(Không ghi chức danh Phó Chủ tịch thường trực vì Luật Tổ chức

Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân không đặt chức danh này).

⁽⁹⁾ Nơi nhận: Ghi cơ quan có quan hệ để thực hiện, để phối hợp, để báo cáo, để biết, để lưu (lưu tại bộ phận dự thảo văn bản và văn thư văn phòng).

11. MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN, XÃ BAN HÀNH QUY CHẾ, HOẶC QUY ĐỊNH

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(TỈNH HUYỆN XÃ) ⁽¹⁾ *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số: ... / ... / ... ⁽²⁾

... ⁽³⁾, ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN.....

Về việc ban hành Quy chế (Quy định)..... ⁽⁴⁾

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

- Căn cứ ⁽⁵⁾
- Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế (quy định).. ⁽⁶⁾

Điều 2:

Điều 3:

Nơi nhận

-
-
- Lưu

T/M Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Tên Ủy ban Nhân dân tỉnh, huyện, xã (thành phố, quận, phường...) ban hành văn bản.

⁽²⁾ Số.../ năm ban hành văn bản. QĐ-UB.

⁽³⁾ Địa danh: Nơi ban hành văn bản (nơi trụ sở cơ quan đóng).

⁽⁴⁾ Nội dung của Quy chế (quy định).

⁽⁵⁾ Căn cứ pháp lý làm cơ sở ra Quyết định. Ví dụ: Căn cứ Nghị định số.../ CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về.....

Theo đề nghị của ai, tại văn bản số... ngày... tháng... năm... về việc.....

⁽⁶⁾ Tên của quy chế, quy định (đã nêu ở 3).

⁽⁷⁾ Nêu rõ hiệu lực không gian, thời gian, thay thế hay bãi bỏ văn bản đã ban hành, cơ quan chịu trách nhiệm thi hành và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

12. MẪU QUY CHẾ (QUY ĐỊNH) CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN, XÃ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (HUYỆN XÃ) ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ (QUY ĐỊNH)

Về:.....

*(Ban hành kèm theo Quyết định số....,
ngày.... tháng.... năm.... của Ủy ban Nhân dân)*

CHƯƠNG I

Điều 1:

Điều 2:

CHƯƠNG II

Điều 3:

1/

a)

b)

c)

T/M Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Thông thường khi ra Quy chế của Ủy ban Nhân dân phải ban hành kèm theo bản Quyết định của Ủy ban Nhân dân. Văn bản Quy chế không lấy số, ký hiệu vì đã ghi ở Quyết định và ghi rõ vấn đề quy định, đúng với tên của Điều 1 ở Quyết định. Nội dung tùy theo dài, ngắn có thể chia ra các chương, mục, điều khoản. Cuối quy chế không phải để điều khoản trách nhiệm thi hành vì điều này đã đặt trong quyết định rồi, cần có quy định về hiệu lực không gian và thời gian thi hành. Thẩm quyền người ký Quy chế phải là người đã ký Quyết định ban hành (không dùng hình thức đóng dấu treo ở bản Quy chế kèm theo thay cho chữ ký và dấu ở phía dưới).

13. MẪU CHỈ THỊ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN XÃ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (HUYỆN XÃ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Số: ... / ... / CT-UB⁽¹⁾ ..., ngày... tháng... năm....

CHỈ THỊ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN...

Về việc:⁽²⁾

- Căn cứ:⁽³⁾
1.
-
2.
-

Nơi nhận

-
-
- Lưu

T/M Ủy ban nhân dân
Chủ tịch⁽⁴⁾
(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Số.../ năm ban hành văn bản/CT-UB.

⁽²⁾ Ghi rõ trích yếu nội dung, ngắn gọn.

⁽³⁾ Không chia theo Điều 1, Điều 2... như văn bản Quyết định, nêu các điểm phải chỉ thị theo thứ tự 1, 2, 3...

Mở đầu: Thông thường là đi thẳng vào vấn đề định chỉ thị, trường hợp cần thiết có kiểm điểm tình hình thì nên nói gọn, phần cuối cần nêu rõ đối tượng (cơ quan, tổ chức, cá nhân...) có trách nhiệm thi hành.

⁽⁴⁾ Thẩm quyền ký văn bản thay mặt (T/M) Ủy ban Nhân dân là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân được Chủ tịch ủy nhiệm ký thay Chủ tịch Ủy ban Nhân dân.

14. MẪU BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN XÃ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH (HUYỆN, XÃ)
KHÓA.... KỲ HỌP THỨ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../.....

....., ngày... tháng... năm....

BIÊN BẢN

Hội đồng nhân dân tỉnh (huyện, xã)

Khóa....., Kỳ họp thứ.....

(Từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng.... năm)

1. Thời gian họp:

- Khai mạc:..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....
- Địa điểm: Tại
- Nội dung kỳ họp:

2. Thành phần dự họp:

- Đại biểu Hội đồng Nhân dân có mặt trên tổng số
- Đại biểu Quốc hội (nếu có)
-
-
-

Tổng số tham dự họp:

3. Chủ tọa kỳ họp:

.....⁽¹⁾

⁽¹⁾ Ghi rõ họ và tên, chức vụ công tác.

.....
.....
4. Đoàn thư ký kỳ họp:

..... (2)

.....
.....
5. Báo cáo tại kỳ họp:

..... (3)

.....
.....
6. Thảo luận tại kỳ họp:

..... (4)

.....
.....
7. Kết thúc kỳ họp⁽⁵⁾

Nơi nhận **TM. Đoàn thư ký**

.....

(Ký tên)

.....

- Lưu

Chủ tọa kỳ họp
TM. Thường trực HĐND

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)

⁽²⁾ Ghi rõ họ và tên, chức vụ công tác.

⁽³⁾ Ghi theo thứ tự các báo cáo tại kỳ họp, họ và tên, chức vụ người báo cáo (trong trường hợp họp nhiều ngày thì ghi rõ từng ngày một).

⁽⁴⁾ Ghi ý kiến của từng người phát biểu, ý kiến của chủ tọa kỳ họp.

⁽⁵⁾ Thông qua dự thảo Nghị quyết, biểu quyết.

Chủ tọa kết thúc kỳ họp.

PHẦN II

**MẪU SOẠN THẢO
CÁC VĂN BẢN HÀNH CHÍNH**

1. MẪU THÔNG BÁO ⁽¹⁾

TÊN CƠ QUAN

Số: / TB-.... ⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

Về:..... ⁽³⁾

Kính gửi:

..... ⁽⁴⁾

Nơi nhận:

- Như trên

-

- Lưu (đơn vị thảo vấn bản và văn thư)

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Dùng cho các cơ quan, đơn vị để thông tin về nội dung và kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị; truyền đạt kịp thời các quyết định của cấp trên.

Sau khi thông báo nếu cần thì ra văn bản pháp quy (Quyết định, Chỉ thị) để cấp dưới thực hiện. Không dùng hình thức thông báo để thay thế văn bản pháp quy thuộc thẩm quyền của cơ quan.

⁽²⁾ Số...../ TB-tên cơ quan ban hành văn bản.

⁽³⁾ Tóm tắt nội dung thông báo (về việc gì, cuộc họp, buổi làm việc...)

⁽⁴⁾ Nội dung thông báo phải ghi cụ thể thời gian, người chủ trì giải quyết (kết luận), cơ quan, cá nhân tham dự và có nhiệm vụ để biết triển khai thực hiện.

2. MẪU THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA.....⁽¹⁾

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / TB-....

...., ngày... tháng... năm....

THÔNG BÁO KẾT LUẬN

Về:.....⁽²⁾.....

Kính gửi:

Nơi nhận:

- Như trên

-

- Lưu

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Tên cơ quan hoặc tên hội nghị.

⁽²⁾ Tóm tắt nội dung.

3. MẪU CÔNG VĂN CHUNG

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / (1)

V/v.....

...., ngày... tháng... năm....

Kính gửi: (2)

.....
.....
..... (3)
.....
.....

Nơi nhận (4)

- Như trên

-

-

- Lưu

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Số..... / cơ quan ban hành văn bản - bộ phận soạn thảo văn bản (nếu cần).

(2) Nêu rõ cơ quan hoặc tên thủ trưởng cơ quan cần gửi.

(3) Nội dung công văn tùy vấn đề mà cần sắp xếp cụ thể.

- Nếu là công văn trả lời: nêu rõ văn bản được trả lời (công văn số..... ngày..... của ai).

- Nếu là nhắc nhở công tác cần nêu vấn đề công tác cần nhắc.

- Nếu là công văn mời họp cần nói nội dung cần họp vấn đề gì.

+ Thời gian bao lâu, bắt đầu từ khi nào.

+ Địa điểm họp.

(4) Ngoài nơi nhận như (1) cần gửi chủ cơ quan có liên quan để biết hoặc báo cáo.

4. MẪU CÔNG VĂN MỜI HỌP

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /-...⁽¹⁾

Về việc mời họp⁽²⁾

....., ngày... tháng... năm....

Kính gửi:⁽³⁾

Thừa lệnh của:⁽⁴⁾

Kính mời đồng chí:⁽⁵⁾

Đến dự cuộc họp:⁽⁶⁾

Địa điểm:

Thời gian: từ..... giờ..... ngày..... tháng.....

năm.....

Yêu cầu đến họp đúng thành phần mời.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Số..... / cơ quan ban hành văn bản - bộ phận soạn thảo văn bản (nếu cần).

⁽²⁾ Phần trích yếu chỉ ghi 2 chữ mời họp, không ghi nội dung họp và đã nêu ở phần (4).

⁽³⁾ Ghi đầy đủ tên cơ quan được mời (đồng chí Bộ trưởng, lãnh đạo Bộ, ngành hoặc đại diện Bộ, ngành v.v.).

⁽⁴⁾ Thủ trưởng cơ quan chủ trì mời họp (chỉ sử dụng khi cuộc họp do cơ quan cấp trên yêu cầu tổ chức).

⁽⁵⁾ Ghi cụ thể chức vụ người được mời.

⁽⁶⁾ Ghi lý do cuộc họp hoặc vấn đề đưa ra trong cuộc họp.

5. MẪU GIẤY MỜI HỌP

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /⁽¹⁾

...., ngày... tháng... năm....

GIẤY MỜI HỌP⁽²⁾

Kính gửi:.....⁽³⁾

Thưa lệnh:.....⁽⁴⁾

Kính mời:..... đến dự họp về vấn đề.....

Thời gian:ngày, bắt đầu từ..... giờ..... ngày.....
tháng..... năm.....

Địa điểm: Tại

Đề nghị:.....⁽⁵⁾

Xin đi đúng thành phần được mời.

Nơi nhận⁽⁶⁾

- Như trên

-

- Lưu (đơn vị thảo văn bản
và văn thư)

T/L Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

Chánh văn phòng

(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Số..... / cơ quan ban hành văn bản - bộ phận soạn thảo văn bản (nếu cần).

⁽²⁾ Giấy mời họp phải đủ thể thức như công văn.

⁽³⁾ Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân cần mời.

⁽⁴⁾ Thủ trưởng cơ quan chủ trì mời họp (chỉ sử dụng khi cuộc họp do cơ quan cấp trên yêu cầu tổ chức).

⁽⁵⁾ Nêu rõ người được mời cần chuẩn bị tài liệu, ý kiến tham gia; Người dự họp phải đúng thành phần được mời để có trách nhiệm giải quyết (tham gia ý kiến và sau khi họp). Nếu cử người khác đi thay thì báo cho cơ quan chủ trì mời họp biết trước.

⁽⁶⁾ Nêu rõ thành phần được mời để người dự họp biết.

6. MẪU CÔNG ĐIỆN CỦA.....⁽¹⁾

MẪU CÔNG ĐIỆN

Tên cơ quan điện:.....⁽²⁾

.....

Số..... ngày..... tháng..... năm.....

.....

.....⁽³⁾

.....

.....

.....

.....

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Công điện là một loại công văn hành chính, tiếp nhận, xử lý và lưu như công văn thông thường, có tính chất truyền đạt như Quyết định, chỉ thị cần kíp mà theo đường công văn thông thường không kịp thời gian.

⁽²⁾ Nơi gửi: Tên cơ quan hoặc thủ trưởng cơ quan cần điện.

⁽³⁾ Nội dung công điện là những vấn đề không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước của cơ quan quy định (nếu là vấn đề bí mật phải dùng hình thức điện mật của cơ yếu Trung ương ban hành). Nội dung phải rõ ràng, chuẩn xác, mạch lạc, không viết tắt, không trùng lặp, ngắn gọn. Nếu cần sau khi điện phải ra văn bản cho cơ quan nhận điện hiểu rõ để thi hành.

7. MẪU TỜ TRÌNH

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / TTr-.... (1)

...., ngày... tháng... năm....

TỜ TRÌNH

Về:..... (2)

Kính gửi:..... (3)

.....
.....
.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên
-
- Lưu

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Số..... /TTr tên cơ quan ban hành văn bản.

(2) Tóm tắt nội dung tờ trình.

(3) Tên cơ quan nhận tờ trình.

8. MẪU GIẤY GIỚI THIỆU

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /GTT
....., ngày... tháng... năm....

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi:.....⁽¹⁾.....

Giới thiệu ông, bà:.....
Chức vụ:.....
Được cử đến:.....
Về việc:.....
Mong:..... giúp đỡ ông, bà.....
hoàn thành nhiệm vụ.

Giấy giới thiệu , ngày..... tháng..... năm....
Có giá trị hết ngày.....
Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Viết tên cơ quan hoặc tổ chức giới thiệu.

9. MẪU GIẤY GIỚI THIỆU (2)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GTT

....., ngày... tháng... năm....

GIẤY GIỚI THIỆU

Giới thiệu Ông, (Bà):

Là:

Đến:

Để:

Rất mong được quý cơ quan giúp đỡ.

Giấy giới thiệu , ngày..... tháng..... năm.....

Có giá trị từ ngày.....

Thủ trưởng cơ quan

đến ngày.....

(Ký tên, đóng dấu)

10. MẪU PHIẾU GỬI (1)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / PG

...., ngày... tháng... năm....

PHIẾU GỬI

Kính gửi:

Số lượng

Tài liệu gửi: 1 bản

..... 2 bản

..... 4 bản

Cộng: 12 bản

Người nhận ký

Ngày..... tháng..... năm.....

Ghi chú: Nhận được tài liệu, đề nghị ký nhận và hoàn lại phiếu gửi này cho nơi gửi.

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

11. MẪU PHIẾU GỬI (2)

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____ *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*
Số: / PG _____

...., ngày... tháng... năm....

PHIẾU GỬI ⁽¹⁾

Kính gửi:.....

Nội dung:

.....

.....

.....

.....

.....

Người nhận ký
Ngày..... tháng.... năm.....

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Phiếu gửi dùng trong trường hợp: chuyển tài liệu, công văn, điện tới cơ quan cần chuyển đến. Không thay phiếu gửi bằng công văn để giải quyết công việc, quan hệ công tác.

12. MẪU QUYẾT ĐỊNH TIẾP NHẬN (TUYỂN DỤNG) LAO ĐỘNG

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số:.....

Địa danh, ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH **CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)..... (TÊN ĐƠN VỊ)**

V/v tiếp nhận (tuyển dụng) lao động

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)..... (TÊN ĐƠN VỊ)

-
- Căn cứ Quyết định số ngày..... của về việc thành lập đơn vị;
 - Căn cứ yêu cầu công tác và năng lực cán bộ;
 - Căn cứ công văn số..... ngày..... của (tên đơn vị công tác trước đây của người lao động (nếu có)) về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông (bà).....;
 - Xét đề nghị của ông Trưởng phòng (phòng quản lý nhân sự), và ông Trưởng phòng..... (phòng có nhu cầu tiếp nhận lao động), (tên đơn vị).

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Tiếp nhận, ký Hợp đồng Lao động (loại hợp đồng lao động) và điều động ông (bà), (chuyên ngành đào tạo - nếu có) đến nhận công tác tại (nơi sử

dụng lao động), (tên đơn vị) kể từ ngày

Điều II: Ông (Bà)..... được hưởng mức lương có hệ số..... (bậc ngạch lương....., bảng lương trong các doanh nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ) và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

Điều III: Các ông, bà Chánh Văn phòng; Kế toán trưởng; Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan của (tên đơn vị) và ông (bà) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Phòng..... (phòng quản lý)
(để thực hiện).
- Lưu VT.

Tổng Giám đốc (Giám đốc)

..... (tên đơn vị)

13. MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁN BỘ, NHÂN VIÊN THAM GIA CÁC KHÓA ĐÀO TẠO

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số:.....

Địa danh, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)..... (TÊN ĐƠN VỊ)

V/v Cử cán bộ tham gia khóa đào tạo tại

.....

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)..... (TÊN ĐƠN VỊ)

- Căn cứ Quyết định số ngày..... của về việc thành lập đơn vị;
- Căn cứ Giấy báo nhập học số ngày..... của về việc thông báo nhập học khóa học
- Căn cứ yêu cầu bồi dưỡng, đào tạo cán bộ của (tên đơn vị) và nguyện vọng của ông (bà), chức danh, phòng ban nơi đang công tác,..... (tên đơn vị);
- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng (quản lý nhân sự), Trưởng phòng (quản lý cán bộ), (tên đơn vị).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay đồng ý để ông (bà) phòng (quản lý cán bộ), (tên đơn vị) được tham dự khóa đào tạo tại, thời gian.....

Điều 2: Ngoài thời gian học tập, ông (bà) có trách nhiệm hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo sự phân công của Lãnh đạo phòng..... (quản lý cán bộ); thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết với..... (tên đơn vị). Kết thúc khóa học, ông (bà) có báo cáo kết quả học tập về (tên đơn vị).

Điều 3: Trong thời gian theo học, ông (bà) được (tên đơn vị) hỗ trợ chi phí đào tạo trên cơ sở chứng từ hợp lệ là (số tiền), chi phí phát sinh khác do ông (bà) tự trang trải. Tiền lương và các chế độ khác được chi trả theo quy định hiện hành.

Điều 4: Các ông (bà) Chánh Văn phòng; Kế toán trưởng; Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan của (tên đơn vị) và ông (bà) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu VT.

Tổng Giám đốc (Giám đốc)
.....(tên đơn vị)

14. MẪU QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM CÁN BỘ

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số:.....

Địa danh, ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH **CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)..... (TÊN ĐƠN VỊ)** **V/v bổ nhiệm cán bộ**

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)..... (TÊN ĐƠN VỊ)

- Căn cứ Quyết định số ngày..... của về việc thành lập đơn vị;
- Căn cứ yêu cầu công tác và năng lực cán bộ;
- Căn cứ ý kiến của cơ quan quản lý cấp trên.....;
- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng (quản lý cán bộ),..... (tên đơn vị).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Ông (bà):..... giữ chức vụ:...

Điều 2: Ông (bà): giữ chức vụ:
..... thời hạn là: năm kể từ ngày:

Điều 3: Ông (bà) có trách nhiệm bàn giao nhiệm vụ, tài liệu và hồ sơ có liên quan theo sự chỉ đạo của ông (bà) (Lãnh đạo trực tiếp đơn vị)..... để nhận nhiệm vụ mới.

Điều 4: Ông (bà): được hưởng mức lương có hệ số....., phụ cấp chức vụ có hệ số..... và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

Điều 5: Các ông, bà Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan của..... đơn vị và Ông (bà)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu VT.

Thủ trưởng

..... (tên đơn vị)

15. MẪU QUYẾT ĐỊNH THUYỀN CHUYỂN, ĐIỀU ĐỘNG CÁN BỘ

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số:.....

Địa danh, ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)..... (TÊN ĐƠN VỊ)

V/v điều động lao động

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)..... (TÊN ĐƠN VỊ)

- Căn cứ Quyết định số ngày..... của về việc thành lập đơn vị;
- Căn cứ yêu cầu công tác và năng lực cán bộ;
- Xét nguyện vọng của ông (bà) tại Đơn xin chuyển công tác ngày..... tháng..... năm.....;
- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng..... (quản lý nhân sự), Trưởng phòng..... (quản lý cán bộ),..... (tên đơn vị).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay điều động ông (bà):..... (chức danh)..... (đơn vị công tác), đến nhận công tác tại:..... (đơn vị công tác).

Điều 2: Ông (bà):..... được hưởng mức lương có hệ số..... (bậc..... chức danh....., bảng lương..... ban hành kèm theo Nghị định số 26/CP ngày 25/3/1993 của Chính phủ) và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

Điều 3: Ông (bà).....có trách nhiệm bàn giao nhiệm vụ, tài liệu và hồ sơ có liên quan theo sự chỉ đạo của Ông (bà)..... (Lãnh đạo trực tiếp đơn vị)..... để nhận nhiệm vụ mới từ ngày.....

Điều 4: Các ông, bà Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan của..... đơn vị và Ông (bà)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu VT.

Thủ trưởng
..... (tên đơn vị)

16. MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày... tháng... năm 200

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 200....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện bên lập biên bản:

Họ và tên:

Chức vụ:..... Đơn vị công tác:

- Đại diện bên vi phạm:

Họ và tên:

Chức vụ (nghề nghiệp):

Đơn vị công tác (địa chỉ):

Lập biên bản về sự việc sau:

.....

Ông, bà (hoặc tổ chức): đã vi phạm quy định tại:

- Điều khoản..... điểm.....

- Điều khoản..... điểm.....

- Điều khoản..... điểm.....

Của Nghị định số 04/CP của Chính phủ ngày 10/1/1997 về xử phạt Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai.

Trong điều kiện, hoàn cảnh:

Tình tiết giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng:

Biên bản lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau, bên vi phạm giữ 1 bản.

**Ông, bà (hoặc đại diện
tổ chức) vi phạm**
Ký tên (ghi rõ họ và tên)

Đại diện bên lập biên bản
Ký tên (ghi rõ họ tên)

17. MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH VỀ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

Số: /QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH VỀ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

- Căn cứ Luật đất đai, ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Pháp lệnh về xử lý Vi phạm hành chính ngày 2 tháng 7 năm 2002;
- Căn cứ Nghị định số 04/CP ngày 01/01/1997 của Chính phủ về xử phạt Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai,

Xét nội dung, tính chất, hành vi Vi phạm hành chính.

Tôi:..... chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Xử phạt đối với ông, bà (hoặc tổ chức):

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Vì đã có hành vi vi phạm:

1. quy định tại Điều: khoản..... điểm
2. quy định tại Điều: khoản..... điểm
3. quy định tại Điều: khoản..... điểm

Của Nghị định số 04/CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý sử dụng đất đai.

Những hành vi vi phạm trên đó có những tình tiết giảm nhẹ:

.....

.....

- Tăng nặng:

.....

.....

Hình thức xử phạt tiền tổng cộng là (viết bằng số):.....

Viết bằng chữ:.....

Biện pháp hành chính khác:.....

.....

Điều 2. Ông, bà (hoặc đại diện tổ chức):

Có trách nhiệm đến cơ quan Kho bạc Nhà nước tại:.....

.....

Nộp tiền phạt và thi hành nghiêm chỉnh các biện pháp hành chính tại Điều 1 quyết định này trong thời hạn..... ngày, kể từ ngày..... Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt nếu không tự nguyện thi hành, sẽ bị cưỡng chế thi hành, trừ trường hợp buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

Ông, bà (hoặc đại diện tổ chức):..... có quyền khiếu nại tại:..... trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày.... tháng..... năm....

Người ra quyết định

Ký tên (ghi rõ họ tên)

18. MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN
LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A⁽²⁾Ngày... tháng... năm.....

Số: /
BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VẾ.....⁽³⁾

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
tại.....

Chúng tôi gồm ⁽⁴⁾

1. Chức vụ:
2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:⁽⁵⁾

1. Nghề nghiệp/chức vụ:
- Địa chỉ thường trú (tạm trú):
- Giấy chứng minh nhân dân số:
- Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....;

⁽¹⁾ Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương....., huyện, thành phố thuộc tỉnh..... xã..... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi lĩnh vực quản lý Nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi rõ họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁽⁵⁾ Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

2. Nghề nghiệp/chức vụ:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:; Nơi cấp:

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về⁽⁶⁾

đối với:

Ông (bà)/ tổ chức⁽⁷⁾:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc ĐKKD

Cấp ngày: tại

Đã có các hành vi vi phạm hành chính như sau⁽⁸⁾:

Các hành vi trên đã vi phạm vào Điều..... khoản..... điểm..... của Nghị định số..... quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực⁽⁹⁾.

Người bị thiệt hại/ tổ chức bị thiệt hại⁽¹⁰⁾:

Họ tên:

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc ĐKKD

Cấp ngày: tại

Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính/ đại diện tổ chức vi phạm hành chính:

Ý kiến trình bày của người làm chứng:

Ý kiến trình bày của người/ đại diện tổ chức bị thiệt hại do vi

⁽⁶⁾ Ghi lĩnh vực quản lý Nhà nước như chú thích số 3.

⁽⁷⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả hành vi vi phạm.

⁽⁹⁾ Ghi lĩnh vực quản lý Nhà nước theo chú thích số 3.

⁽¹⁰⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức bị thiệt hại.

phạm hành chính gây ra (nếu có):.....

Người có thẩm quyền xử phạt đã yêu cầu Ông (bà)/ tổ chức đình chỉ ngay hành vi vi phạm.

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính được áp dụng gồm:

Chúng tôi tạm giữ những tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính và giấy tờ sau để chuyển về:..... để cấp có thẩm quyền giải quyết.

ST T	Tên tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ⁽¹¹⁾	Ghi chú ⁽¹²⁾

Ngoài những tang vật, phương tiện, giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Yêu cầu Ông (bà)/ đại diện tổ chức vi phạm có mặt tại⁽¹³⁾ lúc..... giờ..... ngày..... tháng..... năm để giải quyết vụ vi phạm.

Biên bản được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau, và được giao cho người vi phạm/ đại diện tổ chức vi phạm một bản và.....⁽¹⁴⁾

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội

⁽¹¹⁾ Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký, nếu là ngoại tệ thì ghi số xi rê của từng tờ.

⁽¹²⁾ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm (hoặc đại diện của tổ chức vi phạm), có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của Ông (bà)...

⁽¹³⁾ Ghi rõ địa chỉ trụ sở nơi cá nhân, tổ chức vi phạm phải có mặt.

⁽¹⁴⁾ Ghi cụ thể những người, tổ chức được giao biên bản.

dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽¹⁵⁾:

Biên bản này gồm..... trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang.

Người vi phạm
(hoặc đại diện tổ chức
vi phạm)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bị thiệt hại
(hoặc đại diện tổ chức
bị thiệt hại)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lý do người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản⁽¹⁶⁾:

.....
Lý do người bị thiệt hại, đại diện tổ chức bị thiệt hại không ký biên bản⁽¹⁷⁾:

⁽¹⁵⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

⁽¹⁶⁾ ⁽¹⁷⁾ Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối không ký biên bản.

**19. MẪU BIÊN BẢN TẠM GIỮ TANG VẬT,
PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN
LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A⁽²⁾Ngày... tháng... năm.....

Số: /
BB-TG-TVPT

**BIÊN BẢN
TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

*Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày
02 tháng 7 năm 2002;*

*Căn cứ Điều.... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực⁽³⁾.....;*

*Căn cứ quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành
chính số..... ngày..... tháng..... năm do⁽⁴⁾.....
chức vụ..... ký;*

Để có cơ sở xác minh thêm vụ việc vi phạm hành chính/ hoặc
ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính,

⁽¹⁾ Nếu người lập biên bản là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì ghi ủy ban nhân dân xã, thị trấn... mà không ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....;

Chúng tôi gồm⁽⁶⁾:

1. chức vụ:.....

2. chức vụ:.....

Người vi phạm hành chính là:

Ông (bà)/ tổ chức⁽⁶⁾:.....;

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc
DKKD.....;

Cấp ngày: tại

Với sự chứng kiến của⁽⁷⁾:

1. Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày
cấp:..... Nơi cấp:.....

2. Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày
cấp:..... Nơi cấp:.....

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm
hành chính, gồm.....

STT	Tên tang vật, phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ⁽⁸⁾	Ghi chú ⁽⁹⁾

⁽⁵⁾ Họ tên chức vụ người lập biên bản.

⁽⁶⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁽⁷⁾ Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

⁽⁸⁾ Nếu là phương tiện phải ghi số đăng ký.

⁽⁹⁾ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của ông (bà)...

Ngoài những tang vật, phương tiện, giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm.

Biên bản này gồm..... trang, được cá nhân/ đại diện tổ chức vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽¹⁰⁾:

**Người vi phạm
(hoặc đại diện tổ chức vi phạm)**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người ra quyết định
tạm giữ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biên bản

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁰⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

20. MẪU BIÊN BẢN
KHÁM NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN
LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A⁽²⁾Ngày... tháng... năm.....

Số: / BB-KN

BIÊN BẢN
KHÁM NGƯỜI THEO THỰC TỤC HÀNH CHÍNH

*Căn cứ Điều 45, Điều 47 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính
ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Căn cứ Điều.... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực⁽³⁾*

*Căn cứ Quyết định khám người theo thủ tục hành chính
số..... ngày..... tháng..... năm do⁽⁴⁾..... chức
vụ..... ký hoặc căn cứ⁽⁵⁾;*

*Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng.....
năm..... tại;*

⁽¹⁾ Nếu người lập biên bản là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì ghi Ủy ban nhân dân xã, thị xã, thị trấn.... mà không ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

⁽³⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định khám người theo thủ tục hành chính.

⁽⁵⁾ Nếu người quyết định khám không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy; Họ tên, chức vụ người quyết định việc khám người trong trường hợp này.

Chúng tôi gồm⁽⁶⁾:

1. chức vụ:.....;

2. chức vụ:.....;

Với sự chứng kiến của⁽⁷⁾

1. Nghề nghiệp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số:.....;

Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....;

2. Nghề nghiệp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số:.....;

Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....;

Tiến hành khám người và lập biên bản về việc khám người đối với

Ông (bà) Tuổi:.....;

Nghề nghiệp:; Địa chỉ:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số:.....;

Cấp ngày tại:.....;

Sau khi khám người, chúng tôi thu giữ được những đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính như sau:

STT	Tên đồ vật, tài liệu phương tiện	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ,	Ghi chú

Việc khám kết thúc vào hồi..... ngày..... giờ..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành ba bản có nội dung và giá trị như

⁽⁶⁾ Họ tên chức vụ người lập biên bản.

⁽⁷⁾ Họ và tên người làm chứng.

nhau. Người bị khám được giao một bản. Ngoài ra, biên bản này được gửi cho.....⁽⁸⁾ và một bản lưu hồ sơ.

Biên bản này gồm..... Trang, được người vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁹⁾.

Người bị khám
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người khám
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁸⁾ Nếu người quyết định khám không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, thì phải ghi rõ thêm biên bản này được gửi để báo cáo cho thủ trưởng.

⁽⁹⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

**21. MẪU BIÊN BẢN KHÁM PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI,
ĐỒ VẬT THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)*

**TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN
LẬP BIÊN BẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A²Ngày... tháng... năm.....

Số: / BB-
KPTVTDV

**BIÊN BẢN
KHÁM PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, ĐỒ VẬT THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

*Căn cứ Điều 45, Điều 48 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính
ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Căn cứ Điều.... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực⁽³⁾.....;*

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày.....
tháng..... năm..... tại;

Chúng tôi gồm⁽⁴⁾:

1. chức vụ:.....

2. chức vụ:.....

⁽¹⁾ Nếu người lập biên bản là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính tỉnh.

⁽³⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Họ tên chức vụ người lập biên bản.

Với sự chứng kiến của⁽⁵⁾

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:.....;

Nơi cấp:.....

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:.....;

Nơi cấp:.....

Tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật là⁽⁶⁾

.....

.....

Vì có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật này có cất giấu tang vật vi phạm hành chính.

Chủ phương tiện vận tải, đồ vật (hoặc người điều khiển phương tiện vận tải)⁽⁷⁾:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:.....;

Nơi cấp:.....

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:.....;

Nơi cấp:.....

Phạm vi khám:

Những tang vật vi phạm hành chính bị phát hiện gồm:

⁽⁵⁾ Họ tên, người làm chứng.

⁽⁶⁾ Ghi rõ loại phương tiện vận tải, đồ vật, số biển kiểm soát (đối với phương tiện).

⁽⁷⁾ Ghi rõ họ tên chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải.

STT	Tên tang vật, phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng	Ghi chú

Việc khám phương tiện vận tải (đồ vật) theo thủ tục hành chính kết thúc hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau, chủ phương tiện vận tải, đồ vật/ người điều khiển phương tiện vận tải..... được giao một bản.

Biên bản này gồm..... Trang, được người vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến khác và cùng ký vào biên bản có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁶⁾.

Người ra quyết định khám

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người tham gia khám

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ phương tiện vận tải,
đồ vật hoặc người điều
khiển phương tiện**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biên bản

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁶⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

22. MẪU BIÊN BẢN KHÁM NƠI CẤT GIẤU TANG VẬT PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN
LẬP BIÊN BẢN

A⁽²⁾Ngày... tháng... năm.....

Số: / BB-
KNCGTVP

BIÊN BẢN KHÁM NƠI CẤT GIẤU TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Căn cứ Điều 45, Điều 49 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính
ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều.... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực⁽³⁾

Căn cứ Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện
vi phạm hành chính số..... ngày..... tháng..... năm..... do
⁽⁴⁾..... chức vụ..... ký;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng.....
năm..... tại

⁽¹⁾ Nếu người lập biên bản là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị xã, thị trấn thì ghi ủy
ban nhân dân xã, thị trấn.... mà không ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện
vi phạm hành chính.

Chúng tôi gồm⁽⁶⁾:

1. chức vụ:

2. chức vụ:

Với sự chứng kiến của⁽⁶⁾:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:.....;

Nơi cấp:.....

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

.....

Giấy chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:.....;

Nơi cấp:.....

Tiến hành khám⁽⁷⁾:

Là nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và lập biên bản về việc khám.

Người chủ nơi bị khám là⁽⁸⁾:

Ông (bà)/ tổ chức⁽⁹⁾:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

.....

Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc
DKKD

Cấp ngày:..... tại:

Sau khi khám chúng tôi thu giữ những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm:

⁽⁶⁾ Họ tên chức vụ người lập biên bản.

⁽⁶⁾ Họ và tên những người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

⁽⁷⁾ Ghi rõ địa chỉ nơi bị khám.

⁽⁸⁾ Nếu chủ nơi bị khám vắng mặt thì ghi rõ họ tên người thành niên trong gia đình họ.

⁽⁹⁾ Nếu là nơi bị khám của tổ chức ghi rõ họ tên chức vụ người đại diện cho tổ chức.

STT	Tên tang vật, Phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ⁽¹⁰⁾	Ghi chú ⁽¹¹⁾

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Việc khám kết thúc vào hồi.... ngày.... giờ..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau, được giao cho chủ nơi bị khám một bản.

Biên bản này gồm..... trang, được cá nhân/ đại diện tổ chức vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽¹²⁾.

**Chủ nơi bị khám
hoặc người thành niên
trong gia đình**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ra quyết định tạm giữ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biên bản khám
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người chứng kiến
Đại diện chính quyền**
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁰⁾ Nếu có phương tiện phải ghi rõ biển kiểm soát.

⁽¹¹⁾ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của Ông (bà)...

⁽¹²⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

23. MẪU QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN
LẬP BIÊN BẢN

A⁽²⁾Ngày... tháng... năm.....

Số: / QĐ-
TGN

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Căn cứ Điều 44, Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày
02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều.... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực⁽³⁾.....;

Xét cần phải áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục
hành chính để⁽⁴⁾.....

Tôi.....⁽⁵⁾; Chức vụ:

Đơn vị:

⁽¹⁾ Nếu quyết định tạm giữ người của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì ghi ủy
ban nhân dân xã, thị trấn.... mà không ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính tỉnh.

⁽³⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi rõ lý do tạm giữ người như: để ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi gây rối trật tự
công cộng, gây thương tích cho người khác hoặc để thu nhập, xác minh những tình
tiết quan trọng làm căn cứ để Quyết định xử lý vi phạm hành chính.

⁽⁵⁾ Họ tên người ra Quyết định tạm giữ.

QUYẾT ĐỊNH

Tạm giữ Ông (bà): Tuổi:

Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Cấp ngày: Tại:

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:⁽⁶⁾
quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của.....⁽⁷⁾

Thời hạn tạm giữ là: 12 giờ kể từ thời điểm bắt đầu giữ là
hồi:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Vì lý do⁽⁸⁾ nếu thời hạn tạm giữ được kéo dài là..... giờ.

Theo yêu cầu của Ông (bà)⁽⁹⁾, việc tạm giữ được thông
báo cho gia đình, tổ chức, nơi làm việc hoặc học tập là:⁽¹⁰⁾

Vì Ông (bà)..... là người chưa thành niên và tạm giữ vào ban
đêm/ thời hạn tạm giữ trên 6 giờ, việc tạm giữ được thông báo vào
hồi:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... cho cha mẹ/
người giám hộ là: Địa chỉ

Quyết định này được giao cho:

1. Ông (bà):..... để chấp hành;

2.

3.

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa
các trang.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁶⁾ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁽⁷⁾ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

⁽⁸⁾ Nếu thời hạn tạm giữ dài hơn 12 tiếng phải ghi rõ lý do việc kéo dài thời hạn tạm giữ.

⁽⁹⁾ Nếu người bị tạm giữ không có yêu cầu thì ghi không có yêu cầu.

⁽¹⁰⁾ Ghi rõ họ tên, địa chỉ người được thông báo.

24. MẪU QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN
LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A⁽²⁾ Ngày... tháng... năm.....

Số: / QĐ-
TGTVPT

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

*Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính
ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Căn cứ Điều.... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực⁽³⁾*;

Xét:⁽⁴⁾;

Tôi:⁽⁵⁾

Chức vụ:

Đơn vị:

⁽¹⁾ Nếu quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì ghi ủy ban nhân dân xã, thị trấn mà không ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính tỉnh.

⁽³⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm. Nếu người tạm giữ không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

⁽⁵⁾ Họ tên người ra Quyết định tạm giữ.

QUYẾT ĐỊNH

Tạm giữ: Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của

Ông (bà)/ tổ chức⁽⁶⁾:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số: / Quyết định thành lập hoặc
DKKD

Cấp ngày:..... Tại:.....

Lý do:.....

Đã có hành vi vi phạm hành chính:⁽⁷⁾.....

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... Nghị định số.....
quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực⁽⁸⁾

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được
lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/ tổ chức:..... để chấp hành;
2.⁽⁹⁾
3.

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa
các trang.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ⁽¹⁰⁾

⁽⁶⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁽⁷⁾ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

⁽⁹⁾ Trường hợp người Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì Quyết định này phải được gửi để báo cáo cho Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ.

⁽¹⁰⁾ Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ (người tạm giữ không có thẩm quyền theo quy định tại Điều 45 Pháp lệnh) có ý kiến về việc tạm giữ, đồng ý hoặc không đồng ý.

25. MẪU QUYẾT ĐỊNH KHÁM NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN
RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A⁽²⁾Ngày..... tháng..... năm.....

Số: /
QĐ-KN

QUYẾT ĐỊNH KHÁM NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

*Căn cứ Điều 45, Điều 47 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính
ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Căn cứ Điều.... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực⁽³⁾.....;*

Xét:.....⁽⁴⁾

Tôi.....⁽⁵⁾; Chức vụ:

Đơn vị:

⁽¹⁾ Nếu quyết định khám người của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị xã, thị trấn thì ghi ủy ban nhân dân xã, thị trấn... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi rõ căn cứ khám người là Ông (bà) có cất giấu trong người đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính.

⁽⁵⁾ Họ tên người ra Quyết định khám người.

QUYẾT ĐỊNH

Khám người Ông (bà): Tuổi:

Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Cấp ngày: Tại:

Quyết định khám người này đã được thông báo cho Ông (bà)⁽⁶⁾....

Việc khám người có người chứng kiến là Ông (bà)⁽⁷⁾

Quyết định này được giao cho:

Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Cấp ngày: Tại:

Việc khám người được lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà): để chấp hành;

2.

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁶⁾ Họ tên người bị khám.

⁽⁷⁾ Họ tên người chứng kiến.

26. MẪU QUYẾT ĐỊNH KHÁM NƠI CẮT GIẤU TANG VẬT PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH A⁽²⁾Ngày... tháng... năm.....

Số: / QĐ-
KNCGTV-PT

QUYẾT ĐỊNH KHÁM NƠI CẮT GIẤU TANG VẬT PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Căn cứ vào Điều 45, Điều 49 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ vào Điều.... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực⁽³⁾.....;

Xét:.....⁽⁴⁾

Tôi.....⁽⁵⁾; Chức vụ:

Đơn vị:

⁽¹⁾ Nếu quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì ghi ủy ban nhân dân xã, thị trấn mà không ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính tỉnh.

⁽³⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi rõ căn cứ cho rằng ở nơi bị khám có cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

⁽⁵⁾ Họ tên người ra quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Khám⁽⁶⁾:
Chủ nơi bị khám là: Ông/ (bà)/ Đại diện tổ chức⁽⁷⁾: ;
Nghề nghiệp (Lĩnh vực hoạt động):
Địa chỉ: ;
Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc
ĐKKD:

Cấp ngày: Tại: Lý
do:

(Việc khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

Quyết định này được:

1. Giao cho: Ông/bà/đại diện tổ chức: để chấp hành;

2. Gửi⁽⁸⁾;

3.

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tiến hành khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện là nơi ở:

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁶⁾ Ghi rõ địa điểm bị khám.

⁽⁷⁾ Nếu không có người chủ nơi bị khám thì ghi rõ người thành niên trong gia đình họ là

⁽⁸⁾ Trường hợp người quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính thì Quyết định này phải được gửi để báo cáo cho Thủ trưởng của người ra quyết định tạm giữ.

27. MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BẰNG HÌNH THỨC PHẠT CẢNH CÁO

(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN ⁽¹⁾	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</i>
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH	_____
Số: / QĐ- XPHC	A ⁽²⁾ Ngày... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BẰNG HÌNH THỨC PHẠT CẢNH CÁO VỀ ⁽³⁾

(Theo thủ tục đơn giản)

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực⁽⁴⁾.....;

Xét hành vi vi phạm hành chính do..... thực hiện;

Tội⁽⁵⁾.....; Chức vụ:

Đơn vị:

⁽¹⁾ Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương....., huyện, thành phố thuộc tỉnh....., xã....., mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁵⁾ Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Xử phạt cảnh cáo đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁽⁶⁾:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc
DKKD:

Cấp ngày:..... Tại:

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:⁽⁷⁾

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị
định số..... ngày..... tháng..... năm quy định xử phạt vi
phạm hành chính trong lĩnh vực⁽⁸⁾.

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông/bà/tổ chức⁽⁹⁾: để chấp hành;

2.

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa
các trang.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽⁶⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁽⁷⁾ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

⁽⁹⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

28. MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BẰNG HÌNH THỨC PHẠT TIỀN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A⁽²⁾Ngày... tháng... năm.....

Số: / QĐ-
XPHC

QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BẰNG HÌNH THỨC PHẠT TIỀN (Theo thủ tục đơn giản)

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực⁽³⁾

Xét hành vi vi phạm do⁽⁴⁾..... thực hiện;

Tôi⁽⁵⁾.....; Chức vụ:

Đơn vị:

⁽¹⁾ Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương....., huyện, thành phố thuộc tỉnh....., xã....., mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi họ tên người/đại diện tổ chức vi phạm.

⁽⁵⁾ Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục đơn giản đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁽⁶⁾:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc

ĐKKD:

Cấp ngày:..... Tại:

Bằng hình thức phạt tiền với mức phạt là: đồng

(Ghi bằng chữ.....).

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:⁽⁷⁾

Hành vi của Ông (bà)/ tổ chức..... đã vi phạm quy định tại
điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị định số.....
ngày..... tháng..... năm quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực⁽⁸⁾

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành

Quyết định xử phạt trong thời hạn mỗi ngày, kể từ ngày được giao

Quyết định xử phạt là ngày..... tháng..... năm..... trừ trường

hợp.....⁽⁹⁾. Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chức..... cố tình

không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp ngay cho người ra

Quyết định xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt hoặc tại

điểm thu phạt số..... của Kho bạc Nhà nước.....⁽¹⁰⁾ trong

⁽⁶⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁽⁷⁾ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

⁽⁹⁾ Ghi rõ lý do.

⁽¹⁰⁾ Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc.

vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông/bà/tổ chức: để chấp hành;
2. Kho bạc..... để thu tiền phạt;
3.

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Người ra quyết định
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**29. MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM
HÀNH CHÍNH VỀ..... (LĨNH VỰC)**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH _____

Số: / QĐ-XPHC

A⁽²⁾ Ngày... tháng... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ⁽³⁾**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực⁽⁴⁾

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do⁽⁵⁾..... lập hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....;

Tôi⁽⁶⁾.....; Chức vụ: Đơn vị ;

⁽¹⁾ Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương....., huyện, thành phố thuộc tỉnh....., xã....., mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3).

⁽⁵⁾ Ghi họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁽⁶⁾ Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁽⁷⁾:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc
DKKD:

Cấp ngày:..... Tại:

Với các hình thức sau:

1. Hình thức xử phạt hành chính:

Cảnh cáo/ phạt tiền với mức phạt là: đồng. (Viết
bằng chữ:

2. Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề:

2. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành
chính gồm:

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính:⁽⁸⁾

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị
định số..... ngày..... tháng..... năm..... quy định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực⁽⁹⁾

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:.....

Điều 2: Ông (bà) /tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành

⁽⁷⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁽⁸⁾ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁽⁹⁾ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

Quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt là ngày..... tháng..... năm..... trừ trường hợp được hoãn chấp hành hoặc.....⁽¹⁰⁾.

Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chức..... cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số: của Kho bạc Nhà nước.....⁽¹¹⁾ trong vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/ tổ chức..... có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....⁽¹²⁾

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/ tổ chức..... để chấp hành;
2. Kho bạc..... để thu tiền phạt;
3.

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽¹⁰⁾ Ghi rõ lý do

⁽¹¹⁾ Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc.

⁽¹²⁾ Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.

30. MẪU QUYẾT ĐỊNH CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH A⁽²⁾Ngày... tháng... năm.....

Số: /QĐ-CC

QUYẾT ĐỊNH CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ⁽³⁾

Căn cứ Điều 66 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về..... số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....;

Tôi⁽⁴⁾

Chức vụ:

Đơn vị

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về.....

Đối với:.....

⁽¹⁾ Nếu Quyết định cưỡng chế của Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương....., huyện, thành phố thuộc tỉnh....., xã....., mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Ghi họ tên, chức vụ người ra Quyết định cưỡng chế.

Ông (bà)/tổ chức⁽⁵⁾: ;
Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): ;
Địa chỉ: ;
Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc
ĐKKD:
Cấp ngày: Tại: ;

*** Biện pháp cưỡng chế:⁽⁶⁾**

Điều 2: Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày:

Quyết định có..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Quyết định này được giao cho Ông (bà)/tổ chức..... để thực hiện.

Quyết định này được gửi cho:

1. để (7)

2. để (8)

Người ra quyết định
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽⁵⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁽⁶⁾ Ghi cụ thể biện pháp cưỡng chế, số tiền cưỡng chế, hoặc các biện pháp khác phục phải thực hiện.

⁽⁷⁾ Nếu biện pháp cưỡng chế là khấu trừ lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại Ngân hàng thì Quyết định được gửi cho cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc hoặc Ngân hàng để phối hợp thực hiện.

⁽⁸⁾ Nếu biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh, buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện, buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại thì Quyết định được gửi cho Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

**31. MẪU QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG
CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ
DO VI PHẠM HÀNH CHÍNH GÂY RA
(Trong trường hợp không áp dụng xử phạt)**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ)*

**TÊN CƠ QUAN
CHỦ QUẢN⁽¹⁾
TÊN CƠ QUAN RA
QUYẾT ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A⁽²⁾Ngày... tháng... năm.....

Số: /
QĐ-KPHQ

**ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ
DO VI PHẠM HÀNH CHÍNH GÂY RA
Trong trường hợp không áp dụng xử phạt về⁽³⁾**

*Căn cứ Điều.....⁽⁴⁾ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính
ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực⁽⁵⁾*

⁽¹⁾ Nếu Quyết định khắc phục hậu quả của Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh... xã....., mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

⁽²⁾ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁽³⁾ Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

⁽⁴⁾ Nếu Quyết định khắc phục hậu quả trong trường hợp hết thời hiệu thì ghi căn cứ vào Điều 10, nếu trong trường hợp hết thời hạn ra Quyết định xử phạt thì ghi căn cứ vào Điều 56 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

⁽⁵⁾ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3).

Vì.....⁽⁶⁾ nên không áp dụng xử phạt vi phạm hành chính; Để khắc phục triệt để hậu quả do vi phạm hành chính gây ra,

Tôi⁽⁷⁾.....

Chức vụ:; Đơn vị

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính đối với Ông (bà)/tổ chức⁽⁸⁾:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/ Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:

Cấp ngày:..... Tại:

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:⁽⁹⁾

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của.....⁽¹⁰⁾.

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

Lý do không xử phạt vi phạm hành chính:.....

Hậu quả cần khắc phục là:

Biện pháp để khắc phục hậu quả là:

Điều 2. Ông (bà) tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp

⁽⁶⁾ Ghi rõ lý do không xử phạt.

⁽⁷⁾ Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

⁽⁸⁾ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁽⁹⁾ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁽¹⁰⁾ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

hành Quyết định này trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định là ngày..... tháng..... năm..... trừ trường hợp.....⁽¹¹⁾. Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/ tổ chức..... cố tình không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/ tổ chức có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....⁽¹²⁾.

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Trong thời hạn ba ngày, quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/ tổ chức: để chấp hành;
.....
2.
3.

Người ra quyết định
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽¹¹⁾ Ghi rõ lý do.

⁽¹²⁾ Ngày ký quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền quyết định.

32. MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

(Kèm theo Thông tư số 01/TT-LĐTBXH
ngày 06/01/1997 của Bộ LĐTBXH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm..... 200....

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 200....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện bên lập biên bản:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

- Đại diện bên vi phạm:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Lập biên bản sự việc sau:.....

.....

Ông, bà (hoặc tổ chức): đã vi phạm quy định tại:

- Điều khoản..... điểm..... của Bộ Luật Lao động (hoặc Nghị định số..... hướng dẫn thi hành Bộ Luật Lao động).

- Điều khoản..... điểm..... của Bộ Luật Lao động (hoặc Nghị định số..... hướng dẫn thi hành Bộ Luật Lao động).

- Điều khoản..... điểm..... của Bộ Luật Lao động (hoặc Nghị định số..... hướng dẫn thi hành Bộ Luật Lao động).

Trong điều kiện, hoàn cảnh:

.....

Biên bản lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau, bên vi phạm giữ 1 bản.

**Ông, bà (hoặc
đại diện tổ chức)
bên vi phạm**

Ký tên (ghi rõ họ tên)

Đại diện bên lập biên bản

Ký tên (ghi rõ họ tên)

33. MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH VỀ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

(Kèm theo Thông tư số 01/TT-LĐTBXH
ngày 06/01/1997 của Bộ LĐTBXH)

..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ , ngày... tháng... năm..... 200.....

QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH VỀ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

- Căn cứ Bộ Luật Lao động, ngày 23 tháng 6 năm 1994;
- Căn cứ Pháp lệnh về xử lý Vi phạm hành chính ngày 06/7/1995 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 38/CP ngày 25/6/1996 của Chính phủ quy định việc xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động;
- Căn cứ biên bản vi phạm hành chính về pháp luật lao động, ngày /..... /200.....;

Xét nội dung, tính chất, hành vi vi phạm hành chính.

Tôi:.....

Chức vụ:

Đơn vị công tác:.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Xử phạt đối với ông, bà (hoặc tổ chức):

+ Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Vi đã có hành vi vi phạm:

1. quy định tại Điều: khoản.....
điểm..... Nghị định 38/CP của Chính phủ ngày 25/6/1996.

2. quy định tại Điều: khoản.....
điểm..... Nghị định 38/CP của Chính phủ ngày 25/6/1996.

3. quy định tại Điều: khoản.....
điểm..... Nghị định 38/CP của Chính phủ ngày 25/6/1996.

Những hành vi vi phạm trên đã có những tình tiết giảm nhẹ
hoặc tăng nặng:

- +
- +
- +

Hình thức xử phạt tiền tổng cộng là:

Viết bằng chữ:

Hình phạt bổ sung:

Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Điều 2. có trách nhiệm đến cơ quan
Kho bạc Nhà nước tại: nộp tiền phạt và thi hành nghiêm
chỉnh các hình thức xử phạt và biện pháp khác tại Điều 1 Quyết
định này. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày được giao quyết định
xử phạt, nếu..... không tự nguyện thi hành quyết định
xử phạt này, sẽ bị cưỡng chế thi hành.

..... có quyền khiếu nại tại:..... trong thời hạn 10 ngày,
kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày..... tháng.....
năm 200.....

Người ra quyết định
Ký tên (ghi rõ họ tên)

PHẦN III

**MẪU SOẠN THẢO
CÁC VĂN BẢN TƯ PHÁP**

1. MẪU ĐƠN XIN BẢO LÃNH BỊ CAN - BỊ CÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:

(1) Phòng cảnh sát điều tra:

(2) Viện kiểm sát nhân dân:

(3) Tòa án nhân dân:

Tên chúng tôi là:

1 sinh ngày.....tháng.....năm.....

Thường trú tại:

2 sinh ngày.....tháng.....năm.....

Thường trú tại:

Nơi công tác:

Là đại diện của tổ chức (cá nhân).....đứng ra xin bảo lãnh bị can, bị cáo sau:

Hiện đang bị giam tại:

Theo lệnh tạm giam sốngày.....của....., được tại ngoại.

Chúng tôi xin cam đoan: không để bị can, bị cáo tiếp tục phạm lỗi và bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát hoặc Tòa án. Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về những điều đã cam đoan.

Vậy kính mong quý.....xem xét và quyết định theo qui định của pháp luật. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Ngày..... tháng.....năm.....

Những người làm đơn

(1) Dùng cho trường hợp khi vụ án đang trong giai đoạn điều tra

(2) Dùng cho trường hợp khi vụ án đã chuyển sang Viện Kiểm sát.

(3) Dùng cho trường hợp vụ án đã chuyển sang tòa án để xét xử.

2. MẪU ĐƠN XIN XOÁ ÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XOÁ ÁN

Kính gửi: Ông Chánh án Toà án nhân dân

Tên tôi là:sinh ngày.....tháng.....năm.....

Nơi thường trú:.....

Là:.....

Trong bản án đã có hiệu lực pháp luật số.....do Toà án nhân dân tuyên phạt ngày.....tại.....

Thưa ông Chánh án!

Kể từ ngày.....tháng.....năm..... đến nay là ngày..... tháng..... năm.....đã được.....năm, theo quy định của pháp luật, tôi đã chấp hành xong bản án và có quyền được cấp giấy chứng nhận được xoá án. Nay tôi làm đơn này kính mong ông cấp cho tôi giấy chứng nhận được xoá án. Trường hợp của tôi theo quy định sau⁽¹⁾

“Đương nhiên được xoá án”.

Những người sau đây đương nhiên được xoá án:

1. Người được miễn hình phạt.
2. Người được hưởng án treo mà không phạm tội một trong thời hạn hai năm, kể từ ngày hết thời gian thử thách.
3. Người bị kết án không phải về tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia hoặc về tội phạm quy định ở chương XII.

⁽¹⁾ Người có tên trong đơn sẽ thuộc một trong những trường hợp được ghi.

Phần các tội phạm bộ luật này, nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi việc thi hành bản án đã quá thời hạn người ấy không phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) Ba năm trong trường hợp hình phạt là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội.

b) Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù đến năm năm.
(Điều 53 - Bộ luật Hình sự)

1

a) Đã bị phạt tù đến 5 năm về tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia, mà không phạm tội mới trong thời hạn 5 năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi việc thi hành bản án đã quá thời hiệu.

b) Đã bị phạt tù trên 5 năm không kể tội gì mà không phạm tội mới trong thời hạn 10 năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi việc thi hành bản án đã quá thời hiệu.

..... “

(Trích Điều 54 - Bộ luật Hình sự)

“Xoá án trong trường hợp đặc biệt

Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt, đã lập công và được cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội đề nghị, thì toà án có thể xoá án nếu người đó đã bảo đảm được từ 1/3 đến 1/2 thời hạn quy định”.

(Điều 55 - Bộ luật hình sự)

Vậy kính mong ông Chánh án chấp nhận và ra quyết định xoá án cho tôi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Ngày..... tháng.....năm

Người làm đơn

3. MẪU ĐƠN XIN HOÃN THI HÀNH ÁN PHẠT TỬ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN HOÃN THI HÀNH ÁN PHẠT TỬ

Kính gửi: Ông Chánh án Toà án nhân dân

Tên tôi là: Tuổi:.....

Nơi thường trú:

Là bị cáo bị kết ánnăm tù giam trong bản án hình sự số.....do Toà án nhân dânxét xử.

Tôi làm đơn này kính mong ông xem xét và giải quyết theo thẩm quyền cho phép tôi được hoãn thi hành án phạt tù với lý do: ..

1. Người bị kết án bị ốm nặng được hoãn chấp hành hình phạt cho đến khi sức khoẻ phục hồi.

2. Người bị kết án là phụ nữ có thai hoặc mới sinh đẻ thì được hoãn chấp hành hình phạt từ ba tháng đến một năm;

3. Người bị kết án là người lao động duy nhất trong gia đình nếu ở tù sẽ làm cho gia đình đặc biệt khó khăn thì có thể được hoãn chấp hành hình phạt cho đến một năm

4. Quân nhân bị kết án về một tội ít nghiêm trọng nếu do nhu cầu chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu mà được người chỉ huy từ cấp trung đoàn trở lên đề nghị thì có thể được hoãn chấp hành hình phạt từ 6 tháng đến một năm”.

(Trích Điều 231 - Bộ luật Tố tụng hình sự)

Kính mong ông Chánh án chấp nhận đề nghị của tôi.

Tôi xin trân thành cảm ơn.

Ngày..... tháng.....năm

Người làm đơn

4. MẪU ĐƠN XIN HOÃN PHIÊN TOÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN HOÃN PHIÊN TOÀ

Kính gửi: Toà án nhân dân.....

Tên tôi là: sinh ngày.....tháng.....năm.....

Thường trú tại:

Là:

(Bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người đại diện hợp pháp của đương sự).

Trong vụ⁽¹⁾

Tôi làm đơn này kính mong quý toà cho phép hoãn phiên toà với lý do:

Kính mong quý toà chấp nhận đơn của tôi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Ngày..... tháng.....năm

Người làm đơn

⁽¹⁾ + "Vụ án hình sự" - Trong trường hợp là vụ án hình sự.

+ "Vụ kiện....." nếu trong trường hợp là vụ kiện dân sự.

Khoản 2 - Điều 37 - Bộ luật Tố tụng Hình sự:

"Trong trường hợp sau đây, nếu bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát hoặc Toà án phải yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa cho họ;

a) Bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình được quy định tại Bộ luật hình sự.

b) Bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần".

5. MẪU ĐƠN YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH

Kính gửi:

(Cơ quan tiến hành tố tụng có quyền trưng cầu giám định)

Tên tôi là: sinh ngày.....tháng.....năm.....

Nơi thường trú:

Là:

Nay tôi làm đơn này đề nghị quý cơ quan ra quyết định trưng cầu giám định đối với (Tài liệu nguyên nhân chết)

.....

Để làm rõ

.....

Kính mong quý cơ quan xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

Ngày..... tháng.....năm

Người làm đơn

6. MẪU ĐƠN KHIẾU NẠI (HOẶC TỔ CÁO)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN KHIẾU NẠI (HOẶC TỔ CÁO)

(Về việc.....)

I. Kính gửi:(Tên cơ quan, tổ chức, cán bộ có thẩm quyền giải quyết)

II. Lược ghi lý lịch người gửi đơn

Tên tôi làsinh ngày.....tháng.....năm.....

Thường trú tại:Số CMND:.....

Ngày và nơi cấp:hiện đang (làm gì, ở đâu):.....

III. Giải trình vụ việc (cần khiếu nại, tố cáo)

Nêu tóm tắt sự việc xảy ra, ngắn gọn, đủ tình tiết.

(Nếu quyền lợi hợp pháp bị xâm phạm bị giải quyết sai thì viết đơn khiếu nại).

(Nếu người thực hiện hành vi phạm tội, hành vi xâm phạm quyền lợi của xã hội, của bản thân, của người xung quanh một cách sai pháp luật, trái với đạo đức xã hội thì nêu rõ tên là đơn tố cáo).

IV. Nêu yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Đề nghị thẩm tra, xác minh (có thể giới thiệu tài liệu, chứng cứ, người biết việc làm chứng.....)

Giải quyết lại theo đúng chính sách pháp luật, đúng quyền lợi hợp pháp.

- Đề nghị áp dụng hình thức tài phán thích đáng đối với người bị khiếu nại, tố cáo.

V. Lời cam đoan

Tôi xin cam đoan trước cơ quan tổ chức, về nội dung khiếu nại (tố cáo) trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về nội dung đã khiếu nại (tố cáo).

Mong quý cơ quan sớm xét và giải quyết để bảo vệ quyền lợi cho
Xin chân thành cảm ơn quý cơ quan.

(Địa danh),

ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

7. MẪU ĐƠN XIN YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Mẫu số 02/TP-LLTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Kính gửi: Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội

Tôi là (họ và tên người làm đơn):

..... Giới tính:

Tên gọi khác (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (1):

Quê quán (2):

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú (3):

.....

.....

Nơi tạm trú (nếu có):

Giấy CMND/Hộ chiếu (4) số:

Ngày.....tháng.....năm..... cấp tại:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

.....

PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quê quán		
Nơi thường trú/tạm trú (3)		

PHẦN KHAI VỀ QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA BẢN THÂN TẠI VIỆT NAM
(*Tính từ khi đủ 14 tuổi*)

Từ tháng..., năm ... đến tháng..., năm...	Nơi thường trú / Tạm trú⁽³⁾

Chú thích:

- (1) Ghi rõ xã/phường, huyện/ quận, tỉnh/thành
- (2) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai, thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ, trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của người nuôi dưỡng từ nhỏ.
- (3) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ "Tạm trú....."
- (4) Đối với công dân Việt Nam, ghi Giấy CMND; Đối với công dân nước ngoài, thì ghi Hộ chiếu.

Tình trạng tiền án (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tôi làm đơn này đề nghị Sở Tư pháp Hà Nội cấp cho tôi.....
bản Phiếu lý lịch tư pháp để (Ghi rõ mục đích sử dụng Phiếu lý lịch
tư pháp):

.....

.....

.....

Hà nội, ngày.....tháng.....năm 200...

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

8. MẪU PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Mẫu số 01/TP-LLTP

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../TP-LLTP

Hà Nội, Ngày....tháng.....năm 200...

PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ Thông tư liên tịch Tư pháp - Công an số 07/1999/TTLT-BTP-BCA ban hành ngày 08 tháng 02 năm 1999 quy định việc cấp phiếu lý lịch tư pháp.

XÁC NHẬN

Ông (Bà):

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh: Quê quán:.....

Dân tộc: Quốc tịch:.....

Nơi thường trú:

Giấy CMND số:

Cấp ngày: tại:.....

Phiếu này được cấp theo yêu cầu của đương sự, nhằm mục đích:

.....

.....

.....

9. MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Mẫu TP/HT-1999.B1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

NGƯỜI KHAI	NAM	NỮ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán (1)		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú/Tạm trú (2)		
Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (3): Số: Nơi cấp: Ngày cấp:		
Kết hôn lần thứ mấy...		

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, việc kết hôn không vi phạm pháp luật về hôn nhân, gia đình và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Đề nghị Quý Ủy ban xem xét, đăng ký:

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nam

Nữ

(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân
cấp xã nơi thường trú/ Cơ quan,
đơn vị nơi công tác (về tình trạng
hôn nhân)

.....
.....

**Xác nhận này có giá trị trong thời
hạn 30 ngày, kể từ ngày ký.**

....., ngày.....tháng.....năm.....

TM. Ủy ban nhân dân.....

Chủ tịch

(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai, thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ, trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của người nuôi dưỡng từ nhỏ.
- (2) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ "Tạm trú....."
- (3) Ghi rõ loại Giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu).

10. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Mẫu TP/HT-1999-B.2

Số:.....

Quyển số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG.....
HUYỆN, QUẬN.....
TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên chồng: Họ và tên vợ:

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Quê quán (1): Quê quán (1):

Nơi thường trú/Tạm trú (2)..... Nơi thường trú/Tạm trú (2):.....

Giấy CMND Giấy tờ hợp lệ
thay thế (3): Giấy CMND Giấy tờ hợp lệ
thay thế (3):.....

Số: Số:

Cấp tại: Cấp tại:

Ngày tháng.....năm..... Ngàytháng.....năm.....

Chồng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Vợ

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

TM. Ủy ban nhân dân.....

Chủ tịch

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cán bộ hộ tịch

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai, thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ, trong trường hợp không xác định được cha, mẹ, đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của người nuôi dưỡng từ nhỏ.
- (2) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ "Tạm trú....."
- (3) Ghi rõ loại Giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu).

11. MẪU ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC KẾT HÔN

Mẫu TP/HT-1999-B.3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC KẾT HÔN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Chúng tôi là:

Họ và tên chồng	Họ và tên vợ.....
Ngày, tháng, năm sinh:	Ngày, tháng, năm sinh:
Dân tộc:	Dân tộc:
Quốc tịch:	Quốc tịch:
Quê quán (1):	Quê quán (1):
Nơi thường trú/Tạm trú (2):	Nơi thường trú/Tạm trú (2):
Giấy CMND / Giấy tờ hợp lệ thay thế (3):..	Giấy CMND / Giấy tờ hợp lệ thay thế (3):..
Số:	Số:
Cấp tại:	Cấp tại:
Ngày.....tháng.....năm.....	Ngày.....tháng.....năm.....

Đã đăng ký kết hôn tại:

Ngày.....tháng.....năm.....

Lý do xin đăng ký lại:
.....
.....

Xác nhận của người làm chứng thứ nhất:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi thường trú/Tạm trú (2):

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (3):

Số: Cấp tại: ngày.....tháng.....năm.....

Tôi xin xác nhận những lời khai trên đây củalà đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

.....ngày.....tháng.....
năm.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của người làm chứng thứ hai:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi thường trú/ Tạm trú (2):

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (3):

Số: Cấp tại:..... ngày..... tháng..... năm.....

Tôi xin xác nhận những lời khai trên đây củalà đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

.....ngày.....tháng.....năm.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai của chúng tôi và xác nhận của hai người làm chứng trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Quý Ủy ban xem xét, đăng ký.

.....ngày.....tháng.....năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi
đã đăng ký kết hôn trước đây (4)

.....
.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

TM. Ủy ban nhân dân

.....

(Chủ tịch)

Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu

Chú thích:

- (1) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai, thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ, trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của người nuôi dưỡng từ nhỏ.
- (2) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ "Tạm trú....."
- (3) Ghi rõ loại Giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu).
- (4) Chỉ cần thiết đối với trường hợp nơi đăng ký lại việc kết hôn khác với nơi đã đăng ký kết hôn trước đây.

12. MẪU GIẤY KHAI SINH

Mẫu TP/HT-1999-A.2

Số:.....

Quyển số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG.....
HUYỆN, QUẬN.....
TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

(Ghi bằng chữ):

Nơi sinh (1): Dân tộc:.....

Quốc tịch: Quê quán (2):.....

PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán (2)		
Nơi thường trú/ Tạm trú (3) ⁽³⁾		

Chú thích:

- (1) Ghi rõ địa điểm sinh (bệnh viện, trạm y tế...), xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố.
- (2) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai, thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ, trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì để trống.
- (3) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ "Tạm trú....".

Họ tên, năm sinh, số Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế của người đi khai sinh:.....

Quan hệ với người được khai sinh:

.....,ngày.....tháng...năm.....

Người đi khai sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ hộ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên)

T/M Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

13. MẪU GIẤY KHAI SINH (BẢN SAO)

Mẫu TP/HT-1999-A.2.a

Số:.....

Quyển số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG.....
HUYỆN, QUẬN.....
TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHAI SINH

(Bản sao)

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

(ghi bằng chữ):

Nơi sinh : Dân tộc:.....

Quốc tịch: Quê quán:.....

.....

.....

PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán		
Nơi thường trú/ Tạm trú		

Họ tên, năm sinh, số Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế của người đi khai sinh:.....

Quan hệ với người được khai sinh:

.....,ngày.....tháng...năm.....

Người đi khai sinh
(Đã ký)

Cán bộ hộ tịch
(Đã ký)

T/M Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Đã ký)

Sao từ sổ đăng ký khai sinh
.....,ngày.....tháng.....năm

T/M Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

14. MẪU ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ KHAI SINH QUÁ HẠN

Mẫu TP/HT-1999.A.2

Số:.....

Quyển số:.....n.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ KHAI SINH QUÁ HẠN

Kính gửi:

Ủy ban nhân dân.....

Tôi là (Họ và tên người làm đơn):

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi thường trú, Tạm trú (1):.....

.....

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (2):

Số: , cấp tại....., ngày.....tháng.....năm.....

Quan hệ với người được khai sinh:

.....

Xin đăng ký khai sinh quá hạn cho người có tên dưới đây:

Họ và tên:Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:Nơi sinh (3):.....

.....

Dân tộc:Quốc tịch:.....

Con thứ mấy: Số con trong một lần sinh (4):.....

PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán (5)		
Nơi thường trú/ Tạm trú (1)		

Lý do không đăng ký đúng hạn:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Đề nghị Quý Ủy ban xem xét, đăng ký.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ “tạm trú.....”.
- (2) Ghi rõ loại Giấy tờ hợp lệ, thay thế (Hộ chiếu...).
- (3) Ghi rõ địa điểm sinh (bệnh viện, trạm y tế...), xã/ phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố.
- (4) Trong trường hợp sinh đôi, sinh ba... phải phân định rõ thứ tự sinh.
- (5) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai, thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ, trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của người nuôi dưỡng từ nhỏ.

15. MẪU ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC SINH

Mẫu TP/HT-1999.A4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC SINH

Kính gửi:

Ủy ban nhân dân.....

Tôi là (Họ và tên người làm đơn):

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi thường trú, Tạm trú (1):.....

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (2):

Số: , cấp tại....., ngày.....tháng.....năm.....

Quan hệ với người được khai sinh:

Xin đăng ký lại việc sinh cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh (3):.....

Dân tộc: Quốc tịch:.....

Con thứ mấy: . Số con trong một lần sinh (4):.....

Đã đăng ký khai sinh tại:

Ngày.....tháng.....năm.....

PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán (5)		
Nơi thường trú/ Tạm trú (1)		

Lý do xin đăng ký lại:

.....

Xác nhận của người làm chứng thứ nhất:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi thường trú/ Tạm trú (1):

Giấy CMND / Giấy tờ hợp lệ thay thế (2):

Số: , cấp tại....., ngày.....tháng.....năm.....

Tôi xin xác nhận những lời khai trên đây của là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

.....ngày.....tháng.....năm.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của người làm chứng thứ hai:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi thường trú/Tạm trú (1):

Giấy CMND / Giấy tờ hợp lệ thay thế (2):

Số: , cấp tại....., ngày.....tháng.....năm.....

Tôi xin xác nhận những lời khai trên đây củalà đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

.....ngày.....tháng.....năm.....
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tôi xin cam đoan những lời khai của tôi và xác nhận của hai người làm chứng trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Quý Ủy ban xem xét, đăng ký.

.....ngày.....tháng.....năm.....
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã
nơi đã đăng ký khai sinh trước đây (6)

.....
.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ "Tạm trú....."
- (2) Ghi rõ loại Giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu...)
- (3) Ghi rõ địa điểm sinh (bệnh viện, trạm y tế...), xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố
- (4) Trong trường hợp sinh đôi, sinh ba.... phải phân định rõ thứ tự sinh
- (5) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai, thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ, trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của người nuôi dưỡng từ nhỏ.
- (6) Chỉ cần thiết đối với trường hợp nơi đăng ký lại việc sinh khác với nơi đã đăng ký khai sinh trước đây.

**16. MẪU ĐƠN XIN THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH,
XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC TRONG GIẤY KHAI SINH**

Mẫu TP/HT-1999.G1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN XIN THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH
XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC TRONG GIẤY KHAI SINH**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân
tỉnh/thành phố.....

Tôi là (Họ và tên người làm đơn):

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/Tạm trú (1):

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (2):

Số:....., cấp tại:.....ngày.....tháng.....năm.

Xin thay đổi, cải chính hộ tịch/xác định lại dân tộc cho (3):

Quan hệ với người được xin thay đổi, cải chính hộ tịch: xác định
lại dân tộc (4):

Theo giấy khai sinh số:Quyển số:.....

Cấp tại:, ngày.....tháng.....năm.....

Nội dung xin thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc (5):

Lý do:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Đề nghị quý Ủy ban xem xét, giải quyết.

Ý kiến của người từ đủ 9 tuổingày....tháng....năm....
đến dưới 18 tuổi (4) **Người làm đơn**
(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND
cấp xã nơi đã đăng ký khai
sinh trước đây (6)

Xác nhận của UBND
cấp xã nơi thường trú của người
được xin thay đổi, cải chính
hộ tịch; xác định lại dân tộc

....., ngày...tháng..năm.....
T/M Ủy ban nhân dân ...
Chủ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

....., ngày....tháng.....năm.....
T/M Ủy ban nhân dân....
Chủ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ "Tạm trú....."
- (2) Ghi rõ loại giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu,.....)
- (3) Ghi rõ làm đơn cho ai (bản thân hay người khác); trong trường hợp làm đơn cho người khác thì phải ghi rõ họ và tên của người đó.
- (4) Chỉ cần thiết trong trường hợp làm đơn cho người khác.
- (5) Ghi rõ yêu cầu xin thay đổi họ, tên, chữ đệm hoặc cải chính họ, tên, chữ, đệm, ngày, tháng, năm sinh hoặc xác định lại dân tộc.
- (6) Chỉ cần thiết trong trường hợp nơi thường trú của người được xin thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc khác với nơi đã đăng ký khai sinh trước đây.

17. MẪU QUYẾT ĐỊNH CHO PHÉP THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC TRONG GIẤY KHAI SINH

Mẫu TP/HT-1999-G.2

Số:.....

Quyển số:.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... QĐ/UB

..... Ngày.... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH CHO PHÉP THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH,
XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC TRONG GIẤY KHAI SINH**

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày.....tháng....năm.....

- Căn cứ Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch;

- Xét đơn của Ông/Bà.....

.....

Về việc:

Theo đề nghị của Giám đốc sở Tư pháp:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cho phép (1):

.....

Nơi thường trú/Tạm trú (2):

.....

Giấy CMND /Giấy tờ hợp lệ thay thế (3):

Số: Cấp tại:....., ngày.....tháng.....năm.....

Được:

Trong Giấy khai sinh số: Quyển số:

Cấp tại:, ngày.....tháng.....năm.....

Từ:

Thành:

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Giám đốc sở tư pháp tỉnh/thành phố.....có trách nhiệm, căn cứ vào Quyết định này, ghi rõ nội dung thay đổi vào sổ đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch và bản chính Giấy khai sinh.

Bản chính giấy khai sinh đã ghi chú sự thay đổi nói trên là căn cứ để điều chỉnh các giấy tờ, hồ sơ cá nhân của đương sự.

Cán bộ hộ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi rõ họ và tên người được thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc.
- (2) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ "Tạm trú....."
- (3) Ghi rõ loại giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu.....)

18. MẪU GIẤY CHỨNG TỬ

Mẫu TP/HT-1999-C.2

Số:.....

Quyển số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG.....
HUYỆN, QUẬN.....
TỈNH, THÀNH PHỐ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG TỬ

Họ và tên: Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:
Dân tộc: Quốc tịch:.....
Quê quán (1):
Nơi thường trú/Tạm trú cuối cùng (2):
Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (3):
Số:
Cấp tại: ngày..... tháng..... năm.....
Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....
Nơi chết (4):
Nguyên nhân chết:

.....Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ hộ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai, thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ, trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của người nuôi dưỡng từ nhỏ.
- (2) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ "Tạm trú....."
- (3) Ghi rõ loại Giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu.....)
- (4) Ghi rõ địa điểm chết (bệnh viện, trạm y tế...), xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố.

19. MẪU GIẤY CHỨNG TỬ (BẢN SAO)

Mẫu TP/HT-1999-C.2.a

Số:.....

Quyển số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ, PHƯỜNG.....
HUYỆN, QUẬN.....
TỈNH, THÀNH PHỐ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG TỬ

(Bản sao)

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:.....

Quê quán (1):

Nơi thường trú/Tạm trú cuối cùng (2):

.....

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (3):

Số:

Cấp tại: ngày.....tháng.....năm.....

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Nơi chết (4):

Nguyên nhân chết:

Cán bộ hộ tịch

(Đã ký)

.....Ngày.....tháng..... năm.....

TM. Ủy ban nhân dân.....

Chủ tịch

(Đã ký)

Sao từ Sổ Đăng ký khai tử

.....Ngày..... tháng..... năm.....

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

20. MẪU ĐƠN XIN NHẬN CON

Mẫu TP/HT-1999.E1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬN CON

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Tôi là (Họ và tên người làm đơn):

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:.....

Quê quán (1):

Nơi thường trú/ Tạm trú (2):

Giấy CMND / Giấy tờ hợp lệ thay thế (3).....

Số:....., cấp tại:.....ngày.....tháng.....năm

Xin công nhận người có tên dưới đây là con của tôi:

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/ Tạm trú (2).....

Hiện đang được người có tên dưới đây nuôi dưỡng:

	Ông	Bà
Họ và tên
Ngày, tháng, năm sinh:
Dân tộc:
Quốc tịch:
Quê quán (1):
Nơi thường trú/Tạm trú (2):
Giấy CMND / Giấy tờ hợp lệ thay thế (3)
Số:
Nơi cấp:
Ngày cấp:
Quan hệ với người được nuôi dưỡng

Lý do nhận con:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thực, việc xin nhận con là tự nguyện, không có tranh chấp và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xin nhận con của mình.

Đề nghị Quý Ủy ban xem xét, công nhận.

....., ngày.....tháng.....năm...

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của người
hiện đang nuôi dưỡng

.....

.....,

ngày.....tháng.....năm.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ý kiến của người được nhận làm con (1)

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày.....tháng.....năm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của Người nuôi dưỡng từ nhỏ.
- (2) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ “tạm trú.....”
- (3) Ghi rõ loại giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu,.....)
- (4) Chỉ cần thiết trong trường hợp người được nhận là con từ đủ 9 tuổi trở lên

21. MẪU ĐƠN XIN NHẬN CHA MẸ
(Dùng cho trẻ dưới 15 tuổi)

Mẫu TP/HT-1999.E1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬN CHA MẸ
(Dùng cho trẻ dưới 15 tuổi)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Tôi là (Họ và tên người làm đơn):

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi thường trú/Tạm trú (1).....

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (2)

Số: ..., cấp tại;.....ngày.....tháng.....năm.....

Quan hệ với trẻ em xin nhận cha/mẹ:

Xin công nhận người có tên dưới đây:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc; Quốc tịch:

Quê quán (3):

Nơi thường trú/ Tạm trú (1):

Giấy CMND / Giấy tờ hợp lệ thay thế (2).....

Số....., cấp tại; ngày.....tháng.....năm.....

Là cha/ mẹ của trẻ em có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh.....

Dân tộc; Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/ Tạm trú (1):

.....

Lý do nhận cha/mẹ:

.....

.....

.....

.....

**22. MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
VIỆC NHẬN CHA, MẸ, CON**

Mẫu TP/HT-1999-E.4

Số:.....
Quyển số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ, PHƯỜNG..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HUYỆN, QUẬN.....
TỈNH, THÀNH PHỐ...
Số:..... QĐ/UB Ngày..... tháng... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN VIỆC NHẬN CHA, MẸ, CON**

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày.....tháng....năm.....

- Căn cứ Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch;

- Xét đơn xin nhận (1):

Của (2):

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận người có tên dưới đây:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:.....

Quê quán (3):

Nơi thường trú/Tạm trú (4):

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):

Số: cấp tại:..... ngày..... tháng..... năm.....

Là cha/mẹ của người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/Tạm trú (4):

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):

Số: cấp tại:..... ngày..... tháng..... năm.....

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Cán bộ hộ tịch

(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi rõ đơn xin nhận con hoặc đơn xin nhận cha/mẹ.
- (2) Ghi rõ tên của người làm đơn.
- (3) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ; nếu không rõ cha đẻ là ai thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ; trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của người nuôi dưỡng từ nhỏ.
- (4) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ. "Tạm trú....."
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu,.....)

23. MẪU GIẤY THỎA THUẬN VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI

Mẫu TP/HT-1999.D.2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY THỎA THUẬN VỀ VIỆC CHO TRẺ LÀM CON NUÔI

Chúng tôi (Tôi) là:.....

Cha mẹ đẻ/ Người giám hộ có tên dưới đây:

	ÔNG	BÀ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh:		
Dân tộc:		
Quốc tịch:		
Nơi thường trú/ Tạm trú (1):		
Giấy CMND/ Giấy tờ hợp lệ thay thế: Số: Nơi cấp: Ngày cấp:		

(Tên cơ sở y tế/ Cơ sở nuôi dưỡng):

Người đại diện:.....

Chức vụ:

Giấy CMND / Giấy tờ hợp lệ thay thế (2):

Số:

Cấp tại:..... ngày..... tháng..... năm.....

Đồng ý cho trẻ em có tên dưới đây:

Họ và tên:..... Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Quê quán (3):.....

Nơi thường trú/ Tạm trú (1):

.....

Làm con nuôi của Ông Bà (Ông/Bà)

	ÔNG	BÀ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh:		
Dân tộc:		
Quốc tịch:		
Quê quán (3):		
Nơi thường trú/ Tạm trú (1):		
Giấy CMND/ Giấy tờ hợp lệ thay thế (2):		
Số:		
Nơi cấp:		
Ngày cấp:		

Lý do đồng ý cho trẻ em làm con nuôi:

.....
.....

Chúng tôi (Tôi) xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thực và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự thỏa thuận của mình.

Xác nhận của UBND cấp xã
nơi thường trú của Cha mẹ đẻ/
Người giám hộ hoặc nơi có
Cơ sở y tế/ Cơ sở nuôi dưỡng

.....
.....

...ngày.....tháng.....năm....

Người làm giấy
thỏa thuận (4)
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....ngày.....tháng.....năm.....

(Ký và ghi rõ họ tên,
chức vụ, đóng dấu)

**Ý kiến của người được nhận làm
con nuôi từ 9 tuổi trở lên**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ. "Tạm trú....."
- (2) Ghi rõ loại giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu,.....)
- (3) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ; trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của Người nuôi dưỡng từ nhỏ hoặc bỏ trống.
- (4) Nếu là Cơ sở y tế/Cơ sở nuôi dưỡng phải do Thủ trưởng đại diện và ký tên, đóng dấu.

24. MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN NUÔI CON NUÔI

Mẫu TP/HT-1999-D.3

Số:.....

Quyển số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG.....

HUYỆN, QUẬN.....

TỈNH, THÀNH PHỐ...

Số:..... QĐ/UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... Ngày..... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN NUÔI CON NUÔI

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày.....tháng....năm.....

- Căn cứ Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch;

- Xét đơn xin nhận trẻ em làm con nuôi của:

Và giấy thỏa thuận về việc cho trẻ em làm con nuôi của:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận

Họ và tên	ÔNG	BÀ
Ngày, tháng, năm sinh:		
Dân tộc:		
Quốc tịch:		
Quê quán (1)		

Nơi thường trú/ Tạm trú (2):		
Giấy CMND/ Giấy tờ hợp lệ thay thế (3) Số: Nơi cấp: Ngày cấp:		

Là cha mẹ (cha mẹ) nuôi con của người có dưới đây:

Họ và tên:..... Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Quê quán (1):.....

Nơi thường trú/ Tạm trú (2):

.....

.....

Điều 2: Người nuôi và con nuôi có các nghĩa vụ, quyền của cha mẹ và con theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Điều 3: quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cán bộ hộ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. Ủy ban nhân dân
Chủ tịch
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi theo nơi sinh trưởng của cha đẻ, nếu không rõ cha đẻ là ai thì theo nơi sinh trưởng của mẹ đẻ; trong trường hợp không xác định được cha, mẹ đẻ, thì theo nơi sinh trưởng của Người nuôi dưỡng từ nhỏ hoặc bỏ trống.
- (2) Ghi đúng theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; trong trường hợp không có nơi thường trú, thì ghi theo nơi tạm trú và ghi rõ. "Tạm trú....."
- (3) Ghi rõ loại giấy tờ hợp lệ thay thế (Hộ chiếu,.....)

25. MẪU GIẤY GIAO NHẬN VIỆC NUÔI CON NUÔI

Mẫu TP/HT10

Quyển số:.....

Số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG.....
HUYỆN, QUẬN.....
TỈNH, THÀNH PHỐ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY GIAO NHẬN VIỆC NUÔI CON NUÔI

Họ và tên đứa trẻ	Nam hay nữ..
Sinh ngày, tháng, năm	Dân tộc.....
Nơi sinh	Quốc tịch.....
PHẦN KHAI VỀ NGƯỜI GIAO VÀ NGƯỜI NHẬN	NGƯỜI GIAO	NGƯỜI NHẬN
Họ và tên
Sinh ngày, tháng, năm
Dân tộc
Quốc tịch
Nghề nghiệp
Nơi thường trú
Số giấy chứng minh nhân dân hộ chiếu
Quan hệ với đứa trẻ
Lý do giao nhận

Chúng tôi xin cam đoan trước UBND việc giao nhận, nhận con nuôi thực hiện đúng các Điều 34, 35, 36, Chương VI của luật hôn nhân và gia đình.

Công nhận Ngày..... tháng.... năm.....

Người giao ký

(Ghi rõ họ, tên)

Người nhận ký

(Ghi rõ họ tên)

TM/ UBND

Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên)

PHẦN IV

**MẪU SOẠN THẢO
CÁC VĂN BẢN HỢP ĐỒNG**

I. MẪU HỢP ĐỒNG ỦY THÁC XUẤT KHẨU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY THÁC XUẤT KHẨU

Hợp đồng số:...../ HĐKTXK

- Căn cứ Pháp lệnh HĐKT ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 17-HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh HĐKT;

- Căn cứ vào (Các văn bản của ngành và địa phương quy định cụ thể về xuất nhập khẩu và ủy thác XNK).

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Tại (địa điểm ký kết):

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên ủy thác):

- Tên Doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là Ông (bà):

- Chức vụ:

- Giấy ủy quyền số: (nếu có) viết ngày..... tháng..... năm.....

Do: Chức vụ: ký.

Bên B (bên nhận ủy thác):

- Tên Doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Telex: Fax:
 - Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
 - Đại diện là Ông (bà):
 - Chức vụ:
 - Giấy ủy quyền số: (nếu có) viết ngày.....
 tháng..... năm.....
 Do: Chức vụ: ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung Hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc ủy thác

1. Bên A ủy thác cho Bên B xuất khẩu những mặt hàng sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
					Cộng	

2. Tổng giá trị tính theo tiền Việt Nam (bằng chữ):.....

3. Tổng giá trị tính theo ngoại tệ (bằng chữ):

Điều 2. Quy cách phẩm chất hàng hóa

1. Bên B có trách nhiệm hướng dẫn trước cho Bên A về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, tiêu chuẩn kiểm dịch, bao bì, cách chọn mẫu để chào hàng, v.v... ngay từ khi sản xuất, chế biến.

2. Bên A phải cung cấp cho Bên B các tài liệu cần thiết về quy cách, phẩm chất, mẫu hàng.... để chào bán.

3. Bên A phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa (nếu có sự sai lệch so với nội dung chào hàng) đồng thời chịu trách nhiệm về số lượng hàng hóa bên trong bao bì; trong các kiện hàng hoặc container do Bên A đóng, khi hàng đến tay bên nước ngoài.

Điều 3. Quyền sở hữu hàng xuất khẩu

1. Hàng hóa ủy thác xuất khẩu là tài sản thuộc sở hữu của Bên A cho đến khi hàng đó được Bên A chuyển quyền sở hữu cho khách

hàng nước ngoài. Trong bất kỳ giai đoạn nào, Bên B cũng không có quyền sở hữu số hàng ủy thác này.

2. Bên B phải tạo điều kiện cho Bên A được tham gia cùng giao dịch, đàm phán với bên nước ngoài về việc chào bán hàng hóa của mình.

3. Mỗi lô hàng này Bên A cam đoan chỉ ủy thác cho Bên B là đơn vị có chức năng xuất nhập khẩu tiến hành chào hàng và xuất khẩu kể từ ngày..... tháng..... năm....., nếu sau đó Bên A lại chuyển quyền sở hữu lô hàng ủy thác này cho đơn vị khác hoặc dùng nó để gán nợ, để thế chấp, cầm cố bảo lãnh tài sản trong các HĐKT khác mà không được sự đồng ý của Bên B thì Bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điều 4. Vận chuyển, giao dịch xuất khẩu lô hàng đã ủy thác.

1. Bên A có trách nhiệm vận chuyển hàng tới địa điểm theo đúng thời gian Bên B hướng dẫn là:

- Địa điểm:

- Thời gian: Hàng phải có trước..... giờ ngày

2. Bên B có trách nhiệm khẩn trương giao dịch xuất khẩu hàng hóa trong thời gian ngày (kể từ ngày Bên A báo đã chuẩn bị đủ các yêu cầu về hàng hóa thỏa thuận với Bên B). Nếu không giao dịch được trong thời gian nói trên, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A biết để xử lý lô hàng đó.

3. Bên B có trách nhiệm xuất khẩu hàng hóa với điều kiện có lợi nhất cho Bên A (về giá cả cao, khả năng thanh toán nhanh bằng ngoại tệ mạnh, v.v...).

Điều 5. Thanh toán tiền bán hàng

1. Bên B có trách nhiệm cung cấp cho ngân hàng (ngoại thương)..... tại..... những tài liệu cần thiết để tạo thuận lợi cho Bên A nhận được ngoại tệ do bên nước ngoài thanh toán một cách nhanh chóng nhất.

2. Bên A được quyền sử dụng ngoại tệ đó theo quy định của Nhà nước, Bên B không có quyền trong việc sở hữu số ngoại tệ này.

Điều 6. Giải quyết rủi ro

Bên A phải chịu thiệt thòi về những rủi ro trong quá trình ủy thác xuất khẩu lô hàng trên nếu Bên B chứng minh là họ không có lỗi và đã làm đầy đủ mọi trách nhiệm bồi thường ở người thứ ba (là người có lỗi gây rủi ro như làm đổ vỡ, cháy.... hàng hóa ủy thác xuất khẩu).

Trường hợp này người thứ ba thực hiện nghĩa vụ bồi thường trực tiếp cho Bên A.

Điều 7. Trả chi phí ủy thác

1. Bên A phải thanh toán cho Bên B tổng chi phí ủy thác theo mức quy định của Nhà nước (có thể do hai bên thỏa thuận).

- Số tiền chi phí ủy thác mặt hàng..... (thứ nhất) là..... đồng.

- Số tiền chi phí ủy thác mặt hàng..... (thứ hai) là đồng.

- Số tiền chi phí ủy thác mặt hàng..... (thứ ba) là..... đồng.

Tổng chi phí ủy thác là: (số)..... đồng.

(Bằng chữ)

2. Thanh toán theo phương thức

(có thể chuyển khoản, tiền mặt, v.v...).

Điều 8. Trách nhiệm của các bên trong thực hiện Hợp đồng.

1. Trường hợp hàng hóa bị khiếu nại do những sai sót của Bên A thì Bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách nước ngoài theo kết quả giải quyết cùng với Bên B.

2. Bên B có trách nhiệm làm đủ những công việc cần thiết hợp lý để giải quyết những khiếu nại khi khách nước ngoài phát đơn, kể cả trường hợp hàng hóa ủy thác xuất khẩu có tổn thất vì gặp rủi ro.

Bên B nếu có lỗi trong các trường hợp bị khiếu nại hoặc gặp rủi ro trên, cũng phải chịu trách nhiệm vật chất theo phần lỗi của mình.

3. Khi xác định phần lỗi phải bồi thường thiệt hại vật chất thuộc trách nhiệm của Bên A thì Bên B có nghĩa vụ gửi những tài liệu pháp lý chứng minh đến ngân hàng ngoại thương khu vực... (nơi Bên A mở tài khoản để nhận thanh toán ngoại tệ) để ngân hàng này trích tài khoản của Bên A, trả bồi thường cho khách hàng nước

ngoài, đồng thời Bên B phải thông báo cho Bên A biết.

4. Nếu Bên B thực hiện nội dung hướng dẫn không cụ thể về hàng hóa sai yêu cầu mà khách hàng đưa ra, gây thiệt hại cho bên A thì Bên B có trách nhiệm bồi thường những thiệt hại thực tế gây ra cho Bên A do hàng hóa không xuất khẩu được.

5. Bên A không chấp hành đúng thời gian và địa điểm giao nhận hàng theo hướng dẫn của Bên B, dẫn tới hậu quả bị bên khách hàng nước ngoài phạt Hợp đồng với Bên B và bắt bồi thường các chi phí khác như cảng phí, tiền thuê phương tiện vận tải, v.v.... thì Bên A chịu trách nhiệm bồi thường thay cho Bên B. Nếu lỗi này do Bên B hướng dẫn sai thời gian, địa điểm giao nhận hàng thì Bên B phải chịu bồi thường trực tiếp cho khách hàng nước ngoài.

6. Nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán chi phí ủy thác do trả chậm so với thỏa thuận, Bên B được áp dụng mức phạt lãi suất tính dụng quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là % ngày (hoặc tháng) tính từ ngày hết thời hạn thanh toán.

7. Bên nào đã ký Hợp đồng mà không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới..... % giá trị phần Hợp đồng đã ký (cao nhất là 12%).

8. Những vi phạm trong Hợp đồng này mà hai bên gây ra cho nhau (nếu không liên quan đến bồi thường vật chất cho bên nước ngoài) xảy ra, trường hợp có một bên gây ra đồng thời nhiều loại vi phạm thì chỉ chịu một loại phạt có số tiền phạt ở mức cao nhất theo các mức phạt mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng này (tinh thần của Điều 23 Nghị định số 17-HĐBT).

Điều 9. Thủ tục giải quyết tranh chấp Hợp đồng.

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và tích cực bàn bạc giải quyết (cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì thống nhất

sẽ khiếu nại tới trọng tài kinh tế..... là tổ chức có đủ thẩm quyền giải quyết những tranh chấp trong Hợp đồng này.

3. Chi phí kiểm tra và trọng tài do bên có lỗi chịu.

Điều 10. Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Điều 11. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày.....

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng này vào lúc..... giờ ngày

Hợp đồng này được làm thành..... bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản.

Gửi cơ quan..... bản.

Đại diện bên A

Chức vụ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

Chức vụ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2. MẪU HỢP ĐỒNG ỦY THÁC NHẬP KHẨU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY THÁC NHẬP KHẨU

Hợp đồng số:...../ HDKTNK

- Căn cứ Pháp lệnh HDKT ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước.

- Căn cứ Nghị định số 17-HDBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh HDKT;

- Căn cứ: (Các văn bản của ngành và địa phương quy định cụ thể về xuất nhập khẩu và ủy thác xuất nhập khẩu).

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại (địa điểm ký kết):

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên ủy thác):

- Tên Doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là Ông (bà):

- Chức vụ:

- Giấy ủy quyền số: (nếu có) viết ngày..... tháng..... năm.....

Do: Chức vụ: ký.

Bên B (bên nhận ủy thác):

- Tên Doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là Ông (bà):

- Chức vụ:

- Giấy ủy quyền số: (nếu có) viết ngày.....
tháng..... năm.....

Do: Chức vụ: ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung Hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc ủy thác

1. Bên A ủy thác cho Bên B nhập khẩu những mặt hàng sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
					Cộng	

Tổng giá trị (bằng chữ):.....

Điều 2. Giá cả

Đơn giá mặt hàng là giá.....

(quy định giá thỏa thuận với nước ngoài).

- Nếu giá cả có thay đổi Bên B phải thông báo ngay cho Bên A biết khi nắm được thông tin về giá cả xử lý.

Điều 3. Quy cách, chất lượng hàng hóa nhập khẩu

1. Bên B có trách nhiệm tìm nguồn hàng nhập khẩu theo yêu cầu về quy cách, phẩm chất và bao bì theo đúng nội dung đặt hàng của Bên A như sau:

- Loại hàng thứ nhất: Yêu cầu phải..... (có thể ghi theo mẫu).
- Loại hàng thứ hai:
- Loại hàng thứ ba:

2. Bên A được Bên B mời tham dự giao dịch mua hàng với bên nước ngoài vào những ngày

Bên B có trách nhiệm hướng dẫn Bên A lựa chọn mua những loại hàng nhập khẩu với những điều kiện có lợi nhất cho Bên A.

Điều 4. Thủ tục nhập khẩu hàng hóa

1. Bên A có trách nhiệm chuyển cho Bên B những giấy tờ cần thiết sau:

- Quota hàng nhập khẩu.
- Xác nhận của ngân hàng ngoại thương..... (nơi Bên A mở tài khoản ngoại tệ) về khả năng thanh toán.

2. Bên B có trách nhiệm giao dịch với bên nước ngoài để nhập khẩu hàng hóa với điều kiện có lợi nhất cho Bên A (chẳng hạn: giá rẻ, chất lượng tốt, thời gian nhanh, v.v...).

3. Bên A có trách nhiệm nhận hàng đã được Bên B nhập về tại địa điểm và thời gian do Bên B thông báo khi hàng về.

Điều 5. Trả chi phí ủy thác

a) Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B chi phí ủy thác nhập khẩu gồm các mặt hàng sau:

1. (Tên hàng) trả chi phí đồng.
2. trả chi phí đồng.
3.

b) Tổng cộng toàn bộ chi phí ủy thác mà Bên A có trách nhiệm phải thanh toán cho Bên B là:

c) Thống nhất thanh toán theo phương thức:

Điều 6. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại với nước ngoài

1. Trường hợp Bên A đem hàng nhập khẩu về kho, trong vòng 30 ngày, khi mở bao bì phát hiện hàng không đúng phẩm chất, thiếu số lượng, v.v... thì để nguyên trạng và mời VinaControl đến

kiểm tra và lập biên bản công khai xác nhận tình trạng hàng nhập, gửi cho Bên B làm cơ sở pháp lý đòi bên nước ngoài bán hàng bồi thường.

2. Đối với Bên B, khi nhận được văn bản xác nhận về hàng nhập kho cho Bên A không đúng với yêu cầu đã cam kết với bên nước ngoài, phải tiến hành ngay các biện pháp hạn chế tổn thất và chịu trách nhiệm liên hệ khiếu nại đòi bồi thường với bên nước ngoài trong thời hạn quy định là..... ngày (tháng).

Điều 7. Trách nhiệm của các bên trong thực hiện Hợp đồng

1. Nếu bên nào để xảy ra vi phạm Hợp đồng, một mặt phải trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm Hợp đồng từ 2 - 12% giá trị phần Hợp đồng vi phạm, mặt khác còn phải bồi thường các thiệt hại xảy ra do lỗi vi phạm Hợp đồng dẫn đến như: mất mát, hư hỏng tài sản, những chi phí để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại do bên vi phạm gây ra, tiền phạt do vi phạm Hợp đồng khác với tiền bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm đã phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của sự vi phạm này gây ra.

2. Bên A khi đưa ra những yêu cầu về tiêu chuẩn hàng cần thiết nhập khẩu cho Bên B không rõ ràng, cụ thể, bị bên nước ngoài đưa bán hàng hóa kém phẩm chất, lạc hậu về kỹ thuật và công nghệ, giá đắt phải tự gánh chịu hậu quả. Nếu Bên A cố tình không tới nhận hàng, sẽ bị phạt % giá trị hàng nhập, còn bị bắt buộc phải nhận hàng và phải thanh toán toàn bộ các khoản phạt và bồi thường thiệt hại khi bên nước ngoài hoặc bên thứ ba khác bị vi phạm đưa ra.

3. Bên B khi thực hiện các giao dịch để nhập khẩu hàng do Bên A ủy thác mà có hành vi móc nối với bên nước ngoài, gây thiệt hại cho Bên A hoặc không mời Bên A dự đàm phán, giao dịch chọn hàng với bên nước ngoài, khi nhập hàng về lại gây sức ép bắt Bên A nhận những điều bất lợi cho Bên A thì Bên A có quyền không nhận hàng, nếu Bên A đồng ý nhận hàng, Bên B phải bồi thường mọi thiệt hại về chênh lệch giá hàng so với giá thực tế, Bên B còn bị phạt tới % tổng giá trị tiền ủy thác đã thỏa thuận.

4. Trong trường hợp Bên A đến nhận hàng chậm so với thời gian quy định, sẽ bị gánh chịu các khoản phạt do bên nhận chuyển chở, vận tải hàng hóa phạt và bồi thường chi phí lưu kho bãi, bảo quản hàng, cảng phí và các khoản phạt khác.

5. Khi Bên A có khiếu nại về hàng nhập mà Bên B không làm hết trách nhiệm trong việc thụ lý và giải quyết các khiếu nại tới bên nước ngoài để có kết quả thực tế nhằm bảo vệ quyền lợi cho Bên A, thì Bên B sẽ bị phạt..... % giá trị tiền ủy thác, đồng thời phải gánh chịu những bồi thường về hàng hóa cho Bên A thay cho bên nước ngoài đã bán hàng.

6. Nếu Bên A thanh toán cho bên nước ngoài chậm, gây thiệt hại cho uy tín và các hoạt động giao dịch khác của Bên B với bên nước ngoài đó thì Bên A phải gánh chịu các khoản phạt và bồi thường thay cho Bên B khi bị bên nước ngoài khiếu nại, đồng thời còn phải thanh toán đủ các khoản tiền mua hàng nhập và tiền bị phạt chậm trả do bên nước ngoài yêu cầu.

7. Trường hợp thanh toán chi phí ủy thác nhập khẩu chậm so với thời hạn quy định sẽ bị phạt theo lãi suất tín dụng quá hạn theo quy định hiện hành của Nhà nước là % tổng giá trị chi phí ủy thác.

8. Bên nào đã ký Hợp đồng mà không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt vi phạm là % tổng giá trị chi phí ủy thác và bồi thường các khoản phạt cùng các chi phí thực tế khác mà bên bị vi phạm có thể phải gánh chịu do hậu quả của sự vi phạm Hợp đồng.

9. Nếu xảy ra trường hợp có một bên Hợp đồng gây ra nhiều loại vi phạm, thì chỉ phải chịu một loại phạt có số tiền phạt ở mức cao nhất theo các mức phạt mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng này (theo tinh thần Điều 23 Nghị định số 17-HĐBT).

Điều 8. Thủ tục giải quyết tranh chấp trong Hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng.

2. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và tích cực bàn bạc giải quyết trên cơ sở thỏa thuận, bình đẳng, cùng có lợi (cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung sự việc và phương pháp giải quyết đã áp dụng).

3. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì thống nhất sẽ khiếu nại với cơ quan Trọng tài kinh tế..... là tổ chức có đủ thẩm quyền giải quyết những tranh chấp trong Hợp đồng này.

4. Chi phí cho những hoạt động kiểm tra xác minh và lệ phí trọng tài do bên có lỗi chịu.

Điều 9. Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày.....

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng này vào lúc..... giờ ngày

Hợp đồng này được làm thành..... bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản.

Đại diện bên A

Chức vụ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

Chức vụ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3. MẪU HỢP ĐỒNG KINH TẾ DỊCH VỤ THỦ CÔNG (SỬA CHỮA XE, MÁY)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA ÔTÔ (TÀU THỦY, MÁY...)

Hợp đồng số:...../ HĐSC

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 17-HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh HĐKT;

- Căn cứ biên bản kiểm tra ô tô..... (máy.....)

- Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Tại (địa điểm ký kết):

Chúng tôi gồm:

Bên A (chủ tài sản):

- Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là Ông (bà):

- Chức vụ:

- Giấy ủy quyền số: (nếu có) viết ngày

Do: Chức vụ: ký.

Bên B (nhận sửa chữa):

- Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là Ông (bà):
- Chức vụ:
- Giấy ủy quyền số: (nếu có) viết ngày ..
Do: Chức vụ: ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung Hợp đồng như sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

1. Tên loại ô tô (máy) cần sửa chữa..... biển số..... (nếu có)
2. Những bộ phận hư hỏng cần sửa chữa, phục hồi:
3. Những bộ phận cần thay thế phụ tùng khác

Điều 2: Yêu cầu chất lượng sản phẩm

1. Bộ phận 1 (nêu tên bộ phận hư hỏng).

Yêu cầu: (Mức chất lượng cần đạt sau khi sửa chữa).

2. Bộ phận 2:

Yêu cầu:

3. v.v....

Điều 3: Về vật tư

1. Vật tư cũ, hư hỏng không sử dụng được tháo ra từ ô tô (máy) do Bên A (B) thu hồi.

2. Bên A (B) có trách nhiệm cung ứng vật tư, phụ tùng thay thế và phải chịu trách nhiệm về chất lượng vật tư đó.

3. Thời gian cung cấp vật tư trong..... ngày, bắt đầu từ ngày..... đến ngày (trong thời hạn Hợp đồng).

Điều 4: Thời gian sửa chữa.

I. Bên B có trách nhiệm hoàn tất việc sửa chữa toàn bộ xe (máy) trong thời gian là: ngày (tháng)

Khởi công từ ngày đến ngày

(Có cụ thể hóa thời gian hoàn thành sửa chữa từng bộ phận khi xét thấy cần).

2. Nếu có khó khăn về vật tư hoặc gặp hoàn cảnh đột xuất không thể khắc phục thì Bên B báo cho Bên A xin kéo dài thêm một thời gian cần thiết, để Bên A không được thông báo Bên B giao nghiệm thu chậm, coi như vi phạm Hợp đồng.

Điều 5: Giá cả

1. Hai bên thỏa thuận giá vật tư theo giá thị trường tự do (ghi trong bản chiết tính dưới đây).

2. Đơn giá ngày công của một công nhân kỹ thuật trong sửa chữa là: đồng/ ngày.

3. Khi giá thị trường có biến động thì giá vật tư và đơn giá ngày công của công nhân kỹ thuật sẽ được tính lại theo mặt bằng giá của thị trường vào thời điểm bàn giao nghiệm thu.

4. Lập bản chiết tính vật tư, nhân công cần phải sử dụng cho việc sửa chữa ô tô (máy);

TT	Bộ phận cần sửa chữa thay thế	Yêu cầu chất lượng sửa chữa	Chi phí vật tư		Nhân công		Thành phần
			Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá	
	Cộng						

Tổng chi phí (bằng chữ):.....

Điều 6: Nghiệm thu

1. Bên A có quyền mời cơ quan giám định chuyên môn hoặc chuyên gia giúp cho mình kiểm tra chất lượng sửa chữa vào thành phần ban nghiệm thu.

2. Bên B có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cho hoạt động nghiệm thu theo hai đợt, đợt 1 khi đạt 50% giá trị Hợp đồng và đợt

2 khi hoàn tất (nếu công việc đơn giản, thực hiện trong thời gian ngắn thì nghiệm thu một lần).

Điều 7: Bảo hành

1. Thời gian bảo hành kết quả sửa chữa:

(Dựa theo quy định của Nhà nước, nếu không có thì hai bên tự thỏa thuận).

2. Trong thời hạn bảo hành nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng, về kỹ thuật thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho Bên B biết để cùng nhau xác định. Việc xác định phải được tiến hành không chậm quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Việc xác định phải được lập thành biên bản. Hai bên có kết luận rõ ràng về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về bên nào, quy định thời gian sửa chữa.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận có sai sót và có trách nhiệm sửa chữa sai sót đó.

4. Nếu sai sót không được sửa chữa hoặc việc sửa chữa kéo dài dẫn đến những thiệt hại khác trong kế hoạch sử dụng xe (máy) thì Bên A có quyền phạt Bên B vi phạm Hợp đồng là % giá trị bộ phận hư hỏng và bắt bồi thường thiệt hại như trường hợp không thực hiện Hợp đồng.

Điều 8: Các biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng (nếu cần) ..

Điều 9: Thanh toán

1. Bên A thanh toán cho Bên B đợt 1 là 50% chi phí sửa chữa là đồng theo biên bản nghiệm thu đợt 1.

2. Thanh toán hết số tiền còn lại là khi có biên bản nghiệm thu bàn giao xe (máy).

3. Phương thức thanh toán (tiền mặt, hoặc chuyển khoản).

Điều 10. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng.

1. Bên nào vi phạm Hợp đồng, một mặt phải trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm Hợp đồng, mặt khác nếu có thiệt hại xảy

ra do lỗi vi phạm Hợp đồng dẫn đến như mất mát, hư hỏng tài sản phải chi phí để ngăn chặn hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra, tiền phạt do vi phạm Hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm đã phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của sự vi phạm này gây ra.

2. Khi công việc không đúng với yêu cầu kỹ thuật đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì Bên A có quyền không nhận. Nếu nhận có quyền yêu cầu phải giảm giá hoặc sửa chữa sai sót trước khi nhận.

Trong trường hợp do phải sửa chữa sai sót mà Hợp đồng không được thực hiện đúng thời hạn thì Bên B bị phạt vi phạm Hợp đồng như trường hợp vi phạm thời hạn thực hiện Hợp đồng.

3. Nếu Bên A không đến tiếp nhận xe (máy) đã hoàn thành theo đúng Hợp đồng trong 10 ngày đầu sẽ phạt 4% giá trị phần Hợp đồng và phạt thêm 1% cho mỗi đợt 10 ngày tiếp theo cho tới mức cao nhất là 12% giá trị phần Hợp đồng.

4. Nếu Bên B vi phạm thời hạn thực hiện Hợp đồng sẽ bị phạt 2% giá trị Hợp đồng cho 10 ngày lịch đầu và phạt thêm 1% cho mỗi ngày tiếp theo cho tới 8% giá trị phần Hợp đồng vi phạm.

5. Bên A nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán sẽ bị phạt mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày hết thời hạn thanh toán. Ngoài ra còn phải chịu bồi thường thiệt hại bằng tổng số tiền lãi mà Bên B phải trả cho Ngân hàng do vay mua vật tư sửa chữa cho xe (máy) của Bên A (nếu có) mà nguyên nhân là do Bên A chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

6. Bên nào đã ký kết Hợp đồng mà không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng không có lý do chính đáng thì bị phạt vi phạm là % giá trị Hợp đồng đã ký (cao nhất là 12%).

7. Nếu Hợp đồng này có bên nào gây ra đồng thời nhiều loại vi phạm thì chỉ phải chịu một loại phạt có số tiền phạt ở mức cao nhất theo mức phạt mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng này (tinh thần Điều 23 Nghị định số 17-HĐBT).

Điều 11: Thủ tục giải quyết tranh chấp Hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện

Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng, đảm bảo cho hai bên cùng có lợi (có lập biên bản).

2. Trường hợp có nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì hai bên thống nhất sẽ khiếu nại tới Tòa án, là cơ quan có đủ thẩm quyền giải quyết.

3. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và trọng tài do bên có lỗi chịu.

Điều 12: Các thỏa thuận khác (nếu cần).

Điều 13: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày.....

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng sau đó ngày. Bên A có trách nhiệm tổ chức họp thanh lý Hợp đồng, tự chọn thời gian và địa điểm thích hợp.

Hợp đồng này được làm thành..... bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản. Gửi cơ quan (nếu cần).

Đại diện bên A

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

4. MẪU HỢP ĐỒNG IN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG IN

Số HĐI

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ban hành ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại (địa điểm ký kết):

Chúng tôi gồm:

Bên A:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Tài khoản số:
- Đại diện là:

Bên B (Nhà máy in hoặc cơ sở in ấn)

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Tài khoản số:
- Đại diện là:

Hai bên cùng ký cam kết thực hiện Hợp đồng như sau

Điều 1. Bên B nhận gia công cho Bên A các ấn phẩm:

TT	Tên ấn phẩm và quy cách (ghi rõ khổ thành phần)	Số lượng	Đơn giá		Thành tiền
			Giấy	Công in	

Tổng giá trị Hợp đồng là: đồng

Điều 2: Điều khoản về bản thảo, sửa bài, về chất lượng và số lượng.

Bên A chịu trách nhiệm về pháp lý xuất bản và nội dung ấn phẩm theo luật định. Bản thảo của Bên A phải đánh máy rõ ràng mẫu ghi đúng kích cỡ thu phóng, makét phải cụ thể. Khi chế bản Bên B sẽ đưa cho Bên A sửa bông in 2 lần. Nếu việc sửa chữa (thêm hoặc bớt) ngoài phạm vi bản thảo đã đưa thì Bên A phải chịu thêm phí tổn. Nếu thay đổi trên 10% một trang chữ thì ngoài việc chịu phí tổn, thời hạn trả hàng cũng bị chậm.

Bên B chỉ được phép in khi Bên A đã ký duyệt in và phải thực hiện đúng yêu cầu về chất lượng, số lượng theo Phiếu tiếp hàng mà Bên A đặt in.

Sau khi đặt hàng, nếu Bên A thay đổi gì về makét và bản thảo, Bên A phải có văn bản đề nghị cụ thể bổ sung vào Phiếu tiếp hàng.

Trường hợp in thêm hoặc rút bớt số lượng, Bên A phải đề nghị với Bên B bằng văn bản ngay khi ký duyệt in. Nếu bỏ không in nữa thì hai bên sẽ lập biên bản hủy Hợp đồng.

Nếu số lượng đặt in bị hụt trong khoảng dưới 0,5% Bên A đồng ý chấp thuận cho Bên B không phải in bù.

Điều 3: Điều khoản về vật tư (Ghi rõ chủng loại, số lượng do bên nào cung cấp:...)

-
-

Điều 4: Điều khoản về quy cách bao gói thành phẩm, bốc xếp vận chuyển và giao hàng.

Bên B thực hiện bao gói theo đề nghị của Bên A đã được ghi trong phiếu tiếp hàng và giao làm..... đợt bắt đầu từ ngày..... xong vào ngày tại kho của Bên B. Bên B đảm nhận bốc xếp lên phương tiện của Bên A. Bên B chỉ giao hàng khi Bên A hoàn tất các thủ tục thanh toán.

Điều 5: Điều khoản về thanh toán

Hàng đặt in với đơn giá đã ghi ở Điều 1, nếu có thay đổi hai bên xem xét và làm biên bản điều chỉnh cho phù hợp.

1. Phương thức thanh toán:
2. Chứng từ thanh toán gồm: hóa đơn kiêm phiếu xuất kho.
3. Khi nhận hàng Bên A thanh toán toàn bộ giá trị hóa đơn.

Điều 6: Trường hợp điều chỉnh Hợp đồng

Trong thực tế có những bất thường xảy ra như: mất điện, thiết bị hư hỏng, thiếu nguyên vật liệu, hỏa hoạn, bão lụt, v.v.... hoặc do yêu cầu chính trị đột xuất, gây khó khăn cho việc thực hiện Hợp đồng thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A để hai bên xem xét điều chỉnh Hợp đồng.

Điều 7: Các điều khoản cần thiết khác.

Hợp đồng có giá trị từ ngày.....

Trong khi đang thực hiện Hợp đồng mà Nhà nước có những thay đổi về chính sách liên quan đến các điều khoản trong Hợp đồng thì hai bên sẽ cùng bàn bạc và giải quyết.

Hợp đồng này được lập tại gồm..... bản, Bên A giữ bản Bên B giữ bản, có giá trị từ ngày lập Hợp đồng.

Hai bên cam kết thực hiện đúng Hợp đồng này theo Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đại diện bên A

(Ký tên)

Đại diện bên B

(Ký tên)

5. MẪU HỢP ĐỒNG NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ SẢN PHẨM MỚI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG **NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ SẢN PHẨM MỚI** Hợp đồng số:...../ HĐNCTK

- Căn cứ *Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 17 HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế;*
- Căn cứ vào biên bản họp của hai bên;

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại (địa điểm):

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên đặt yêu cầu nghiên cứu, thiết kế):

- Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là Ông (bà):
- Chức vụ:
- Giấy ủy quyền số: (nếu ký thay Giám đốc).
- Viết ngày: Do: Chức vụ: ký.

Bên B (Bên nhận Hợp đồng):

- Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là Ông (bà):
- Chức vụ:
- Giấy ủy quyền số: (nếu ký thay Giám đốc).
- Viết ngày: Do: Chức vụ: ký.

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

Hai bên thống nhất lập Hợp đồng với nội dung như sau:

1. Bên A đặt yêu cầu cho Bên B nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới có tên là:
2. Các tiêu chuẩn, định mức về chất lượng cần đạt là:
- Quy cách:
- Mẫu mã:
- Công dụng đạt:
- Tiêu thụ năng lượng:
3. Số lượng sản phẩm mới cần thiết kế
4. Bên A có trách nhiệm cung cấp tất cả mọi tài liệu thông tin ban đầu cần thiết cho việc nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới theo các tiêu chuẩn, định lượng cho Bên B sau khi ký Hợp đồng.

Điều 2: Về vật tư, nguyên liệu và tiền vốn

1. Bên A phải cung cấp cho Bên B những vật tư, nguyên liệu và tiền vốn ban đầu đủ để Bên B nghiên cứu, thiết kế số lượng sản phẩm mới theo tiêu chuẩn và quy cách đã nêu trên. Cụ thể là:
 - a) Vật tư loại:
 - b) Nguyên liệu loại:
 - c) Tiền vốn tổng cộng: (Bên A có thể giao tất cả thành tiền để Bên B tự lo vật tư, nguyên liệu đúng chất lượng và tiêu chuẩn đã thỏa thuận).

2. Thời gian giao vật tư, nguyên liệu, tiền vốn:
(thường là ngay sau khi ký Hợp đồng).

3. Địa điểm giao:

4. Bên B có trách nhiệm nhận và bảo quản.

Điều 3: Thời hạn thực hiện Hợp đồng

1. Bên B có trách nhiệm nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới trong thời gian là

2. Bên B được kiểm tra các tiêu chuẩn, quy cách hoặc chất lượng sản phẩm trước khi giao nhận.

3. Địa điểm giao nhận tại:

4. Thời gian giao nhận sản phẩm:

Điều 4: Thời hạn thanh toán tiền công

1. Thanh toán sau khi Bên A đã kiểm tra và nhận sản phẩm lên phương tiện vận tải.

2. Số tiền là: đồng/ đơn vị sản phẩm.

3. Phương thức thanh toán: Tiền mặt (chuyển khoản qua ngân hàng).

4. Nếu Bên A thanh toán chậm phải chịu phạt theo lãi suất tín dụng ngân hàng.

Điều 5: Trách nhiệm bảo hành và hướng dẫn sử dụng.

1. Bên B phải hướng dẫn tỉ mỉ quy trình sử dụng sản phẩm mới, bảo đảm phát huy hết tính năng tác dụng của sản phẩm mới (có thể viết rõ quy trình sử dụng và những điều cần lưu ý trong quá trình vận chuyển, sử dụng, cách nạp nhiên liệu, bảo trì, bảo dưỡng, v.v... thành tài liệu hướng dẫn để giao kèm sản phẩm cho Bên A.

2. Bên B có trách nhiệm bảo hành sản phẩm mới trong thời giantháng.

3. Mọi sự cố khác do lỗi của Bên A nếu yêu cầu Bên B sửa chữa thì Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ.

Điều 6: Trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện Hợp đồng.

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng, bên

nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới % giá trị Hợp đồng đã ký (cao nhất là 12%).

2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành, v.v.... Mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt mà Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về Hợp đồng kinh tế.

Điều 7: Thủ tục giải quyết tranh chấp Hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết (cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được sẽ thống nhất chuyển vụ việc tới Tòa án, là cơ quan có đủ thẩm quyền giải quyết.

3. Chi phí cho những hoạt động kiểm tra, xác minh và lệ phí trọng tài do bên có lỗi chịu.

Điều 8: Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về Hợp đồng kinh tế.

Điều 9: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng có giá trị từ ngày..... đến ngày

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên..... có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian, địa điểm họp thanh lý

Hợp đồng này được làm thành bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản, gửi cơ quan..... bản (nếu cần).

Đại diện bên A

(Ký tên)

Đại diện bên B

(Ký tên)

6. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số:...../ HĐMB

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành của các cấp, các ngành.
- Căn cứ vào đơn chào hàng (đặt hàng hoặc sự thực hiện thỏa thuận của hai bên).

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại địa điểm.....

Chúng tôi gồm:

Bên A:

- Tên Doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là:..... Chức vụ:
- Giấy ủy quyền số: (nếu thay Giám đốc ký).
- Viết ngày:Do: Chức vụ:..... ký.

Bên B:

- Tên Doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là:..... Chức vụ:
- Giấy ủy quyền số: (nếu thay Giám đốc ký).
- Viết ngày:Do: Chức vụ:..... ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc giao dịch

1. Bên A bán cho Bên B:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Cộng					

Tổng trị giá: (bằng chữ):.....

2. Bên B bán cho Bên A

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Cộng					

Tổng trị giá: (Bằng chữ)

Điều 2. Giá cả

Đơn giá mặt hàng trên là giá..... (theo văn bản.....
 (nếu có)..... của

Điều 3. Chất lượng và quy cách hàng hóa:

1. Chất lượng mặt hàng..... được quy định theo.
2. v.v....

Điều 4. Bao bì và ký mã hiệu:

1. Bao bì làm bằng:

2. Quy cách bao bì cỡ kích thước

3. Cách đóng gói:

- Trọng lượng cả bì:

- Trọng lượng tịnh:

Điều 5. Phương thức giao nhận:

1. Bên A giao cho Bên B theo lịch sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú

2. Bên B giao cho Bên A theo lịch sau (lập lịch tương tự).

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú

3. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển là do Bên..... chịu.

4. Chi phí bốc xếp (mỗi bên chịu một đầu hoặc

5. Quá thời gian quy định giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là..... đồng/ ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

6. Khi giao hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng, v.v... thì lập biên bản tại chỗ yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chở về nhập kho mới phát hiện có vi phạm thì phải lập biên bản mời cơ quan kiểm tra trung gian (VinaControl) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn 10 ngày tính từ khi lập biên bản. Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó.

7. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm, khi đến nhận hàng, người nhận phải có đủ:

- Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua.
- Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán.
- Giấy chứng minh nhân dân.

Điều 6. Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hóa.

1. Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng..... cho bên mua trong thời gian là..... tháng.

2. Bên bán phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hóa một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

Điều 7. Phương thức thanh toán

1. Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức..... trong thời gian

2. Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức..... trong thời gian

Điều 8. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần).

Lưu ý: Chỉ ghi ngắn gọn cách thức, tên vật bảo đảm và phải lập biên bản riêng.

Điều 9. Trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng.

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt tối..... % giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (cao nhất là 12%).

2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành, v.v... mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

Điều 10. Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng.

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết (cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ việc tranh chấp ra tòa án.

Điều 11. Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

Điều 12. Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian, địa điểm họp thanh lý.

Hợp đồng này được làm thành..... bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ bản.

Đại diện bên A

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

7. MẪU HỢP ĐỒNG GIA CÔNG ĐẶT HÀNG TRONG NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG ĐẶT HÀNG

Hợp đồng số:/ HĐGC

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25 tháng 9 năm 1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 17-HĐBT ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế;

- Căn cứ.... (chế độ, thể lệ của ngành tiểu thủ công nghiệp);
- Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên;

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Tại (địa điểm ký kết):

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên đặt hàng):

- Tên doanh nghiệp (hoặc cơ quan):
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là:..... Chức vụ:
- Giấy ủy quyền số: (nếu có) viết ngày:
- Do: Chức vụ: ký.

Bên B (Bên sản xuất gia công):

- Tên doanh nghiệp (hoặc cơ quan):
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là: Chức vụ:
- Giấy ủy quyền số: (nếu có) viết ngày:
- Do: Chức vụ: ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận Hợp đồng với nội dung như sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

1. Tên sản phẩm hàng hóa sản xuất:
2. Quy cách phẩm chất:

Điều 2: Nguyên vật liệu chính và phụ

1. Bên A có trách nhiệm cung ứng nguyên vật liệu chính gồm:

a) Tên từng loại: Số lượng:

Chất lượng:

b) Thời gian giao: Tại địa điểm: . (kho Bên B).

c) Trách nhiệm bảo quản: Bên B chịu mọi trách nhiệm về số lượng, chất lượng các nguyên liệu do Bên A cung ứng và phải sử dụng đúng loại nguyên liệu đã giao vào sản xuất sản phẩm.

2. Bên B có trách nhiệm cung ứng các phụ liệu để sản xuất.

a) Tên từng loại: Số lượng

Đơn giá:

(hoặc quy định chất lượng theo hàm lượng, theo tiêu chuẩn).

b) Bên A cung ứng tiền trước để mua phụ liệu trên.

Tổng chi phí là:

Điều 3: Thời gian sản xuất và giao sản phẩm

1. Bên B bắt đầu sản xuất từ ngày:

Trong quá trình sản xuất Bên A có quyền kiểm tra và yêu cầu Bên B sản xuất theo đúng mẫu sản phẩm đã thỏa thuận bắt đầu từ ngày đưa nguyên liệu vào sản xuất nếu cần).

2. Thời gian giao nhận sản phẩm:

Nếu giao theo đợt thì:

- Đợt 1: Ngày: Địa điểm:

- Đợt 2: Ngày: Địa điểm:

- Đợt 3: Ngày: Địa điểm:

Nếu Bên A không nhận đúng thời gian sẽ bị phạt lưu kho là:

Nếu Bên B không giao hàng đúng thời gian, địa điểm sẽ phải bồi thường các chi phí:

Điều 4: Các biện pháp bảo đảm Hợp đồng (nếu có)

Điều 5: Thanh toán

Thỏa thuận thanh toán toàn bộ hay từng đợt sau khi nhận hàng

Thanh toán bằng tiền mặt hay chuyển khoản

Điều 6: Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Vi phạm về chất lượng: làm lại, giảm giá, sửa chữa, bồi thường nguyên vật liệu, v.v...).

2. Vi phạm số lượng: nguyên vật liệu không hư hỏng phải bồi thường nguyên liệu theo giá hiện thời

3. Ký Hợp đồng mà không thực hiện: bị phạt tới 12% giá trị Hợp đồng.

4. Vi phạm nghĩa vụ thanh toán: bồi thường theo tỉ lệ lãi xuất ngân hàng, v.v...

Điều 7: Thủ tục giải quyết tranh chấp Hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi phát sinh, các bên kịp thời báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi (có lập biên bản).

2. Trường hợp có vấn đề tranh chấp không tự thương lượng được, hai bên thống nhất chuyển vụ việc đến tòa án là cơ quan có đủ thẩm quyền giải quyết những vụ tranh chấp này.

3. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí trọng tài do bên có lỗi chịu.

Điều 8: Các thỏa thuận khác (nếu cần).

Điều 9: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng sau đó..... ngày. Bên A có trách nhiệm tổ chức vào thời gian, địa điểm thích hợp.

Hợp đồng này được lập thành..... bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ bản.

Đại diện bên A

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

8. MẪU HỢP ĐỒNG NHẬP KHẨU MUA THIẾT BỊ ĐIỆN LẠNH

CONTRACT

No

Date

Between:

Tel: Fax:

Represented by Mr, General
Director

Hereinafter called the Seller.

And:

Tel: Fax:

Represented by Mr, General
Director

Hereinafter called the Buyer.

It has been agreed to buy as follows:

Article 1: Object of contract

The Buyer agreed to buy and the Seller agreed to sell following equipments accessories, spareparts at price as stated herein and with terms as stipulated in Article 2 and as described elsewhere in this contract.

ITEM	DESCRIPTION	QUANTITY	CIF HCMC PRICE
01	CONTRACT FREEZER NISSIN BRAND MODEL SF-2000WD	01 SET	USD 174,730.75

(Full specifications and itemized description as per Annex No.1 attached hereto as an integral part of the contract).

The delivery term CIF HCM City shall be as per the interpretation of Incoterms, 1990 revision.

Article 2: Obligation of the Seller

The Seller, who has good knowledge and experience in manufacturing and trading of refrigeration equipments, undertakes to supply:

2.1. All brand-new equipments, accessories and spareparts as described in Annex No.1 of this contract.

2.2. All necessary detailed drawings, working specifications for civil and erection works, installation and operation manual, maintenance instruction etc... hereinafter called technical documentation, all in English version, with metric system to be applied, to enable the Buyer to carry out the civil and erection works, installation and services, maintenance of the equipments. All these documentations shall be the property of the Buyer.

2.3. The Seller's obligations under this Article of the contract shall remain in force until the guarantee period of the equipment expires.

Article 3: Obligation of the Buyer

3.1. The Buyer shall carry out the proper unpacking and checking of the equipments delivered by the Seller under the contract at installation site in the presence of the Seller's representative and/or Vinacontrol's, Hochiminh City Branch.

3.2. The Buyer shall provide satisfactory facilities and normal tools which are required for the installation, commissioning tests, and operation of the equipments supplied under the contract.

3.3. The installation of the equipments shall be carried out by the Buyer in compliance with all instructions and guidance provided by the Seller and as described in technical documentation supplied by the Seller.

Article 4: Delivery, shipment advice & insurance

4.1 Full technical documentation as defined in Article 2 of this contract shall be delivered by the Seller to the Buyer via DHL Express in four (04) sets within one (01) month after the Seller's receipt of workable L/C, to the Buyer's address first mentioned above.

4.2. The equipments, accessories, and spareparts mentioned in Annex No. 1 of this contract shall be shipped within four (04) months from the Seller's receipt of workable L/C.

The Seller shall send a pre-shipment advice to the Buyer 10 days prior to the scheduled dated of shipment, advising name of intended vessel, general description of goods to be shipped, port of loading, etc...

Right after loading and not later than 02 days from vessel's sailing, the Seller shall advise the Buyer by telex/fax of shipment particulars including name of vessel B/L No. and date, invoice amount, quantity and weight of packages, ETA, ETD. Etc...

4.3. Partial shipment and transshipment of the equipments, accessories, and spareparts shall not be allowed.

* Port of loading shall be one Japanese port.

* Port of destination shall be Hochiminh city port.

4.4. Insurance shall be covered by the Seller against all risks in accordance with Lloyds'ICC (A), non-deductable, for 110% invoice value, with claim payable in Hochiminh City, S.R. Vietnam.

Article 5: Packing and marking

5.1. All goods specification in Annex No. 1 shall be packed in seaworthy export standard wooden cases. Before being parked, all equipments and metal parts shall be coated with appropriate and adequate lubricant and wrapped in waterproof strong paper to protect goods from corrosion and/or alteration.

5.2. Each case of goods shall be marked on both sides with the following markings in waterproof ink or paint.

Shipped: KANEMATSU CORP-JAPAN

Contract No.:

L/C No.:

Case No.: a/B (A - number of the case - B = total cases shipped)

Weight: Gross/Net

Item no.: referable in specifications by Annex No.1

Port of destination: Hochiminh City Port, S. R. Vietnam

Consignee: Length x Width x Height in cm

5.3. On each case, where necessary, mark fragile, top, keep dry. etc... (International symbols of handling/hauling/hoisting/storage desirable)

5.4. In each case, an individual packing list shall be attached stating designation of the goods, quantity, items in specifications.

5.5. Each case shall not exceed 5 tons in weight, 10 cubis meters in volume, 10m in length, 1.3m in width.

5.6. The Seller shall be fully responsible for loss, damage or breakage of the goods and/or rusting/corrosion resulting from defective or inadequate packing and parking.

Article 6: PRICE AND PAYMENT

6.1. The price quoted in Article 1 of this contract is on the basis of L/C 540 days after B/L date, including bank interest, cost of goods, freight, insurance, and all charges and expenses for all technical documentation to be delivered by the Seller to the Buyer as stipulated in Annex No.1 and elsewhere of this contract.

6.2. Total CIF amount USD 174.730 of this contract shall be paid by the Buyer to the Seller with an Irrevocable L/C 540 days after B/L date to be opened via EXIMBANK HCM CITY, S.R. Vietnam, or other bank in HCM City at the Buyer's options.

* L/C Shall be opened within 20 days from the signing date of this contract, otherwise the contract shall become null and void without any indemnity to be claimed.

* Documents required under the L/C shall be:

- Signed commercial invoice
- Clean on board original B/L
- Detailed packing list
- Certificate of origin.
- Certificate of quality issued by maker with a statement of 12-month operation guarantee starting from equipment capacity being achieved in commissioning tests.
- DHL receipt of one original B/L and two sets of non-negotiable the documents of sending to the Buyer within 03 days-after loading.
- DHL receipt of four (04) sets of technical documentation for sending to the Buyer within 01 month from the Seller's receipt of workable L/C.

Shipmaster's receipt of two sets of non-negotiable documents for handing over to the Buyer at destination.

Article 7: INSTALLATION COMMISSIONING AND ACCEPTANCE

7.1. The goods to be delivered under the contract shall be unpacked at the Buyer's premises or factory in the presence of the Seller's representative and/or VINACONTROL's officials and a respective report shall be drawn up and signed at the end of the checking by respective parties. Any shortage and/or defective parts due to the Seller's or manufacturer's fault shall be noted and action taken promptly to remedy the shortage or defects.

* Inspection certificate issued by VINACONTROL, HCM City shall be deemed to be effective evidence for asking the Seller to supplement, replace, or refund if the defects or shortage are attributable to the Seller.

7.2. The buyer shall install the equipments as per instruction in the technical documentation supplied by the Seller under the contract.

In case the completion of installation is delayed on account of the shortage and/or defects (as mentioned in the paragraph 7.1) attributable to the Seller, the delayed time shall be noted and a

penalty against the Seller shall be mutually discussed to make up for the loss of scheduled production time.

7.3. After the completion of equipment installation, the Buyer shall carry out commissioning tests on no-load and full-load tests in four and eight consecutive hours respectively. The test shall be repeated in three (03) consecutive days in the technical documentation.

7.4. The guaranteed capacity of the equipments shall be proved during the tests. Should guaranteed capacity as mentioned in Annex No.1 is not achieved due to the Seller's or manufacturer's fault, the Seller shall at his own expenses remedy/supplement any shortage and/or replacement of defective parts to be found.

7.5. The achievement of the guaranteed capacity of equipments during the tests shall release the Seller from his obligation under the contract in all but guarantee period.

Article 8: GUARANTEE PERIOD

8.1. The guarantee period for all equipment, accessories, and spareparts shall be valid for 12 month starting from the date the guaranteed capacity of equipment is achieved.

8.2. During the guarantee period, if any defect and/or inherent fault is discovered, the Buyer shall notify the Seller of defective or faulty parts provided that these involve the Seller" or manufacturer" fault or responsibility. The Seller shall take prompt action to remedy, repair, or replace the defective or faulty parts at his own expenses within 15 days after receipt of the Buyer's notice by telex/fax.

In case of the Seller's delay in taking action to remedy/repair/or replace the defects, a penalty shall be mutually discussed to make up for the loss of production time.

Article 9: FORCE MAJURE

9.1. The contract shall not be binding on the the Sheller and the Buyer if contractual performance is impossible because of Force Majuere in with included but not limited to War, major strickes,

import restrictions, fire, and Act of God.

9.2. A certificate issued by competent institution or Chamber of Commerce of the Seller or the Buyer's country shall be sufficient proof of the circumstances.

9.3. The party who is faced with the Force Majeure shall inform the other party of the circumstance within 10 days from its occurrence. If the circumstance of officially proved to have lasted for consecutive 02 months from its occurrence, the contract shall be cancelled without any claim, unless otherwise agreed upon then.

Article 10: DISPUTE SETTLEMENT

Any dispute arising from this contract shall be settled amicably by both parties.

If the dispute remained unsolved, it shall be submitted to the Court of Law to Arbitration in The Hague. The Netherlands under the Rules of Conciliation and Arbitration of the International Chamber of Commerce currently in force at the time of arbitration. The arbitration award shall be final and binding upon both parties.

Article 11: OTHER CONDITIONS

Any change and amendment to this contract shall be made in writing (including telex/fax) and subject to mutual agreement. Such change and amendment shall constitute an integral part of this contract.

MADE INTO FOUR (4) ORIGINALS IN ENGLISH OF THE SAME VALUE. TWO FOR THE BUYER AND TWO FOR THE SELLER.

**FOR AND ON BEHALF
OF THE BUYER**

**FOR AND ON BEHALF
OF THE SELLER**

(Bản dịch)

HỢP ĐỒNG

Số:

Ngày:

Giữa:

Tel: Fax:

Telex:

Đại diện bởi ông Tổng Giám Đốc

Sau đây được gọi là bên mua.

Và:

Tel: Fax:

Telex:

Đại diện bởi ông Tổng Giám Đốc

Sau đây được gọi là bên bán.

Hai bên đã nhất trí như sau:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

Bên mua đồng ý mua và Bên bán đồng ý bán những trang thiết bị và phụ tùng dưới đây với giá cả ghi trong Điều này với những điều kiện quy định trong Điều 2 hay những quy định khác ở những điều khoản khác của Hợp đồng này.

STT	Mô tả chi tiết	Số lượng	Giá USD/cif HCMC
01	Hiệu nissin đời SF-2000WD	01	174,730.75

(Tất cả những quy cách phẩm chất và mô tả chi tiết được ghi trong phụ lục số 1 đính kèm theo đây như là một phần thiết yếu của Hợp đồng này).

Điều kiện giao hàng CIF Hồ Chí Minh (giá hàng + bảo hiểm + chi phí vận chuyển) được diễn giải như trong incoterms ấn bản 1990.

Điều 2: Trách nhiệm của bên bán

Bên bán được xem như có am hiểu tường tận và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện lạnh, cam kết cung cấp.

2.1. Tất cả trang thiết bị và phụ tùng mới hoàn toàn như được mô tả trong phụ lục số 1 của Hợp đồng này.

2.2. Tất cả những tài liệu cần thiết như: Sơ đồ bản vẽ chi tiết những quy cách vận hành trong sử dụng dân dụng cũng như trong nhà máy công nghiệp, những chỉ dẫn lắp đặt và vận hành, hướng dẫn bảo trì... sau đây sẽ được gọi là tài liệu kỹ thuật, tất cả được viết bằng tiếng Anh, trong đó sử dụng hệ thống đo lường hệ mét, những tài liệu này để giúp bên mua có thể thực hiện sử dụng thiết bị vào sử dụng dân dụng hoặc sử dụng trong nhà máy công nghiệp, lắp đặt và cung cấp dịch vụ, bảo trì cho thiết bị. Tất cả những tài liệu trên đây đều sẽ thuộc sở hữu của bên mua.

2.3. Những trách nhiệm của bên bán theo điều khoản này vẫn hiệu lực cho đến hết thời hạn bảo hành.

Điều 3: Trách nhiệm của bên mua

3.1. Bên mua sẽ thực hiện việc tháo dỡ và kiểm tra những thiết bị máy móc do bên bán giao theo Hợp đồng này tại địa điểm lắp đặt, với sự có mặt của đại diện bên mua và/hoặc Vinacontrol, chi nhánh TP. HCM.

3.2. Bên mua sẽ cung cấp những dụng cụ thông thường và những điều kiện thuận lợi thỏa đáng để cần thiết cho việc lắp đặt, chạy thử, vận hành thiết bị máy móc trong Hợp đồng này.

3.3. Việc lắp đặt thiết bị máy móc trên đây sẽ do bên mua thực hiện, tuân thủ theo những hướng dẫn của bên bán và theo quy định trong tài liệu kỹ thuật do bên bán cung cấp.

Điều 4: Giao hàng, thông báo giao hàng và bảo hiểm

4.1. Bên bán sẽ gửi cho bên mua qua hệ thống phát nhanh DHL express theo địa chỉ trên đây bốn (04) bộ đầy đủ tài liệu kỹ thuật như

được trong Điều 2 Hợp đồng này trong vòng một (01) tháng sau khi bên bán nhận được thư tín dụng đã được tu chỉnh hoàn hảo.

4.2. Những trang thiết bị như ghi trong phụ lục số 1 của Hợp đồng này sẽ được giao lên tàu trong vòng bốn (04) tháng kể từ khi bên bán đã nhận được thư tín dụng đã được tu chỉnh hoàn hảo.

* Mười ngày trước ngày giao hàng theo lịch định trước. Bên bán sẽ gửi cho bên mua một thông báo trước khi giao hàng. Nội dung thông báo gồm: tên con tàu dự định chở hàng, mô tả tổng quát về hàng hóa sẽ giao, tên cảng khởi hành

* Ngay sau khi xếp hàng lên tàu hoặc chậm nhất là 02 ngày sau khi tàu khởi hành, bên bán sẽ thông báo cho bên mua bằng telex/fax về những chi tiết của việc giao hàng ấy, bao gồm: tên tàu, số vận đơn đường biển và ngày ký phát vận đơn, trị giá trên hóa đơn, số lượng kiện và trọng lượng các kiện dự định giờ tàu khởi hành dự định giờ tàu cập cảng.....

4.3. Những trang thiết bị trên đây không được giao từng phần và chuyển tải.

- Cảng đi

- Cảng đến

4.4. Bên bán sẽ có trách nhiệm bảo hiểm lô hàng, điều kiện bảo hiểm mọi rủi ro quy định trong bộ luật những điều kiện bảo hiểm Loyds' ICC (A), không khấu trừ, cho 10% giá trị theo hóa đơn, quy định thêm rằng nếu xảy ra thiệt hại thì tiền bồi thường có thể lĩnh tại..... Việt Nam.

Điều 5: Bao gói và ký hiệu

5.1. Hàng hóa theo mô tả trong phụ lục số 1 sẽ được đóng vào những kiện gỗ thích hợp đi biển và theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Trước khi đóng gói, tất cả những phần trang thiết bị và phụ tùng bằng kim loại phải được bao lại cẩn thận, kỹ lưỡng bằng những giấy tráng dầu, không thấm nước để bảo vệ hàng một cách trọn vẹn, không bị ăn mòn hoặc hư hại nào.

5.2. Ở hai bên mỗi kiện, ghi những ký mã hiệu sau đây bằng mực không phai nước.

- Người gửi hàng: Kanematsu Corp. - Japan

- Số Hợp đồng:

- Số thư tín dụng:

Kiện số. A/B (A: số thứ tự của hiện - B: Tổng số kiện được giao lên tàu)

- Trọng lượng: tổng cộng/ tịnh

- Bộ phận số theo quy cách kỹ thuật quy định trong phụ lục số 01

- Cảng đến: Cảng Hồ Chí Minh - Việt Nam

- Người nhận hàng: fideco - HCMC

- Kích thước? Dài x Rộng x Cao (chỉ)

5.3. Trên mỗi kiện, tại những vị từ cần thiết phải ghi những ký hiệu dễ vỡ, dựng đứng theo chiều này, để nơi khô ráo v.v... (những ký hiệu quốc tế chỉ dẫn về xử lý vận chuyển, móc kéo/cầu/nâng/lưu kho cần thiết)

5.4. Mỗi kiện sẽ được gắn thêm một danh mục riêng trong đó ghi những quy cách miêu tả về thiết kế của hàng hóa, số lượng, số món hàng có trong kiện ấy.

5.5. Mỗi kiện không vượt quá 5 tấn trọng lượng, 10m³ thể tích, 2,3 m chiều rộng, 10 m chiều dài, 2,6 m chiều cao.

5.6. Trong trường hợp hàng hóa bị mất mát hư hỏng, đổ vỡ hoặc rỉ sét, ăn mòn do thiếu sót trong việc bao gói hàng hóa, bên bán hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điều 6: Giá cả và thanh toán

6.1. Giá cả ghi trong Điều 1 Hợp đồng này được căn cứ trên thư tín dụng có thời hạn 540 ngày kể từ ngày ký phát vận đơn, bao gồm cả lãi suất ngân hàng, giá cả hàng hóa, chi phí vận chuyển, bảo hiểm và tất cả những chi phí cho những tài liệu kỹ thuật mà bên bán giao cho bên mua theo phụ lục 01 hay những điều khoản khác trong Hợp đồng này.

6.2. Tổng giá trị Hợp đồng này là 174.730,75 USD cif, sẽ được bên mua thanh toán cho bên bán hàng bằng thư tín dụng không hủy ngang có thời hạn 540 ngày sau ngày ký phát vận đơn. Bên

mua xin mở thư tín dụng này qua Ngân hàng Eximbank, Tp. Hồ Chí Minh hay ngân hàng khác tại Tp. Hồ Chí Minh tùy sự lựa chọn của bên mua.

* 20 ngày sau khi ký Hợp đồng, bên mua sẽ làm thủ tục mở thư tín dụng, nếu không Hợp đồng này sẽ bị vô hiệu mà không đem lại sự bồi hoàn nào cả.

* Những chứng từ thanh toán cần thiết sau thư tín dụng gồm:

- Phiếu đóng gói chi tiết;
- Giấy chứng nhận xuất xứ lô hàng;
- Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất ấn hành, với lời cam kết bảo hành 12 tháng vận hành thiết bị trên, tính từ khi biết bị này đạt được công suất quy định trong quá trình chạy thử.

- Hợp đồng bảo hiểm

- Thông báo giao hàng bằng telex/fax

- Bên nhận đã gửi DHL một bản gốc vận đơn đường biển và hai bộ chứng từ không chuyển nhượng được, gửi trong vòng 8 ngày sau khi xếp hàng lên tàu.

- Bên nhận đã gửi DHL cho bên mua bốn (04) bộ tài liệu kỹ thuật trong vòng 01 tháng sau khi bên bán nhận được thư tín dụng đã tu chỉnh hoàn hảo.

- Bên nhận của thuyền phó nhận chuyển cho bên mua ở cảng đến hai (02) bộ chứng từ không chuyển nhượng được.

Điều 7: Lắp đặt chạy thử và chấp nhận

7.1. Hàng hóa được chuyên chở đến theo Hợp đồng sẽ được mở thùng tại xưởng của bên mua với sự hiện diện của đại diện bên bán và/ hoặc với nhân viên của VINACONTROL. Một bảng báo cáo tương ứng sẽ được lập vào cuối buổi kiểm tra và được từng bên ký vào. Bất kỳ sự thiếu hụt hoặc hư hỏng nào do lỗi của bên bán hoặc của bên sản xuất sẽ được ghi nhận và sự đền bù sẽ được thực hiện nhanh chóng.

* Giấy chứng nhận kiểm định do VINACONTROL cấp được xem như là bằng chứng để buộc người bán phải bổ sung, thay thế hoặc

hoàn tiền lại đối với những phần thiếu hụt hoặc hư hỏng do lỗi của người bán.

7.2. Bên mua sẽ lắp đặt thiết bị theo đúng chỉ dẫn của tài liệu kỹ thuật do bên bán cung cấp theo đúng Hợp đồng.

* Nếu sự lắp đặt hoàn chỉnh bị trì hoãn do sự thiếu hụt hoặc hư hỏng (như đã nêu ở 7.1) do lỗi của bên bán, thời gian bị trì hoãn sẽ được ghi nhận và hai bên sẽ thỏa thuận mức đền bù thiệt hại mà bên bán phải chịu do việc trì hoãn kế hoạch sản xuất.

7.3. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt thiết bị, bên mua sẽ tiến hành chạy thử máy, chạy không tải và chạy có tải hàng trong vòng 4 và 8 giờ liên tục. Việc chạy thử sẽ được lập lại trong vòng 3 ngày liên tục theo cùng cách thức đã được ghi rõ trong tài liệu kỹ thuật.

7.4. Công suất bảo hành của thiết bị máy móc sẽ được kiểm chứng trong quá trình chạy thử. Nếu không đạt được công suất bảo hành như quy định trong phụ lục số 1 do lỗi của bên bán hoặc của nhà sản xuất, thì bên bán phải tự mình đền bù hoặc bổ sung cho bất kỳ sự thiếu hụt hoặc thay thế cho các phần hư hỏng được tìm thấy.

7.5. Nếu đạt được công suất bảo hành thiết bị trong quá trình chạy thử, người bán coi như đã hoàn tất tất cả nghĩa vụ Hợp đồng ngoại trừ thời hạn bảo hành.

Điều 8: Thời gian bảo hành.

8.1. Thời gian bảo hành của tất cả thiết bị, phụ tùng và phụ tùng thay thế là 12 tháng kể từ ngày đạt được công suất bảo hành.

8.2. Trong suốt thời gian bảo hành, nếu phát hiện ra bất kỳ sự hư hỏng hoặc trục trặc có liên quan khác, bên mua phải thông báo ngay cho bên bán biết các phần hư hỏng, trục trặc có liên quan đến lỗi hoặc trách nhiệm của bên bán và của nhà sản xuất.

Bên bán phải nhanh chóng đền bù, sửa chữa hoặc thay thế các phần hư hỏng, trục trặc trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên mua bằng telex - fax.

* Nếu người bán chậm trễ trong việc đền bù/ sửa chữa hoặc thay thế cho những phần hư hỏng, người bán sẽ phải chịu bồi thường

cho việc trì hoãn thời gian sản xuất, tiền bồi thường này do 2 bên thỏa thuận.

Điều 9: Bất khả kháng

9.1. Hợp đồng không ràng buộc người bán và người mua nếu sự thực hiện Hợp đồng là không thể được vì lý do bất khả kháng nó bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong chiến tranh, đình công lớn, hạn chế nhập khẩu, hỏa hoạn, thiên tai.

9.2. Một giấy chứng nhận do một tổ chức có thẩm quyền hoặc Phòng Thương mại tại nước người bán hoặc người mua cấp sẽ là bằng chứng có giá trị trong trường hợp này.

9.3. Bên nào gặp bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia biết trong vòng 10 ngày kể từ ngày xảy ra bất khả kháng. Nếu bất khả kháng được chính thức xác nhận là kéo dài 2 tháng liên tục kể từ ngày xảy ra, Hợp đồng sẽ bị hủy bỏ mà không có bất kỳ sự khiếu nại nào, trừ phi hai bên đồng ý khác đi sau đó.

Điều 10: Giải quyết tranh chấp

Bất kỳ sự tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết một cách hữu nghị giữa hai bên. Nếu có tranh chấp nào không thể giải quyết được, sẽ được đem ra tòa án, hay trọng tài ở Hague, Netherlands, theo luật hòa giải và xét xử của tòa án Thương mại quốc tế hiện hành vào thời gian xét xử. Quyết định phân xử là quyết định cuối cùng và có giá trị ràng buộc hai bên.

Điều 11: Các điều khoản khác

Bất kỳ sự thay đổi hoặc sửa chữa nào đối với Hợp đồng này phải được làm thành văn bản (bao gồm telex/fax) và chịu sự đồng ý của hai bên. Những sự thay đổi và sửa chữa này được xem như là một phần của Hợp đồng.

Hợp đồng này được làm thành 4 bản bằng tiếng Anh có giá trị tương đương. Hai bản do người mua giữ và hai bản do người bán giữ.

Thay mặt người mua

Thay mặt người bán

9. MẪU HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU GẠO

CONTRACT

No

Date

Between:

Address:

Tel: Telex: Fax:

Represented by Mr

Hereinafter called the Seller.

And:

Tel: Telex: Fax:

Represented by Mr

Hereinafter called the Seller.

The above parties hereby agreed that Seller shall sell and Buyer shall buy the following commodity with the following terms and conditions:

1. COMMODITY: Vietnamese Rice Type Pearl

2. SPECIFICATION:

* Moisture:14% max

* Foreign matter0.5% max.

* Broken: 25.00% max.

* Whole grain: 40.00% min.

* Damaged kernel:2.00% max.

* Chalky kernel:8.00% max.

* Red kernel:4.00% max.

* Immature kernel:1.00% max.

* Milling degree: ordinary milled.

3. QUANTITY: 20.000 Mt (10% more or less at Buyer option)

4. PACKING: in new single jute bags of 50 kgs net each

5. SHIPMENT: 10.000 MT in October and 10.000 MT in November

6. PRICE: USD 195.000 MT FOB Saigon Port

7. PAYMENT: By Irrevocable Letter of Credit at sight L/C

Buyer shall open an Irrevocable Letter of Credit at sight L/C in favor of Vietcombank requiring the following documents for negotiation:

- Full set of commercial invoice
- Full set Clean on Board Bill of Lading
- Certificate of weight and quality issued by independent surveyor
- Certificate of origin
- Phytosanitary certificate
- Fumigation certificate
- Certificate of vessel's Hatch cleanliness

8. PRE-SHIPMENT SURVEY: Buyer shall have right to pre-shipment survey of cargo.

9. INSURANCE; To be covered by the Buyer.

10. ARBITRATION: Any disputes, controversy or claim arising out of or relating to this contract or breach therefore, which can not amicably be settled by the parties hereto, shall be finally settled by Legal Solution in Singapore.

11. LOADING TERMS:

a. At the loading port, the cargo is to be loaded at the rate of 1,000 metric tons (PWWDSHEXUU) per weather working days of 24 consecutive hours, Sunday and holiday excepted unless used. If the Notice of Readiness is presented before 12 hrs noon laytime to commence at 13 hrs the same day. If the Notice of Readiness is given after 12 hrs noon before the close of office (17:00 hours) the

laytime to commence from 8:00 AM on the next working day.
Dunnage to be for Buyer/Shipowners account.

b. Shore tally at the Seller's account and on board vessel tally
Buyer/Shipowner's account.

c. At load port, tax for cargo is to Seller's account

d. Dammurage/Despatch as per Charter party

e. All other terms as per Gercon Charter party

12. APPLICABLE: This contract shall be governed by and
construed according to the laws of The Republic of Singapore.

13. FORCE MAJEURE: The Force Majeure (Exemption) Clause
of The International Chamber of Commerce (ICC Publication No.
412) is hereby incorporated in this contract.

14. SURVEY: The supervision and survey of the Vietnamese
White Rice at mills/stores quality, weight, quantity, number of
bags, conditions of boxes and packing will be done by Vinacontrol
in Vietnam, the cost thereof being to...s account.

15. OTHERS: The Trade Terms used herein shall be inported in
accordance 1980 including its amendments.

This sales contract is made in Jakarta 23 Sep. 1993 in 04 (four)
English originals, 02 (two) foreach side.

**FOR AND ON BEHALF
OF THE BUYER
SIGNED**

**FOR AND ON BEHALF
OF THE BUYER
SIGNED**

(Bản dịch)

HỢP ĐỒNG

Số:

Ngày:

Hợp đồng này xác nhận việc mua bán và bán mặt hàng gạo đã
xát gốc Việt Nam

Giữa:

Địa chỉ:

Điện thoại: Telex: Fax:

Được đại diện bởi Ông:

Dưới đây được gọi là **Bên mua.**

Và:

Địa chỉ:

Điện thoại: Telex: Fax:

Được đại diện bởi Ông:

Dưới đây được gọi là **Bên bán.**

Hai bên mua và bán trên đây đồng ý mua và bán mặt hàng dưới
đây theo những điều kiện sau:

1. Tên hàng: Gạo Việt Nam loại đã xát

2. Quy cách phẩm chất hàng hóa:

- Độ ẩm: không quá 14%
- Tạp chất: không quá 0,50%
- Hạt vỡ: không quá 25%
- Hạt nguyên: ít nhất 40%
- Hạt bị hư: không quá 2%
- Hạt bạc bụng: không quá 8%
- Hạt đỏ: không quá 4%
- Hạt non: không quá 1%
- Mức độ xát: Mức độ thông thường

3. Số lượng: 20.000 tấn 10% tùy theo sự lựa chọn của người mua
4. Bao bì đóng gói: Đóng gói trong bao dầy đơn, mới mỗi bao 50kg tịnh
5. Giao hàng: + 10.000 tấn giao trong tháng
+ 10.000 tấn giao trong tháng
6. Giá cả: 195 USD/ tấn FOB Cảng Sài Gòn
7. Thanh toán: Thanh toán bằng thư tín dụng trả ngay không hủy ngang

Người mua sẽ mở 1 thư tín dụng trả ngay không trả ngang vào tài khoản của Ngân hàng Vietcombank và yêu cầu những chứng từ chuyển nhượng sau đây để thanh toán.

- Trọn bộ hóa đơn Thương mại
- Trọn bộ vận đơn sạch hàng đã chất lên tàu
- Giấy chứng nhận trọng lượng và chất lượng do người giám sát độc lập phát hành

- Giấy chứng nhận xuất xứ
- Giấy chứng nhận vệ sinh thực vật
- Giấy chứng nhận khử trùng
- Bảng kê hàng hóa (Danh sách đóng gói)
- Giấy chứng nhận vệ sinh trên tàu sẵn sàng cho hàng vào.

8. Kiểm định trước khi giao hàng: Người mua có quyền kiểm định hàng hóa trước khi giao hàng.

9. Bảo hiểm: Do người mua chịu

10. Trọng tài: Bất kỳ tranh cãi, bất hòa hay khiếu nại nào phát sinh liên quan đến Hợp đồng này hay vi phạm Hợp đồng này mà hai bên mua bán không thể hòa giải, thương lượng được cuối cùng sẽ được đưa ra giải quyết tại tòa/ trọng tài Legal Solution (Trọng tài quyết định pháp lý) ở Singapore.

11. Những điều kiện giao hàng

a) Tại cảng giao hàng, hàng hóa sẽ được xếp lên tàu theo tỉ lệ xếp dỡ là 1.000 tấn trong một ngày làm việc thời tiết thích hợp, 24 tiếng liên tục, chủ nhật và ngày lễ được trừ ra trừ khi những ngày

ngiht này đượ sử dụng để bốc xếp hàng lên tàu. Nếu thông báo tàu sẵn sàng đến trước 12 giờ trưa thì thời gian xếp hàng sẽ bắt đầu ngay vào lúc 1 giờ cùng ngày. Nếu thông báo tàu sẵn sàng đến sau 12 giờ trưa nhưng trước giờ tan sở (17 giờ) thì thời gian xếp hàng sẽ bắt đầu vào lúc 8 giờ sáng ngày làm việc tiếp theo.

Những vật chèn lót sẽ do người mua hoặc chủ tàu cung cấp và chịu phí tổn.

b) việc kiểm kiện trên bờ sẽ do người bán thực hiện và chịu phí tổn, việc kiểm kiện trên tàu sẽ do người mua hay chủ tàu chịu trách nhiệm và phí tổn.

c) MDI dạng thuế tại cảng giao hàng đều do người bán chịu.

d) Thuởng phạt do thời gian xếp hàng sẽ đượ quy định trong Hợp đồng thuê tàu.

e) Tất cả những điều khoản khác sẽ theo Hợp đồng thuê tàu GENCON.

12. Điều luật áp dụng: Hợp đồng này sẽ áp dụng theo luật pháp của Cộng hòa Singapore.

13. Điều khoản bất khả kháng: Hợp đồng này áp dụng những điều bất khả kháng trong Điều 01 của ấn bản số 412 do Phòng Thương mại quốc tế phát hành.

14. Điều khoản kiểm định: Việc kiểm định, giám sát tại nhà máy, nhà kho về chất lượng, trọng lượng, số lượng bao, tình trạng bao gói (bao bì và hộp) của số gạo trắng gốc Việt Nam này sẽ do Vinacontrol tại Việt Nam đảm nhiệm, phí tổn kiểm định này sẽ do bên bán chịu.

15. Những điều khoản khác.

Tất cả những thuật ngữ thương mại dùng trong Hợp đồng này đượ diễn giải theo ấn bản 1990 và những phụ lục của nó.

Hợp đồng bán hàng này đượ làm tại Jakarta vào ngày 23-09-1993, Hợp đồng đượ lập thành 4 (bốn) bản, bản gốc bằng tiếng Anh, mỗi bên giữ 2 (hai) bản.

Bên mua

Bên bán

10. MẪU HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

Số:...../ HĐVCHH

- Căn cứ Pháp lệnh HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 17 ngày 16/01/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh HĐKT;

- Căn cứ (các văn bản về vận tải hàng hóa của ngành hoặc địa phương nếu có);

- Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại: (Ghi địa điểm ký kết).

Chúng tôi gồm:

Bên A (chủ hàng):

- Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là Ông (bà):..... Chức vụ:

- Giấy ủy quyền số: (nếu thay thủ trưởng).

- Viết ngày..... tháng..... năm

Do: Chức vụ: ký.

Bên B (chủ phương tiện):

- Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là Ông (bà):..... Chức vụ:
- Giấy ủy quyền số: (nếu thay thủ trưởng).
- Viết ngày..... tháng..... năm
- Do: Chức vụ: ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung Hợp đồng như sau:

Điều 1: Hàng hóa vận chuyển

1. Tên hàng: Bên A thuê Bên B vận tải những hàng hóa sau:

2. Tính chất hàng hóa:

Bên B cần lưu ý bảo đảm cho Bên A những hàng hóa sau được an toàn:

- là hàng cần giữ tươi sống:
- cần bảo quản không để biến chất:
- là loại hàng nguy hiểm cần che dầy hoặc để riêng: ...
- là loại hàng dễ vỡ:
- là loại hàng cần tránh nắng:
- là loại hàng súc vật cần giữ sống bình thường:

3. Đơn vị tính đơn giá cước (phải quy đổi theo quy định của Nhà nước, chỉ được tự thỏa thuận nếu Nhà nước chưa có quyết định).

Điều 2: Địa điểm nhận hàng và giao hàng

1. Bên B đưa phương tiện đến nhận hàng tại (kho hàng) số nhà, đường phố (địa danh) do Bên A giao.

(Chú ý: Địa điểm nhận hàng phải là nơi mà phương tiện vận tải có thể vào ra thuận tiện, an toàn).

2. Bên B giao hàng cho Bên A tại địa điểm..... (có thể ghi địa điểm mà người mua hàng Bên A sẽ nhận hàng thay cho Bên A)

Điều 3. Định lịch thời gian giao nhận hàng

STT	Tên hàng	Nhận hàng			Giao hàng		
		Số lượng	Địa điểm	Thời gian	Số lượng	Địa điểm	Thời gian

Điều 4. Phương tiện vận tải

1. Bên A yêu cầu Bên B vận tải số hàng trên bằng phương tiện (xe tải, tàu thủy, máy bay, v.v...).

Phải có những khả năng cần thiết như:

- Tốc độ phải đạt km/ giờ.
- Có mái che (bằng).
- Số lượng phương tiện là:

2. Bên B chịu trách nhiệm về kỹ thuật cho phương tiện vận tải để bảo đảm vận tải trong thời gian là:

3. Bên B phải chuẩn bị đầy đủ giấy tờ cho phương tiện đi lại hợp lệ trên tuyến giao thông đó để vận tải số hàng hóa đã thỏa thuận như trên và chịu mọi hậu quả về giấy tờ pháp lý của phương tiện vận tải.

4. Bên B phải làm vệ sinh phương tiện vận tải sau khi nhận hàng, chi phí vệ sinh phương tiện vận tải sau khi giao hàng Bên A phải chịu là đồng.

5. Sau khi Bên B đưa phương tiện đến nhận hàng mà Bên A chưa có hàng để giao sau phút thì Bên A phải chứng nhận cho Bên B đem phương tiện về (từ 30 phút đến 60 phút có thể đòi về) và phải trả giá cước của loại hàng thấp nhất về giá vận tải theo đoạn đường đã Hợp đồng. Trường hợp không tìm thấy người đại diện của Bên A tại địa điểm giao hàng, Bên B chờ sau 30 phút có quyền nhờ uỷ ban nhân dân cơ sở xác nhận phương tiện có đến rồi cho phương tiện về và yêu cầu thanh toán chi phí như trên.

6. Bên B có quyền từ chối không nhận hàng nếu Bên A giao

không đúng loại hàng ghi trong vận đơn khi xét thấy phương tiện điều động không thích hợp với loại hàng đó, có quyền bắt Bên A phải chịu phạt.....% giá trị tổng cước phí (tương đương trường hợp đơn phương đình chỉ Hợp đồng).

7. Trong trường hợp Bên B đưa phương tiện đến nhận hàng chậm so với lịch giao nhận phải chịu phạt Hợp đồng là: .. đồng/ giờ.

Điều 5. Về giấy tờ cho việc vận chuyển hàng hóa

1. Bên A phải làm giấy xác nhận báo hàng hóa (phải được đại diện Bên B ký, đóng dấu xác nhận) trước 48 giờ, nếu có thay đổi phải làm giấy xác báo lại trước 36 giờ so với thời điểm giao hàng.

2. Bên B phải xác báo lại cho Bên A số lượng và trọng tải các phương tiện có thể điều động trong 24 giờ trước khi Bên A giao hàng. Nếu Bên A không xác báo xin phương tiện thì Bên B không chịu trách nhiệm.

3. Bên A phải làm vận đơn cho từng chuyến giao hàng, ghi rõ tên hàng và số lượng (phải viết rõ ràng, không tẩy xóa, gạch bỏ, viết thêm, viết chồng hay dán chồng.... Trường hợp cần sửa chữa, xóa bỏ, phải có ký chứng thực). Bên A phải có trách nhiệm về những điều mình ghi trong vận đơn giao cho Bên B.

4. Bên A phải đính kèm vận đơn với các giấy tờ khác cần thiết để các cơ quan chuyên trách có thể yêu cầu xuất trình khi kiểm soát như:

- Giấy phép lưu thông loại hàng hoá đặc biệt.
- Biên lai các khoản thuế đã đóng.

Nếu không có đủ các giấy tờ khác cần thiết cho việc vận chuyển loại hàng hóa đó thì phải chịu trách nhiệm do hậu quả để thiếu trên như: phải chịu phạt chờ đợi là..... đồng/ giờ, hàng để lâu có thể bị hư hỏng, trường hợp hàng bị tịch thu vẫn phải trả đủ tiền cước đã thỏa thuận.

5. Trường hợp xin vận chuyển đột xuất hàng hóa: Bên B chỉ nhận chở nếu có khả năng. Trường hợp này Bên A phải trả thêm cho Bên B một khoản tiền bằng..... giá cước vận chuyển. Ngoài ra còn phải chi phí các khoản phí tổn khác cho Bên B kể cả tiền

phạt do điều động phương tiện vận tải đột xuất làm lỡ các Hợp đồng đã ký với các chủ hàng khác (nếu có). Trừ các trường hợp Bên A có giấy điều động vận chuyển hàng khẩn cấp theo lệnh của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải trở lên thì không phải nộp các khoản tiền bồi thường và các phí tổn đó.

Điều 6. Phương thức giao nhận hàng

1. Hai bên thỏa thuận giao nhận hàng và tính chất phương tiện vận tải mà thỏa thuận giao nhận theo một trong các phương thức.

Nguyên đai, nguyên kiện, nguyên bao.

- Theo trọng lượng, thể tích.

- Theo nguyên hầm hay container.

- Theo ngăn nước của phương tiện vận tải thủy.

2. Bên A đề nghị Bên B giao hàng theo phương thức

(có thể nhận sao giao vậy).

Điều 7. Trách nhiệm xếp dỡ hàng hóa

1. Bên B (A) có trách nhiệm xếp dỡ hàng hóa.

Chú ý:

- Tại địa điểm có thể tổ chức xếp dỡ chuyên trách thì chi phí xếp dỡ do chủ hàng (Bên A) chịu.

- Trong trường hợp chủ hàng phụ trách xếp dỡ (không thuê chuyên trách) thì bên vận tải có trách nhiệm hướng dẫn về kỹ thuật xếp dỡ.

2. Thời gian xếp dỡ giải phóng phương tiện là..... giờ.

Lưu ý: Nếu cần xếp dỡ vào ban đêm, vào ngày lễ và ngày chủ nhật Bên A phải báo trước cho Bên B 24 giờ, phải trả chi phí cao hơn giờ hành chính là..... đồng/ giờ (tấn)

3. Mức thưởng phạt:

- Nếu xếp dỡ xong trước thời gian quy định và an toàn thì Bên..... sẽ thưởng cho Bên..... số tiền là..... đồng/ giờ.

Xếp dỡ hư hỏng hàng hóa phải bồi thường theo giá trị trường tự do tại địa điểm bốc xếp.

Điều 8. Giải quyết hao hụt hàng hóa

1. Nếu hao hụt quy định dưới mức..... % tổng số lượng hàng thì Bên B không phải bồi thường (mức này có quy định của Nhà nước phải áp dụng theo, nếu không hai bên tự thỏa thuận).

2. Hao hụt trên tỉ lệ cho phép thì Bên B phải bồi thường cho Bên A theo giá thị trường tự do tại nơi giao hàng (áp dụng cho trường hợp Bên A không cử người áp tải).

3. Mọi sự kiện mất hàng Bên A phải phát hiện và lập biên bản trước và sau khi giao hàng, nếu đúng thì Bên B phải ký xác nhận vào biên bản; nhận hàng xong nếu Bên A báo mất mát, hư hỏng thì Bên B không chịu trách nhiệm bồi thường.

Điều 9. Người áp tải hàng hóa (nếu cần)

1. Bên A cử..... người theo phương tiện để áp tải hàng (có thể ghi rõ họ tên).

Lưu ý: Các trường hợp sau đây Bên A phải cử người áp tải:

- Hàng quý hiếm: vàng, kim cương, đá quý....
- Hàng tươi sống đi đường phải ướp.
- Súc vật sống cần cho ăn dọc đường.
- Hàng nguy hiểm.
- Các loại súng ống, đạn dược.
- Linh cữu, thi hài...

2. Người áp tải có trách nhiệm bảo vệ hàng hóa và giải quyết các thủ tục kiểm tra liên quan đến hàng hóa trên con đường vận chuyển.

3. Bên B không phải chịu trách nhiệm hàng mất mát nhưng phải có trách nhiệm điều khiển phương tiện đúng yêu cầu kỹ thuật để không gây hư hỏng, mất mát hàng hóa. Nếu không giúp đỡ hoặc điều khiển phương tiện theo yêu cầu của người áp tải nhằm giữ gìn và bảo vệ hàng hóa hoặc có hành vi vô trách nhiệm khác làm thiệt hại cho bên chủ hàng thì phải chịu trách nhiệm theo lỗi của mình.

Điều 10. Thanh toán cước phí vận tải

1. Tiền cước phí chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B bao gồm:

- Loại hàng thứ nhất là: đồng

- Loại hàng thứ hai là: đồng

Lưu ý: Cước phí phải dựa theo đơn giá Nhà nước quy định, nếu không có mới được tự thỏa thuận.

+ Từng công cước phí chính là đồng.

2. Tiền phụ phí vận tải Bên A phải thanh toán cho Bên B gồm: Phí tổn điều xe một số quãng đường không chở hàng là đồng/ km.

- Cước qua phà là đồng.

- Chi phí chuyển tải là đồng.

- Phí tổn vật dụng chèn lót là đồng.

- Chuồng cũ cho súc vật là đồng.

- Giá chênh lệch nhiên liệu tổng cộng là đồng.

- Lệ phí bến đỗ phương tiện là đồng.

- Kê khai trị giá hàng hóa hết đồng.

- Cảng phí hết đồng.

- Hoa tiêu phí hết đồng.

3. Tổng cước phí bằng số bằng chữ

4. Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức sau (có thể là chuyển khoản, tiền mặt, bằng hiện vật...)

Điều 11. Đăng ký, bảo hiểm

1. Bên A phải chi phí mua bảo hiểm hàng hóa.

2. Bên B chi phí mua bảo hiểm phương tiện vận tải với chi nhánh Bảo Việt tại trong chuyến chở hàng này.

Điều 12. Biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng (nếu cần)

Có thể thỏa thuận một trong các biện pháp như: bảo lãnh, thế chấp, cầm cố (xem mục VI, Phần A).

Điều 13. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Bên nào vi phạm Hợp đồng, một mặt phải cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm Hợp đồng, mặt khác nếu có thiệt hại xảy ra do lỗi vi phạm Hợp đồng dẫn đến như mất mát, hư hỏng tài sản phải

chi phí để ngăn chặn hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra, tiền phạt do vi phạm Hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm đã phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của sự vi phạm.

2. Nếu Bên A đóng gói hàng mà không khai hoặc khai không đúng sự thật về số lượng, trọng lượng hàng hóa thì Bên A phải chịu phạt đến..... % số tiền cước phí trả cho lô hàng đó.

3. Nếu Bên B có lỗi làm hư hỏng hàng hóa trong quá trình vận chuyển thì:

- Trong trường hợp có thể sửa chữa được nếu Bên A đã tiến hành sửa chữa thì Bên B phải đài thọ phí tổn.

- Nếu hư hỏng đến mức không còn khả năng sửa chữa thì hai bên thỏa thuận mức bồi thường hoặc nhờ cơ quan chuyên môn giám định và xác nhận tỉ lệ bồi thường.

4. Nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán tổng cước phí vận chuyển thì phải chịu phạt theo mức lãi suất chậm trả của tín dụng ngân hàng là % ngày (hoặc tháng) tính từ ngày hết hạn thanh toán.

5. Bên nào đã ký Hợp đồng mà không thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới..... % giá trị phần tổng cước phí dự chỉ (cao nhất là 12%).

6. Nếu Hợp đồng này có một bên nào đó gây ra đồng thời nhiều loại vi phạm, thì chỉ phải chịu một loại phạt có số tiền phạt ở mức cao nhất theo các mức phạt mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng này, trừ các loại trách nhiệm bồi thường khi làm mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa lúc vận chuyển (dựa theo tinh thần Điều 23 Nghị định 17-HĐBT ngày 16/11/1990 của Hội đồng Bộ trưởng).

Điều 14. Giải quyết tranh chấp Hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết trên cơ sở thỏa thuận bình đẳng, cùng có lợi (cần lập biên bản ghi toàn bộ

nội dung sự việc và phương pháp giải quyết đã áp dụng).

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết xong được thì thống nhất sẽ nhờ Tòa án, là cơ quan có đủ thẩm quyền giải quyết những tranh chấp trong Hợp đồng này.

3. Chi phí cho những hoạt động kiểm tra xác minh và lệ phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Điều 15. Các thỏa thuận khác, nếu cần

Điều 16. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng này vào lúc giờ ngày..... tháng..... năm.....

Hợp đồng này được lập thành..... bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản.

Đại diện bên A

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

11. MẪU HỢP ĐỒNG MÔI GIỚI THƯƠNG MẠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MÔI GIỚI THƯƠNG MẠI

Số:...../ HDMG

- Căn cứ Luật thương mại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định...../CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật thương mại;

- Căn cứ..... (văn bản hướng dẫn các cấp các ngành)

- Căn cứ biên bản ghi nhớ ngày..... tháng..... năm.....

Hôm nay ngày..... tháng..... năm..... tại..... chúng tôi gồm có:

Bên môi giới: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ X

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax: ..

- Đại diện là: Chức vụ:

- Trong trường hợp này gọi tắt là Bên A

Bên được môi giới: Ngân hàng thương mại cổ phần H

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax: ..

- Đại diện là: Chức vụ:

Trong Hợp đồng này gọi tắt là Bên B

Sau khi bàn bạc, thảo luận hai bên đi đến thống nhất ký Hợp đồng môi giới với những nội dung và điều khoản sau

Điều 1: Nội dung việc giao dịch

1. Bên B nhờ bên A tìm khách hàng có nhu cầu cần mua nhà xưởng (hoặc ô-tô, nhà ở) hiện đang được bên A giữ giấy tờ chính để thế chấp vay tiền tại ngân hàng, nay có nhu cầu bán để thanh toán nợ cho bên A.

2. Số đặc định tài sản: Nhà xưởng của bên B đặt tại số
Đường:

Quận (huyện) thành phố (tỉnh)
(có thể mô tả sơ bộ về diện tích, kết cấu, hiện trạng sử dụng)

3. Giá bán được ấn định:

Điều 2: Mức thù lao và phương thức thanh toán.

1. Bên B đồng ý thanh toán cho bên A số tiền môi giới là
% trên tổng giá tổ Hợp đồng mà bên B ký kết với khách hàng.

2. Bên B thanh toán cho Bên A bằng đồng Việt Nam với phương thức chuyển khoản (hoặc bằng tiền mặt).

3. Việc thanh toán được chia làm..... lần

Lần thứ nhất: 50% trị giá Hợp đồng ngay sau khi người mua đặt trên cọc

Lần thứ hai: Số tiền còn lại sẽ được thanh toán ngay sau khi bên B và người mua làm Hợp đồng tại phòng Công chứng.....

Điều 3: Trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên

1. Bên A được tiến hành các nghiệp vụ trung gian tìm khách hàng mua nhà xưởng (ô-tô, nhà ở...) bằng các hình thức quảng cáo trên báo chí, truyền hình hoặc các hình thức thông tin khác.... Chi phí này bên B phải thanh toán cho bên A theo hóa đơn thu tiền theo quy định của cơ quan quảng cáo.

2. Bên A được mời chuyên gia giám định hàng hóa khi khách hàng có yêu cầu, số tiền chi phí cho giám định bên B phải thanh toán cho bên A ngay sau khi bên A xuất trình hóa đơn hợp lệ.

3. Bên A chịu trách nhiệm tư vấn cho khách hàng mọi vấn đề có liên quan đến Hợp đồng mua bán hàng hóa mà bên A được môi giới.

4. Bên B tạo điều kiện tốt nhất để bên A hoàn thành nhiệm vụ

của mình, trong điều kiện cho phép bên B có thể ủy quyền cho bên A làm thủ tục mua bán sang tên nhà xưởng cho người mua với chi phí là..... đồng (số tiền chi phí này ngoài Hợp đồng mà hai bên ký kết).

Điều 4: Điều khoản về tranh chấp

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau (có lập biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

2. Trong trường hợp không tự giải quyết được thì hai bên đồng ý sẽ khiếu nại tới tòa án. Mọi chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí tòa án do bên có lỗi chịu.

Điều 5: Thời hạn có hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày..... Hai bên tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng sau đó..... ngày. Bên B có trách nhiệm tổ chức vào thời gian, địa điểm thích hợp.

2. Hợp đồng này được làm thành..... bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản.

Đại diện bên B

Đại diện bên A

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Chức vụ

(Ký tên, đóng dấu)

12. MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN

Số:...../ HĐDD

- Căn cứ Luật thương mại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định...../CP ngày... tháng..... năm..... của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật thương mại;

- Căn cứ..... (văn bản hướng dẫn các cấp các ngành);

- Căn cứ biên bản ghi nhớ ngày..... tháng..... năm.....

Hôm nay ngày..... tháng..... năm..... tại..... chúng tôi gồm có:

Bên ủy nhiệm: Công ty thương mại & dịch vụ Hùng Minh - TNHH

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là: Chức vụ: Giám đốc

Trong Hợp đồng này gọi tắt là bên A

Bên đại diện: Chi nhánh công ty thương mại & dịch vụ Hùng Minh - TNHH

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là: Chức vụ: Giám đốc

Trong Hợp đồng này gọi tắt là bên B

Sau khi bàn bạc, thảo luận hai bên đi đến thống nhất ký Hợp đồng đại diện với những nội dung và điều khoản sau:

Điều 1: Công việc ủy nhiệm cho bên đại diện

Bên A ủy nhiệm cho bên B làm đại diện với danh nghĩa Công ty thương mại & dịch vụ Hùng Minh - TNHH để bán các sản phẩm vật liệu xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn thuộc tỉnh Bình Dương (có phụ lục các danh mục hàng hóa đính kèm) Tên gọi: Chi nhánh công ty thương mại và dịch vụ Hùng Minh - TNHH.

Địa chỉ:

Người được đại diện:

Ông (bà): Chức vụ: Trưởng Chi nhánh

Cùng các ông bà có tên sau đây

Ông (bà): Chức vụ:

Ông (bà): Chức vụ:

Điều 2: Phạm vi đại diện

Bên B soạn thảo các Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng trình để bên A xem xét, ký kết.

Bên A ủy quyền cho bên B lập và ký kết Hợp đồng mua bán với khách hàng sau khi đã được bên A đồng ý với từng điều khoản cụ thể.

Bên B chỉ được thực hiện Hợp đồng sau khi khách hàng trình Hợp đồng đã ký với bên A. Trong trường hợp khác phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của bên A thì bên B mới được tiến hành thực hiện Hợp đồng.

Bên B không được tự ý đại diện cho bên A ngoài phạm vi các hoạt động đã được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 3: Mức thù lao

1. Mức thù lao bên A trả cho bên B hàng tháng được quy định như sau

Trưởng chi nhánh mức đồng/ tháng

Kế toán mức đồng/ tháng

Thủ quỹ mức đồng/ tháng

Thủ kho mức đồng/ tháng

2. Nếu bên B chủ động khai thác thị trường và tìm bạn hàng để thực hiện các Hợp đồng mua bán thì bên A sẽ trích thưởng theo tỷ lệ là % cho mỗi Hợp đồng và phân chia thù lao đó theo tỷ lệ như sau:

Trưởng chi nhánh là: %

Kế toán là: %

Thủ quỹ và thủ kho là %

Mọi chi phí hợp lệ, hợp lý khác tại văn phòng đại diện phục vụ cho hoạt động vì lợi ích của bên A thì bên B được dự chi trước và được quyết toán 6 tháng một lần với định mức bình quân là đồng/ tháng (..... triệu/năm)

Điều 4: Điều khoản chung

Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện các hoạt động thương mại với danh nghĩa và vì lợi ích của bên A, không được xúc tiến các hoạt động thương mại với danh nghĩa của mình hoặc các hoạt động mang tính chất cạnh tranh đối với bên A. Trong thời gian làm đại diện cho bên A, bên B không được tiết lộ hoặc cung cấp cho người khác các bí mật liên quan đến hoạt động thương mại của bên A trong thời gian làm đại diện và trong thời hạn là..... năm, kể từ khi Hợp đồng đại diện chấm dứt; Bên B cam kết tuân thủ mọi hướng dẫn về nghiệp vụ kinh doanh ngành hàng của bên A phù hợp với các quy định của pháp luật và bảo vệ những bí quyết về kinh doanh do bên A chỉ dẫn.

Bên A cam kết thanh toán thù lao đầy đủ cho bên B theo thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

Điều 5: Trách nhiệm vật chất do vi phạm Hợp đồng.

Hai bên có thể thỏa thuận và ghi vào Hợp đồng tỷ lệ đối với từng mức phạt cụ thể.

Điều 6: Điều khoản về tranh chấp.

Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời báo

cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng, bình đẳng, đảm bảo hai bên cùng có lợi (có lập biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

Trường hợp có nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì hai bên thống nhất sẽ khiếu nại tới tòa án, trọng tài (nêu tên cơ quan giải quyết) là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc này.

Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí tòa án, trọng tài do bên có lỗi chịu.

Điều 7: Thời gian có hiệu lực của Hợp đồng.

Thời hạn mà Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các hoạt động thương mại có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng sau đó..... ngày tại..... văn phòng của bên A.

Hợp đồng này được làm thành..... bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản.

Đại diện bên B
Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên A
Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

13. MẪU HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ QUẢNG CÁO THƯƠNG MẠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ QUẢNG CÁO THƯƠNG MẠI

Số:...../ HDQC

- Căn cứ Luật thương mại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định...../CP ngày.... tháng..... năm..... của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật thương mại;

- Căn cứ..... (văn bản hướng dẫn các cấp các ngành);

- Căn cứ biên bản ghi nhớ ngày..... tháng..... năm

Hôm nay ngày..... tháng..... năm..... tại.....

chúng tôi gồm có:

Bên thuê quảng cáo:

Tên Doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là: Chức vụ:

Giấy ủy quyền số: (nếu thay giám đốc ký)

Viết ngày.... tháng.... năm..... Do chức vụ ký

Trong Hợp đồng này gọi tắt là bên A

Bên nhận dịch vụ quảng cáo:

Tên Doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là: Chức vụ: ..
- Giấy ủy quyền số: (nếu thay giám đốc ký)
- Viết ngày... tháng.... năm.... Do chức vụ ký

Trong Hợp đồng này gọi tắt là bên B.

Sau khi bàn bạc, thảo luận hai bên đồng ý ký Hợp đồng quảng cáo với những nội dung và điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Hình thức: Bên A thuê bên B làm dịch vụ quảng cáo (hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ.....) bằng hình thức (quảng cáo thông tin kinh tế trên tạp chí....., chụp ảnh, vẽ,)

Nội dung: được hai bên thỏa thuận có phụ lục đính kèm phù hợp với pháp luật hiện hành.

Chi tiết quảng cáo: Phụ lục đính kèm và không tách rời khỏi Hợp đồng

Điều 2: Phương thức, phương tiện quảng cáo

1. Phương thức: Yêu cầu nêu được hình thức, chất lượng bằng hình ảnh, biểu tượng, âm thanh, lời nói.... có sức hấp dẫn lôi cuốn khách hàng

2. Phương tiện: Yêu cầu quay hình ảnh, vẽ biển hiệu, pa nô, áp phích, bảng có hộp đèn, chữ nổi, hay trên báo chí, tạp chí, truyền hình...

Điều 3: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán.

1. Tổng chi phí dịch vụ theo Hợp đồng là: .. đồng (viết bằng chữ)

Trong đó bao gồm:

- Phí dịch vụ quảng cáo là: đồng
- Chi phí về nguyên, vật liệu là: đồng
- Các chi phí khác (nếu có) là: đồng

2. Bên A thanh toán cho bên B bằng đồng Việt Nam bằng hình thức (chuyển khoản, tiền mặt, và được chia ra làm lần.

Lần thứ nhất:

Lần thứ hai:

Điều 4: quyền và nghĩa vụ của bên A

- Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin trung thực, chính xác về hoạt động sản xuất, hàng hóa dịch vụ thương mại của đơn vị mình và chịu trách nhiệm về các thông tin do mình cung cấp cho bên B.

- Bên A có quyền lựa chọn hình thức, nội dung, phương tiện, phạm vi và thời hạn quảng cáo thương mại;

- Khi có sự tranh chấp của bên thứ ba về những nội dung thông tin kinh tế, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền..... đối với bên A thì bên A phải tự mình giải quyết, trong trường hợp đó bên B có quyền đơn phương đình chỉ Hợp đồng và yêu cầu bên A chịu trách nhiệm bồi thường chi phí cho bên B (nếu có).

- Bên A có quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng dịch vụ quảng cáo theo nội dung, điều khoản đã ký kết.

Trả phí dịch vụ quảng cáo theo thỏa thuận nêu tại Điều 2 của Hợp đồng.

Điều 5: quyền và nghĩa vụ của bên B

Yêu cầu bên thuê quảng cáo thương mại cung cấp thông tin quảng cáo trung thực, chính xác theo đúng thời hạn của Hợp đồng.

Thực hiện dịch vụ quảng cáo thương mại theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng

Được nhập khẩu vật tư, nguyên liệu và các sản phẩm quảng cáo thương mại cần thiết cho hoạt động dịch vụ quảng cáo của mình theo quy định của pháp luật.

Nhận phí quảng cáo theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 6: Điều khoản về tranh chấp.

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi (có lập biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

2. Trường hợp có nội dung tranh chấp không tự giải quyết được

thì hai bên thống nhất sẽ khiếu nại tới tòa án.....
là cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3. Các chi phí về kiểm tra xác minh và lệ phí tòa án do bên có lỗi chịu.

Điều 7: Thời hạn có hiệu lực Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày.....
Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng sau đó..... ngày.

Bên B có trách nhiệm tổ chức vào thời gian, địa điểm thích hợp.

Hợp đồng này được làm thành..... bản có giá trị như nhau,
mỗi bên giữ..... bản.

Đại diện bên B
Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên A
Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

14. MẪU HỢP ĐỒNG LẮP RÁP THIẾT BỊ KHOA HỌC - KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LẮP RÁP THIẾT BỊ KHOA HỌC - KỸ THUẬT Hợp đồng số:...../ HDLRTB

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 và các văn bản hướng dẫn của các cấp, các ngành;

- Căn cứ vào biên bản cuộc họp giữa hai bên, ngày

Hôm nay ngày..... tháng..... năm..... tại.....
chúng tôi gồm có:

Tại (địa điểm):

Bên A (Bên có nhu cầu lắp ráp)

Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):

Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là ông (bà):

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số: (nếu ký thay Giám đốc)

Viết ngày..... Do chức vụ ký

Bên B (Bên nhận lắp ráp)

Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):

Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là ông (bà):

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số: (nếu ký thay Giám đốc)

Viết ngày Do chức vụ ký

Hai bên cùng thỏa thuận nội dung Hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1. Bên A giao cho Bên B lắp ráp thiết bị khoa học kỹ thuật có tên là:

- Bao gồm những công việc cụ thể sau:

.....
.....

2. Bên A phải cung cấp đầy đủ các tài liệu và thông tin ban đầu cùng với toàn bộ những phụ tùng của thiết bị cần lắp ráp.

3. Bên B có trách nhiệm lắp ráp xong thiết bị, tiến hành việc vận hành thử, bảo đảm cho Bên A có thể sử dụng thiết bị vào hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Điều 2: Về vật tư và tiền vốn

1. Những vật tư, nguyên liệu phục vụ cho việc lắp ráp hoàn chỉnh thiết bị máy móc do Bên A có trách nhiệm cung ứng thật đầy đủ, kịp thời và đúng chất lượng, đủ số lượng cần thiết và theo nhu cầu của công việc

2. Tiền vốn ứng trước phục vụ cho các hoạt động lắp ráp và vận hành, Bên A phải chi phí cho Bên B ngay sau khi ký Hợp đồng (hoặc khi bắt đầu thực hiện Hợp đồng).

Lưu ý: Những vật tư, nguyên liệu phục vụ Bên A hiện tại không có thì có thể quy thành tiền, giao luôn cho Bên B tự mua sắm đúng tiêu chuẩn, chất lượng đã thỏa thuận.

Điều 3: Thời hạn thực hiện Hợp đồng

1. Bên B có trách nhiệm thực hiện các Hợp đồng lắp ráp trong thời gian là..... ngày (tháng).

2. Khi tổ chức vận hành thử, Bên B phải thông báo cho Bên A kiểm tra trước việc lắp ráp và cùng tham gia vận hành thử (nếu là phương tiện vận tải, thiết bị cần phạm vi hoạt động lớn, Bên A có trách nhiệm bố trí địa điểm vận hành thử).

Điều 4: Trách nhiệm bảo hành, hướng dẫn sử dụng.

1. Bên B có trách nhiệm hướng dẫn quy trình sử dụng, bảo đảm phát huy hết tính năng, tác dụng của thiết bị và những điểm cần lưu ý trong quá trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

2. việc bảo hành thiết bị các mối hàn, mối ráp do Bên B chịu trách nhiệm trong thời gian..... tháng (nếu Bên B đồng thời là người sản xuất thiết bị đó, nếu không chỉ chịu trách nhiệm bảo hành trong phạm vi các dịch vụ do Bên B thực hiện).

Điều 5: Thời hạn thanh toán công dịch vụ

1. Bên A có trách nhiệm thanh toán công dịch vụ cho Bên B tổng cộng là: chia thành các đợt:

- Đợt 1: vào ngày:

- Đợt 2: vào ngày:

2. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt (có thể chuyển khoản qua ngân hàng).

Điều 6: Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về Hợp đồng kinh tế và dịch vụ khoa học kỹ thuật.

Điều 7: Trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện Hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới % giá trị Hợp đồng đã ký (cao nhất là 12%).

2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách

nhiệm vụ chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành, v.v... Mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về Hợp đồng kinh tế.

Điều 8: Thủ tục giải quyết tranh chấp Hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết (cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).

2. Trong trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa tranh chấp ra Tòa án xử lý.

Điều 9: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày.....

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên..... có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian, địa điểm họp thanh lý.

Hợp đồng này được làm thành..... bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản, gửi cơ quan bản (nếu cần).

Đại diện bên A
Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện bên B
Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

15. MẪU HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Hợp đồng số:...../ HĐCGCN

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 17-HĐBT ngày 16-01-1990 của Hội đồng Bộ trưởng;

- Căn cứ Nghị định số 45/1989/NĐ-CP ngày 01-07-1998 của chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ;

Hôm nay ngày..... tháng..... năm..... tại..... (địa điểm ký kết)

Chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên giao)

- Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là Ông (bà):..... Chức vụ:

Giấy ủy quyền số: ngày..... tháng..... năm.....

Do chức vụ ký (nếu có).

Bên B (Bên nhận)

- Tên Doanh nghiệp (hoặc cơ quan):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là Ông (bà):..... Chức vụ:
- Giấy ủy quyền số: ngày..... tháng..... năm
- Do chức vụ ký (nếu có).

Sau khi xem xét (nêu tóm tắt kết quả hoạt động nghiên cứu, triển khai hoặc kết quả sản xuất, kinh doanh liên quan đến công nghệ được chuyển giao của bên giao), hai bên thống nhất thỏa thuận lập Hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

Định nghĩa các khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong Hợp đồng. (Đây là điều hết sức quan trọng vì các bên tham gia Hợp đồng sử dụng ngôn ngữ khác nhau, nên cần thiết thống nhất việc hiểu các khái niệm các bên sử dụng trong Hợp đồng).

Điều 2. Nội dung công nghệ được chuyển giao.

Trong điều khoản này cần nêu rõ tên công nghệ được chuyển giao; mô tả chi tiết những đặc điểm, nội dung, mức độ an toàn, vệ sinh lao động của công nghệ được chuyển giao.

Trong trường hợp bên giao cung cấp máy móc, thiết bị kèm theo các nội dung khác của công nghệ, Hợp đồng phải nêu rõ danh mục máy móc, thiết bị bao gồm tính năng kỹ thuật, ký mã hiệu, nước chế tạo, năm chế tạo, tình trạng chất lượng, giá cả.

Kết quả cụ thể đạt được sau khi thực hiện chuyển giao (về mặt chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, định mức kinh tế, kỹ thuật, về mặt năng suất, các yếu tố môi trường, xã hội).

Điều 3. Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp.

Nội dung chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) theo quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp.

Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện chuyển giao công nghệ.

Điều 5. Thời hạn, tiến độ và địa điểm cung cấp công nghệ, máy móc thiết bị.

.....
5. Những trường hợp cần bãi chức giám đốc, phó giám đốc trước thời hạn.
.....
.....

Điều 8: Tỷ lệ phân chia lãi, lỗ và rủi ro cho các bên liên doanh
Căn cứ vào tỷ lệ góp vốn các bên thỏa thuận phân chia lãi, lỗ và rủi ro như sau:

1. Bên A: % vì đã góp % vốn.
2. Bên B: %
3.

Điều 9: Quan hệ lao động trong xí nghiệp liên doanh.

1. Các nguyên tắc tuyển lao động.
- Lập Hợp đồng lao động theo 3 hình thức: dài hạn (5 năm), ngắn hạn (6 tháng - 12 tháng) và theo vụ việc.

- Qua thủ tục nghề và kiểm tra bằng cấp được đào tạo

2. Áp dụng chế độ bảo hộ lao động.
.....
.....

3. Thời gian làm việc và nghỉ ngơi.
.....
.....

4. Các hình thức trả lương cần áp dụng.

a) Lương khoán sản phẩm:
.....
.....

b) Lương cấp bậc:
.....
.....

5. Hoạt động của công đoàn (có cần thành lập không? Chuyên trách hay kiêm nhiệm).

6. chế độ bảo hiểm cho người lao động.

- Ốm đau
- Già yếu
- Tai nạn
- Thai sản

7. v.v...

Điều 10: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ và công nhân.

1. Đưa đi đào tạo: (Tiêu chuẩn như thế nào) Số lượng

2. Bố trí đi bồi dưỡng ngắn hạn. Số lượng

3. Kế hoạch mời chuyên gia trong nước và nước ngoài đến xí nghiệp phổ biến kỹ thuật và kinh nghiệm.

4. Kế hoạch bồi dưỡng và thi tay nghề nâng cấp bậc kỹ thuật của đội ngũ công nhân.

Điều 11: Trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện Hợp đồng.

1. Trách nhiệm bên A (xác định các nghĩa vụ vật chất).

2. Trách nhiệm Bên B

3. Trách nhiệm bên C

Điều 12: Thủ tục giải quyết các tranh chấp trong Hợp đồng liên doanh (tương tự HĐHTKD).

Điều 13: Các thỏa thuận khác nếu cần.

Điều 14: Hiệu lực của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày. Đến ngày

Các bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý sau khi Hợp đồng hết hiệu lực..... ngày. Chủ tịch Hợp đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức và thông báo thời gian, địa điểm triệu tập cuộc họp thanh lý.

Đại diện bên A

Chức vụ

Ký tên

(Đóng dấu)

Đại diện bên B

Chức vụ

Ký tên

(Đóng dấu)

Đại diện bên C

Chức vụ

Ký tên

(Đóng dấu)

18. MẪU THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG TỔNG THẦU EPC

(Kèm theo Thông tư số 08/2003/TT-BXD
ngày 9 tháng 7 năm 2003 của Bộ Xây dựng hướng dẫn
nội dung và quản lý Hợp đồng tổng thầu thiết kế -
cung ứng vật tư, thiết bị - xây dựng) (EPC)

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG TỔNG THẦU EPC

(Mẫu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

I. CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

.....
.....

II. ĐẠI DIỆN CÁC BÊN GIAO THẦU VÀ NHẬN THẦU

1. Bên mời thầu:
- Tên chủ đầu tư:
 - Chức vụ:
 - Địa chỉ giao dịch:
 - Số tài khoản: tại Ngân hàng:
2. Bên nhận thầu:
- Tên Tổng thầu EPC:
 - Chức vụ:
 - Địa chỉ giao dịch:
 - Số tài khoản: tại Ngân hàng:

III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG TỔNG THẦU EPC

1. Trong Hợp đồng này, các từ ngữ sẽ có nghĩa như được định nghĩa trong Các điều kiện của Hợp đồng nêu dưới đây.

2. Các tài liệu dưới đây là một phần không tách rời của thỏa thuận này và cùng tạo thành Hợp đồng tổng thầu EPC, bao gồm:

- a) Thỏa thuận Hợp đồng
- b) Thông báo trúng thầu hoặc Văn bản chỉ định thầu
- c) Hồ sơ về yêu cầu của Chủ đầu tư, Hồ sơ mời thầu
- d) Hồ sơ dự thầu hoặc Hồ sơ chào thầu
- đ) Các điều kiện riêng của Hợp đồng
- e) Các điều kiện chung của Hợp đồng
- f) Các bản vẽ
- g) Các phụ lục, bảng, biểu
- h) Các thỏa thuận khác bằng văn bản có liên quan
- i) Các giấy tờ bảo lãnh (nếu có)

Thỏa thuận Hợp đồng được ưu tiên áp dụng so với các tài liệu khác nằm trong Hợp đồng. Trường hợp có nhu cầu giữa các tài liệu nằm trong Hợp đồng thì việc ưu tiên áp dụng phải theo thứ tự....

3. Nội dung công việc, sản phẩm của Hợp đồng

4. Thời hạn thực hiện Hợp đồng

5. Giá trị Hợp đồng

6. Trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên có vai trò của tư vấn của chủ đầu tư

7. Phương thức tạm ứng, thanh toán

8. Nguyên tắc xử lý tranh chấp

9. Thương, phạt; đình chỉ, chấm dứt Hợp đồng

10. Thanh lý Hợp đồng

11. Luật áp dụng

12. Cam kết của các bên

Hợp đồng này được làm thành..... bản, bằng ngôn ngữ....., mỗi bên giữ..... bản. Các bản đều có giá trị pháp lý như nhau.

Chủ đầu tư

Tổng thầu EPC

19. MẪU HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP, CẦM CỐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP, CẦM CỐ

Số:/...../HD

Số đăng ký tại NH:/.....

- Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 28/10/1995;

- Căn cứ pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989;

- Căn cứ Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay;

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa Ngân hàng... và

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm.... Tại:.....

Chúng tôi gồm có:

1. Bên thế chấp, cầm cố: (sau đây gọi là Bên bảo đảm).

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....

Do Ông (bà):

Chức vụ: làm đại diện theo giấy ủy quyền sốngày/...../..... của

2. Bên nhận thế chấp cầm cố: Ngân hàng :(sau đây gọi là Ngân hàng)

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....

Do Ông (bà):

Chức vụ:..... làm đại diện

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thế chấp, cầm cố với những điều khoản sau:

Điều 1. Mục đích, bảo đảm.

Bằng Hợp đồng này, Bên bảo đảm đồng ý thế chấp cầm cố cho Ngân hàng các tài sản theo bảng liệt kê tại Điều 2 dưới đây để đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ nợ gốc và lãi phí, (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa bên bảo đảm và Ngân hàng.

Điều 2. Những tài liệu dùng để thế chấp, cầm cố (sau đây gọi là tài sản bảo đảm).

Loại tài sản	Giá trị	Giấy tờ gốc	Ghi chú
1. Tài sản do Bên bảo đảm giữ			
.....			
2. Tài sản do Ngân hàng giữ			
.....			
Tổng số			

Các chi tiết khác về tài sản bảo đảm theo phụ lục đính kèm

Điều 3. Cam kết của bên bảo đảm.

1. Các tài sản nói tại Điều 2 Hợp đồng này hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, sử dụng, quản lý hợp pháp của Bên bảo đảm;

2. Các tài sản bảo đảm nói trên hiện không sử dụng làm thế chấp, cầm cố dưới bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ nào khác; không bị tranh chấp về quyền sở hữu, sử dụng quản lý.

3. Tuân thủ theo pháp luật và mọi quy định của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên bảo đảm.

1. Thực hiện việc đăng ký và công chứng Hợp đồng này tại cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu của Ngân hàng và chịu mọi chi phí để thực hiện việc thế chấp, cầm cố tài sản (kiểm định, công chứng, đăng ký) xử lý tài sản bảo đảm (nếu có).

2. Giao toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản bảo đảm và các giấy tờ khác có liên quan cho Ngân hàng ngay khi kết kết Hợp đồng này.

3. Mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng. Quyền thụ hưởng tiền bồi thường bảo hiểm thuộc Ngân hàng.

4. Tiếp tục sử dụng, khai thác tài sản do Bên bảo đảm giữ và bảo quản không làm giảm giá trị tài sản bảo đảm so với khi ký Hợp đồng (không tính đến hao mòn vô hình và yếu tố trượt giá).

Không thay đổi, sửa chữa cấu hình và các bộ phận của tài sản bảo đảm làm giảm sút giá trị tài sản bảo đảm. Việc sửa chữa lớn phải thông báo cho Ngân hàng biết. Bên bảo đảm phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tránh nguy cơ giảm sút hoặc mất giá trị tài sản bảo đảm, kể cả việc ngừng khai thác, sử dụng các tài sản bảo đảm đó.

5. Không được bán, trao đổi, chuyển nhượng, cho, tặng, cho mượn, cho thuê, góp vốn tài sản bảo đảm sử dụng tài sản bảo đảm để góp vốn khi chưa có biện pháp bảo đảm khác thay thế và chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng.

6. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm giảm vì bất kỳ lý do gì, Bên bảo đảm phải thông báo ngay cho Ngân hàng biết.

7. Nhận lại tài sản, giấy tờ gốc chứng nhận về quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản bảo đảm đã giao cho Ngân hàng sau khi thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Giữ các tài sản do Ngân hàng giữ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 và giấy tờ gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng,

quản lý và các giấy tờ khác có liên quan đến tài sản bảo đảm.

2. Kiểm tra định kỳ, hoặc đột xuất tài sản bảo đảm do Bên bảo đảm gửi bảo quản, không làm giảm giá trị tài sản bảo đảm (không kể hao mòn vô hình và yếu tố trượt giá).

3. Giao lại cho Bên bảo đảm toàn bộ giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản bảo đảm và các giấy tờ khác liên quan đã nhận sau khi Bên bảo đảm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh, hoặc thay đổi tài sản bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm khác và hai bên đã làm thủ tục giải trừ thế chấp, cầm cố.

4. Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ khi Bên bảo đảm không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh cho Ngân hàng.

Điều 6. Xử lý tài sản bảo đảm.

Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gốc, lãi và phí (nếu có), Ngân hàng lựa chọn thực hiện theo một trong các cách sau:

1. Bên bảo đảm làm thủ tục gán nợ tài sản bảo đảm cho Ngân hàng nếu Ngân hàng yêu cầu. Giá cả tài sản bảo đảm do hai bên thỏa thuận trên cơ sở mặt bằng giá tài sản cùng loại tại địa phương vào thời điểm đó.

2. Bên bảo đảm sẽ đứng chủ bán tài sản bảo đảm để trả nợ Ngân hàng. Giá cả tối thiểu của tài sản bảo đảm do hai bên thỏa thuận trên cơ sở giá mặt bằng cùng loại tại địa phương vào thời điểm đó. Giá bán tài sản bảo đảm không được thấp hơn giá tối thiểu đã thỏa thuận. Thời hạn bán tài sản bảo đảm do hai bên thống nhất.

3. Ngân hàng và Bên bảo đảm tổ chức bán đấu giá tài sản bảo đảm.

4. Ngân hàng có quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành đấu giá tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

5. Các cách thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tiền bán tài sản bảo đảm

1. Toàn bộ tiền đặt cọc của người mua và tiền bán tài sản theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng phải gửi vào tài khoản tiền gửi phong tỏa mở tại Ngân hàng để xử lý theo Khoản 2 Điều này.

2. Tiền bán tài sản bảo đảm dùng để thanh toán các chi phí xử lý tài sản bảo đảm, trả nợ gốc, lãi vay và phí cho Ngân hàng nếu còn thừa thì Ngân hàng sẽ chuyển trả cho Bên bảo đảm, nếu thiếu thì Bên bảo đảm vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán đối với nghĩa vụ còn chưa được thanh toán.

Điều 8. Xử lý vi phạm

Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng này, nếu một bên phát hiện bên kia vi phạm Hợp đồng, thì thông báo cho bên kia biết và yêu cầu khắc phục các vi phạm đó. Hết thời hạn ghi trong thông báo mà bên kia không khắc phục được thì bên yêu cầu được quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của mình liên quan đến Hợp đồng này.

Điều 9. Thay đổi về bảo đảm

1. Bên bảo đảm có thể thay đổi tài sản bảo đảm tại Điều 2 bằng tài sản bảo đảm hoặc hình thức bảo đảm khác (bảo lãnh của bên thứ 3...) nếu việc thay đổi đó vẫn đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả nợ Ngân hàng. Trong trường hợp này, có thể ký Hợp đồng mới hoặc Hợp đồng bổ sung.

2. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký; những sửa đổi bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Hợp đồng.

Điều 10. Điều khoản chung

1. Thông báo: Mọi thư từ, thông báo giữa hai bên được gửi theo địa chỉ ghi tại Hợp đồng này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bằng văn bản) và được lập thành văn bản, và có chữ ký của người có thẩm quyền, nếu được chuyển bằng bưu điện thì ngày gửi đi được coi là ngày theo dấu xác nhận của bưu điện cơ sở nơi chuyển. Bên nhận coi như đã nhận được nếu thư được chuyển đến địa chỉ nơi nhận trong thời gian từ 7h30 đến 16h30 trong những ngày làm việc; nếu chuyển trực tiếp thì việc nhận coi như được thực hiện khi ký nhận với bộ phận hành chính văn thư của bên nhận.

2. Xử lý vi phạm Hợp đồng: Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng này, nếu một bên phát hiện bên kia vi phạm Hợp đồng, thì thông báo bằng văn bản cho bên kia biết và yêu cầu khắc phục các vi phạm đó. Hết thời hạn ghi trong thông báo mà bên kia không khắc phục được thì bên yêu cầu được quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của mình theo Hợp đồng này.

3. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng: Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản (Biên bản bổ sung, sửa đổi Hợp đồng) do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký; những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Hợp đồng.

4. Giải quyết tranh chấp: Mọi bất đồng phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa hai bên. Trường hợp không tự thương lượng được thì một trong hai bên thông báo bằng văn bản cho bên kia làm căn cứ để xác định Hợp đồng đã phát sinh tranh chấp (một phần hoặc toàn bộ) để các bên đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và kết thúc khi Bên bảo đảm đã hoàn thành nghĩa vụ theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh, hoặc đã có biện pháp bảo đảm thay thế theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Hợp đồng này, hoặc tài sản bảo đảm đã được xử lý.

2. Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.

3. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc thế chấp, cầm cố tài sản một hoặc một số tài sản bảo đảm nêu tại Điều 2 trong Hợp đồng này hoặc một số quy định trong Hợp đồng này vô hiệu thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với những tài sản điều khoản còn lại. Bên bảo đảm phải có biện pháp bảo đảm khác thay thế.

4. Hợp đồng này được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau: Ngân

hàng giữ 02 bản. Bên bảo đảm giữ 01 bản, gửi Phòng công chứng 01 bản (nếu có), gửi cơ quan đăng ký bảo đảm 01 bản (nếu có).

Đại diện Bên bảo đảm

(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)

Đại diện Ngân hàng

(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN VÀ CAM KẾT CỦA ĐỒNG SỞ HỮU CHỦ

Chúng tôi những người ký tên dưới đây gồm:

Họ, tên: CMND số: Địa chỉ:

Quan hệ với người đại diện:

Họ, tên: CMND số: Địa chỉ:

Quan hệ với người đại diện:

Họ, tên: CMND số: Địa chỉ:

Quan hệ với người đại diện:

Họ, tên: CMND số: Địa chỉ:

Quan hệ với người đại diện:

Là đồng sở hữu chủ của tài sản bảo đảm được liệt kê tại Điều 2 của Hợp đồng này, nay, chúng tôi đồng ý cho..... dùng toàn bộ tài sản nói trên, trong đó có phần thuộc sở hữu của chúng tôi, thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng..... để đảm bảo nghĩa vụ của bên bảo đảm theo Hợp đồng này. Việc làm của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện và chúng tôi cam kết thực hiện các điều khoản quy định trong Hợp đồng này.

(Họ, tên, ký)

(Họ, tên, ký)

(Họ, tên, ký)

(Họ, tên, ký)

20. MẪU HỢP ĐỒNG CHO VAY TIỀN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY TIỀN

Số:...../ HĐMB

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Tại (địa điểm):

(Nếu là ngân hàng và hợp tác xã tín dụng có thêm yếu tố xét đơn xin vay tiền của đương sự).

Chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên cho vay):

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Đại diện là:

Bên B (Bên vay):

- Ông (bà):

- Địa chỉ thường trú:

- Số CMND: Cấp ngày:

- Tại:

- Điện thoại:

- Sau khi thỏa thuận cùng ký Hợp đồng vay tiền với các điều khoản sau:

Điều 1: Về số lượng tiền vay

Bên A đồng ý cho Bên B vay số tiền:

- Bảng số:

- Bảng chữ:

Điều 2: Thời hạn và phương thức vay

1. Thời hạn vay là tháng

- Kể từ ngày tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

2. Phương thức vay (có thể chọn các phương thức sau):

- Chuyển khoản qua tài khoản: mở tại Ngân hàng:

- Cho vay bằng tiền mặt: chuyển giao thành đợt.

+ Đợt 1:

+ Đợt 2:

Điều 3: Lãi suất

1. Bên B đồng ý vay số tiền trên với lãi suất..... % một tháng tính từ ngày nhận vay.

2. Tiền lãi được trả hàng tháng đúng vào ngày thứ 30 tính từ ngày vay, lãi trả chậm bị phạt..... % tháng.

3. Trước khi Hợp đồng này đáo hạn..... ngày, nếu Bên B muốn tiếp tục gia hạn phải được sự thỏa thuận trước tại địa điểm ..

4. Trong thời hạn Hợp đồng có hiệu lực không thay đổi mức lãi suất cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

5. Khi nợ đáo hạn, Bên B không trả đủ vốn và lãi cho Bên A, tổng số vốn và lãi còn thiếu sẽ chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất theo nợ quá hạn là % một tháng.

6. Thời hạn thanh toán nợ quá hạn không quá ngày nếu không có sự thỏa thuận nào khác của hai bên.

Điều 4: Biện pháp bảo đảm Hợp đồng

1. Bên B bằng lòng thế chấp (hoặc cầm cố) tài sản thuộc sở hữu của mình là và giao toàn bộ bản chính giấy chủ quyền tài sản cho Bên A giữ (có thể nhờ người khác có tài sản đưa giấy tờ sở hữu đến bảo lãnh cho Bên B vay). Việc đưa tài sản ra bảo đảm đã

được hai bên lập biên bản đính kèm sau khi có xác nhận của phòng Công chứng Nhà nước tỉnh (thành phố).

2. Khi đáo hạn, Bên B đã thanh toán hoàn tất cả vốn và lãi cho Bên A thì bên này sẽ làm các thủ tục giải tỏa thế chấp (hoặc cầm cố, bảo lãnh) và trao lại bản chính giấy chủ quyền tài sản đã đưa ra bảo đảm cho Bên B.

3. Bên B thỏa thuận rằng nếu không trả đúng thời hạn đã cam kết trong Hợp đồng này sau..... ngày thì Bên A có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đưa ra bảo đảm để thu hồi khoản nợ quá hạn từ Bên B.

Điều 5: Trách nhiệm chi trả những phí tổn có liên quan đến Hợp đồng:

Những chi phí có liên quan đến việc vay nợ như: tiền lưu kho, tài sản bảo đảm, phí bảo hiểm, lệ phí tố tụng, v.v... Bên B có trách nhiệm thanh toán.

Điều 6: Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng này, nếu những nội dung khác đã quy định trong pháp luật Nhà nước không ghi trong Hợp đồng này, hai bên cần tôn trọng chấp hành.

2. Nếu có tranh chấp xảy ra hai bên sẽ bàn bạc, giải quyết bằng thương lượng. Nếu tự giải quyết không thỏa mãn, hai bên sẽ chuyển vụ án tới Tòa án..... nơi bên vay cư trú.

3. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày đến ngày..... tháng..... năm..... và được lập thành bản. Mỗi bên giữ..... bản, giao cho cơ quan..... bản (nếu cần).

Đại diện bên A

Chức vụ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên B

Chức vụ

(Ký, ghi rõ họ tên)

21. MẪU HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN

Mẫu 1

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM

Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt

GIẤY CHỨNG NHẬN

Trên cơ sở người được bảo hiểm đã nộp phí bảo hiểm thỏa thuận và căn cứ vào quy tắc bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt), Đơn bảo hiểm tiêu chuẩn: cháy và rủi ro đặc biệt, Bảo Việt chấp nhận bảo hiểm như sau:

- Tên và địa chỉ người được bảo hiểm:
- Ngành sản xuất kinh doanh:
- Những rủi ro được bảo hiểm:
- Tài sản được bảo hiểm:

(Có danh mục kèm theo)

- Tổng giá trị tài sản theo danh mục:
- Số tiền được bảo hiểm:
- Chi phí dọn dẹp hiện trường:
- Mức miễn bồi thường:/ mỗi vụ tổn thất.
- Thời hạn bảo hiểm từ: đến:
- Phí bảo hiểm kỳ I:
- Phí bảo hiểm cả năm:
- Cấp tại:
- Ngày:

Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM XE GẮN MÁY

<p>Lái xe cần lưu ý 294182</p> <p>1. Khi sử dụng xe, lái xe cần mang theo giấy này để trình cơ quan có chức năng yêu cầu kiểm tra.</p> <p>2. Khi tai nạn xảy ra, lái xe cần:</p> <ul style="list-style-type: none">- Áp dụng mọi biện pháp để cứu chữa người và tài sản.- Báo ngay cho công an hoặc BAOVIET nơi gần nhất để phối hợp giải quyết tai nạn. <p>3. Cần tiếp tục bảo hiểm trước khi hết hiệu lực 15 ngày.</p>	<p>TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM BẢO VIỆT</p> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM MÔ TÔ XE MÁY</p> <p>Tên chủ xe:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Số đăng ký:</p> <p>Loại xe và hiệu xe:</p>
<p>Số: XM</p> <p>I. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe</p> <p>Mức trách nhiệm bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người:- Tài sản:- Phí bảo hiểm: <p>II. Bảo hiểm tai nạn con người theo chỗ ngồi trên xe</p> <ul style="list-style-type: none">- Số chỗ ngồi:- Số tiền bảo hiểm:- Phí bảo hiểm: <p>III. Thời hạn bảo hiểm</p> <p>Từ giờ... phút... ngày... tháng... năm...</p> <p>Đến giờ... phút.. ngày.. tháng... năm...</p>	<p>Giờ..... phút..... ngày..... tháng..... năm.....</p> <p>BẢO VIỆT</p> <p>Những thay đổi bổ sung trong thời gian bảo hiểm phần ghi chép của BẢO VIỆT</p> <p>SM SK</p>

Điều 6. Các nội dung liên quan đến việc đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo thực hiện chuyển giao công nghệ bao gồm:

a) Có thể quy định cụ thể trong Hợp đồng hoặc quy định trong phụ lục Hợp đồng về nội dung chương trình, hình thức, lĩnh vực, số lượng học viên, chuyển giao bên giao và bên nhận, địa điểm, thời hạn;

b) Trách nhiệm của các bên trong việc tổ chức đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật;

c) Trình độ, chất lượng, kết quả đạt được sau khi đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật;

d) Chi phí cho đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật.

Điều 7. Giá cả và thanh toán:

Trong Hợp đồng cần quy định cụ thể giá của công nghệ được chuyển giao cũng như đồng tiền thanh toán. Giá của công nghệ được chuyển giao có thể được xác định như sau:

1. Giá máy móc, thiết bị được xác định thông qua đấu thầu mua sắm thiết bị hoặc qua giám định chất lượng và giá cả.

2. Tùy thuộc vào tính tiên tiến của công nghệ, nội dung công nghệ, tính độc quyền của công nghệ, chất lượng sản phẩm, tỷ lệ sản phẩm được xuất khẩu, hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, xã hội, các bên tham gia Hợp đồng thỏa thuận giá thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ.

3. Đối với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước, giá thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ, bao gồm các đối tượng được nêu tại Điều 4 Nghị định số 45/1998/NĐ-CP quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ, trong đó không kể giá trị máy móc, thiết bị kèm theo, phải theo một trong các giới hạn sau:

a) Từ 0 đến 5% giá bán tịnh sản phẩm trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, hoặc

b) Từ 0 đến 25% lợi nhuận sau thuế, thu được từ việc tiêu thụ sản phẩm được sản xuất hoặc dịch vụ có áp dụng công nghệ được chuyển giao trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng;

c) Từ 0 đến 8% tổng vốn đầu tư trong trường hợp góp vốn bằng giá trị công nghệ.

Đối với dự án hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài, giá trị góp vốn bằng công nghệ không quá 20% vốn pháp định.

4. Đối với việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước, giá thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ không kể giá trị máy móc, thiết bị kèm theo, có thể đến 8% giá bán tịnh hoặc đến 30% lợi nhuận sau thuế, hoặc trong trường hợp góp vốn bằng giá trị công nghệ đến 10% tổng số vốn đầu tư với công nghệ hội đủ các yêu cầu sau:

a) Công nghệ được chuyển giao thuộc lĩnh vực công nghệ cao (theo danh mục của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường công bố trong từng thời kỳ);

b) Công nghệ được chuyển giao có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội vùng sâu, vùng xa và miền núi, hải đảo;

c) Phần lớn sản phẩm được xuất khẩu (hoặc phí trả cho công nghệ được ở mức cao đối với sản phẩm được xuất khẩu).

Các chi phí cho việc ăn, ở, đi lại, lương cho học viên được đào tạo ở nước ngoài có thể không bao gồm trong giới hạn phần trăm nói tại khoản 8 của Điều 23, Nghị định số 45/1998/NĐ-CP quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ.

Đối với những công nghệ đặc biệt, có mức phê duyệt thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ cao hơn các bên trình Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ.

5. Giá công nghệ chuyển giao từ Việt Nam ra nước ngoài do các bên thỏa thuận theo luật pháp của nước bên nhận và được cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về các mức thanh toán.

Phương thức thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận theo các phương thức sau đây:

a) Đưa toàn bộ giá trị công nghệ được chuyển giao vào vốn góp trong các dự án đầu tư.

b) Trả kỳ vụ theo tỷ lệ phần trăm lợi nhuận sau thuế hoặc phần trăm bán tịnh.

c) Trả gọn làm một hoặc nhiều lần bằng tiền hoặc bằng hàng hóa phù hợp với tiến độ chuyển giao công nghệ và quy định của pháp luật Việt Nam về việc thanh toán bằng hàng hóa. Giá trị trả gọn được xác định căn cứ vào Điều 23 Nghị định số 45/1998-NĐ-CP quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ.

d) Các bên có thể kết hợp các phương thức thanh toán, trong các trường hợp sau đây:

Trường hợp công nghệ được chuyển giao gồm nhiều nội dung khác nhau trong Hợp đồng, phải ghi rõ phần thanh toán cho mỗi nội dung chuyển giao, giá thanh toán cho việc chuyển giao quyền sở hữu công nghệ;

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, khi một nội dung hoặc một số nội dung Hợp đồng không được thực hiện thì bên nhận có quyền yêu cầu điều chỉnh việc thanh toán.

Điều 8. Cam kết của các bên về bảo đảm thực hiện Hợp đồng

Trong điều khoản này phải thực hiện được các ý sau đây:

a) Bên giao cam kết thực hiện đúng theo các thông tin kỹ thuật của bên giao cung cấp;

b) Bên nhận cam kết thực hiện đúng theo các thông tin kỹ thuật của bên giao cung cấp;

c) Trên cơ sở bên nhận thực hiện đúng chỉ dẫn của bên giao, bên giao có nghĩa vụ bảo đảm thực hiện chuyển giao công nghệ để đạt được những kết quả sau:

- Đạt được mục tiêu đã đề ra được sản phẩm hàng hóa và dịch vụ đạt được các chỉ tiêu chất lượng đã được định rõ trong Hợp đồng;

Công nghệ đạt được các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, các chỉ tiêu hao mòn nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư đã định rõ trong Hợp đồng Công nghệ bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường, về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

d) Những cam kết của các bên nhằm bảo đảm không xảy ra sai sót trong chuyển giao công nghệ và sử dụng kết quả sau khi hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng;

Điều 9. Bảo hành và thời hạn bảo hành:

- Bên giao có trách nhiệm bảo hành các nội dung công nghệ được chuyển giao, kể cả đối với máy móc, thiết bị (nếu máy móc, thiết bị do bên giao cung cấp) trong thời hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng;

Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác thì thời hạn bảo hành là thời hạn Hợp đồng có hiệu lực;

- Trong thời hạn bảo hành nếu bên nhận thực hiện đúng các chỉ dẫn của bên giao mà sản phẩm hàng hóa, dịch vụ hoặc công nghệ không đạt được khắc phục bằng chi phí của bên giao.

Điều 10. Nghĩa vụ hợp tác và trao đổi thông tin của các bên.

Điều 11. Bổ sung sửa đổi, hủy bỏ hoặc chấm dứt Hợp đồng.

Các bên có thể quy định điều kiện sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc chấm dứt Hợp đồng, dựa trên cơ sở quy định của pháp luật.

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ có thể được bổ sung, sửa đổi hoặc hủy bỏ từng phần khi được các bên thỏa thuận nhất trí.

Đối với Hợp đồng phải được phê duyệt theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 45/1998/NĐ-CP quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ, việc bổ sung, sửa đổi, thay thế hủy bỏ từng phần của Hợp đồng chuyển giao công nghệ chỉ có hiệu lực khi đã được cơ quan phê duyệt Hợp đồng chấp thuận bằng một quyết định phê duyệt bổ sung.

2. Hợp đồng chuyển giao công nghệ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Hợp đồng hết thời hạn theo quy định trong Hợp đồng;
- b) Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên;
- c) Xảy ra những trường hợp bất khả kháng và các bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng;

d) Hợp đồng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý chuyển giao công nghệ hủy bỏ, đình chỉ do vi phạm pháp luật;

e) Hủy bỏ Hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên nếu không gây thiệt hại đến lợi ích Nhà nước và xã hội; các bên phải chịu trách nhiệm về thiệt hại xảy ra đối với bên thứ ba liên quan do việc hủy bỏ Hợp đồng.

Đối với Hợp đồng phải được phê duyệt thì khi hủy bỏ các bên phải có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đã phê duyệt Hợp đồng;

g) Khi một bên thừa nhận vi phạm Hợp đồng hoặc có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Hợp đồng thì bên bị vi phạm có quyền đơn phương đình chỉ việc thực hiện Hợp đồng đó.

Điều 12. Thời hạn của Hợp đồng.

Thời hạn Hợp đồng do các bên thỏa thuận theo yêu cầu và nội dung công nghệ được chuyển giao, nhưng thời hạn tối đa không quá 7 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể cho phép thời hạn Hợp đồng dài hơn 7 năm nhưng không quá 10 năm. Các bên có thể quy định những điều kiện liên quan đến các bên trong việc sửa đổi thời hạn hiệu lực hoặc kết thúc Hợp đồng.

Điều 13. Phạm vi và mức độ bảo đảm bí mật đối với công nghệ được chuyển giao.

Bên chuyển giao phải cam kết các bí mật đối với công nghệ được chuyển giao chưa được tiết lộ, và cam kết không tiết lộ các bí mật về công nghệ chuyển giao cho bên thứ ba.

Điều 14. Trách nhiệm của mỗi bên trong việc thực hiện Hợp đồng.

Bên nhận và Bên giao công nghệ có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên quy định trong Hợp đồng, nếu vi phạm các quy định về vi phạm đã xác định trong Hợp đồng.

Những trách nhiệm khác của mỗi bên do pháp luật quy định các bên phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp.

Các tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này được giải quyết bằng thương lượng, trên tinh thần hợp tác hạn chế tổn thất chung. Nếu

tranh chấp không giải quyết bằng thương lượng được thì đề nghị cơ quan..... giải quyết.

Điều 16.

Hợp đồng được lập thành 8 bản bằng tiếng Việt Nam (trong trường hợp có bên nước ngoài tham gia thì 4 bản được lập bằng thứ tiếng nước ngoài thông dụng. Thông thường việc chọn tiếng nước ngoài nào là do các bên thỏa thuận), các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có mâu thuẫn về cách hiểu khác nhau phát sinh từ sự khác nhau về ngôn ngữ thì dùng bản tiếng Việt Nam làm chuẩn. (Có thể thỏa thuận dùng bản tiếng nước ngoài làm chuẩn, nếu chúng ta có chuyên gia thành thạo về ngôn ngữ làm Hợp đồng). Mỗi bên giữ bốn bản (hai bản bằng tiếng Việt Nam, hai bản bằng tiếng.....) các bản có giá trị như nhau.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày hết hiệu lực của Hợp đồng. (Ngày có hiệu lực của Hợp đồng là ngày do các bên thỏa thuận; ngày Hợp đồng được phê duyệt; hoặc ngày Hợp đồng được đăng ký tại Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

Nếu trong Hợp đồng có phần nội dung về chuyển giao đối tượng sở hữu công nghệ thì cần ghi rõ phần đó có hiệu lực kể từ ngày được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về sở hữu công nghệ.

Tùy thuộc vào đối tượng chuyển giao công nghệ các bên có thể thỏa thuận đưa vào Hợp đồng những điều khoản nếu nó không trái với quy định của Nhà nước và pháp luật Việt Nam.

Dại diện bên giao

(Ký tên, đóng dấu)

Dại diện bên nhận

(Ký tên, đóng dấu)

16. MẪU HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Hợp đồng số:...../ HDHTKD

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước và Căn cứ Nghị định số 17-HĐBT ngày 16-01-1990 của Hội đồng Bộ trưởng;

- Căn cứ quyết định số 38-HĐBT ngày 10-4-1989 của Hội đồng Bộ trưởng về liên kết kinh tế trong sản xuất, lưu thông, dịch vụ.

Hôm nay ngày..... tháng..... năm..... tại.....
(địa điểm ký kết)

Chúng tôi gồm có:

Bên A:

- Tên cơ quan (Doanh nghiệp):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là ông (bà):..... Chức vụ:

Giấy ủy quyền số: (nếu có)

Viết ngày... tháng..... năm..... Do chức vụ ký

Bên B:

- Tên cơ quan (Doanh nghiệp):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là ông (bà):..... Chức vụ:
Giấy ủy quyền số: (nếu có)
Viết ngày... tháng... năm... Do..... chức vụ ký

Bên C:

- Tên cơ quan (Doanh nghiệp):.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là ông (bà):..... Chức vụ:
Giấy ủy quyền số: (nếu có)
Viết ngày... tháng... năm ... Do..... chức vụ ký

Bên D:

- Tên cơ quan (Doanh nghiệp):.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Telex: Fax:
- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:
- Đại diện là ông (bà):..... Chức vụ:
Giấy ủy quyền số: (nếu có)
Viết ngày... tháng... năm... Do..... chức vụ ký

Các bên thống nhất thỏa thuận nội dung Hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung các hoạt động kinh doanh

(Có thể hợp tác trong sản xuất hàng hóa, xây dựng một công trình thu mua chế biến một hoặc một số loại sản phẩm, tiến hành một hoạt động dịch vụ v.v...)

Điều 2: Danh mục, số lượng, chất lượng thiết bị vật tư chủ yếu cần cho hoạt động kinh doanh và nguồn cung cấp thiết bị vật tư.

(Có thể lập bảng chi tiết theo các mục trên)

Điều 3: Quy cách, số lượng, chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ

1. Quy cách sản phẩm

- Hình dáng kích thước
- Màu sắc
- Bao bì
- Ký mã hiệu
-
-

2. Số lượng sản phẩm

- Số lượng sản phẩm trong năm sẽ sản xuất là
- Trong các quý
- Trong từng tháng của quý

3. Chất lượng sản phẩm

Sản phẩm phải đạt tiêu chuẩn chất lượng như sau.....

(Dựa vào tiêu chuẩn, theo mẫu, theo hàm lượng chất chủ yếu, theo tài liệu kỹ thuật v.v...)

4. Thị trường tiêu thụ

a) Các thị trường phải cung ứng theo chỉ tiêu pháp lệnh:

- Địa chỉ Dự kiến số lượng
-

b) Các thị trường khác đã có đơn đặt hàng

- Địa chỉ Dự kiến số lượng

c. Các thị trường khác có thể bán lẻ.

- Địa chỉ Dự kiến số lượng

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên hợp doanh

1. Bên A:

a) Có các nghĩa vụ sau: (Theo trách nhiệm đã phân công)

b) Các quyền lợi:

2. Bên B: (Ghi rõ quyền và nghĩa vụ thỏa thuận)

3. Bên C:

.....

Điều 5: Phương thức xác định kết quả kinh doanh và phân chia kết quả kinh doanh.

1. Phương thức xác định kết quả kinh doanh

a) Dựa vào lợi nhuận do bán sản phẩm (hoặc các công trình hoàn thành được bên chủ đầu tư thanh toán)

b) Dựa vào các nguồn thu nhập khác (nếu có)

(Thu nhập này có thể là lãi, có thể là lỗ)

2. Phương thức phân chia kết quả kinh doanh

a) Các bên được chia lợi nhuận hoặc lỗ và rủi ro theo tỷ lệ tương ứng với phần trách nhiệm trong hợp doanh.

b) Tỷ lệ phân chia cụ thể được thỏa thuận trên cơ sở phần công việc được giao như sau:

- Bên A là % kết quả

- Bên B là %

- Bên C là %

Điều 6: Trách nhiệm của các bên do vi phạm Hợp đồng

1. Bên nào đã ký Hợp đồng mà không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ Hợp đồng không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt % tổng trị giá vốn mà bên đó có trách nhiệm đóng (có thể xác định một khoản tiền cụ thể)

2. Ngoài tiền phạt vi phạm Hợp đồng, bên vi phạm còn phải bồi thường những mất mát hư hỏng tài sản, phải trả những chi phí để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại do vi phạm Hợp đồng gây ra, các khoản tiền phạt do vi phạm Hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại mà các bên bị vi phạm đã phải trả cho bên thứ ba (ngoài hợp doanh) là hậu quả trực tiếp của vi phạm này gây ra.

3. Các bên vi phạm nghĩa vụ trách nhiệm đã quy định trong Điều 4 sẽ bị buộc phải thực hiện đầy đủ những quy định đó, nếu cố tình không thực hiện sẽ bị khấu trừ vào lợi nhuận, nếu nghiêm trọng có thể bị khấu trừ cả vào vốn góp (Tùy theo tính chất mức độ vi phạm cụ thể vào biên bản).

Điều 7: Thủ tục giải quyết các tranh chấp giữa các bên phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng.

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi (có lập biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

2. Trường hợp có nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì hai bên thống nhất sẽ khiếu nại tới Tòa án.... là cơ quan có đủ thẩm quyền giải quyết.

3. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Điều 8: Trường hợp cần sửa đổi hoặc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

1. Trường hợp cần sửa đổi Hợp đồng.

- Khi quyền lợi của một bên nào đó bị thiệt thòi do phân chia lợi nhuận không chính xác và công bằng, cần xác định lại phương thức phân chia kết quả.

- Phân công nghĩa vụ trách nhiệm chưa sát hợp với khả năng thực tế của một trong các bên.

- Khi cần thay đổi quy cách, chất lượng cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng, hoặc thay đổi mẫu mã hàng hóa, thay đổi mặt hàng kinh doanh, v.v...

- Khi cần thay đổi số lượng vốn góp của một trong các bên.

2. Trường hợp cần chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

- Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ các hoạt động ghi trong Hợp đồng này (do hoạt động trong Hợp đồng vi phạm pháp luật).

- Khi gặp rủi ro (cháy, nổ, lụt...) làm cho một hoặc nhiều bên mất khả năng hoạt động.

- Khi làm ăn thua lỗ trong..... tháng liên tiếp dẫn tới vỡ nợ hoặc mất khả năng thanh toán.

3. Các bên phải tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng trước thời hạn, xác định trách nhiệm tiếp theo của các bên sau khi chấm dứt Hợp đồng vào biên bản và phải thực hiện triệt để phần trách nhiệm của mình.

Điều 9: Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Điều 10: Thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày Đến ngày.....

Các bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý Hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên..... có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian, địa điểm họp.

Hợp đồng này được làm thành..... bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản. Gửi cơ quan..... bản.

Đại diện bên A

Chức vụ

Ký tên (Đóng dấu)

Đại diện bên B

Chức vụ

Ký tên (Đóng dấu)

Đại diện bên C

Chức vụ

Ký tên (Đóng dấu)

17. MẪU HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH

Hợp đồng số:...../ HĐLD

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25-9-1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 17-HĐBT ngày 16-01-1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thực hiện pháp lệnh HĐKT.

- Căn cứ..... (các văn bản của các ngành và địa phương);

- Căn cứ vào biên bản cuộc họp thỏa thuận giữa các bên liên doanh ngày.....

Hôm nay ngày.... tháng..... năm..... tại.....
(địa điểm ký kết)

Tại:

Chúng tôi gồm có:

Bên A: (Công ty)

- Tên cơ quan:.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Đại diện là Ông (bà):..... Chức vụ:

Giấy ủy quyền số: (nếu có)

Viết ngày.... tháng..... năm..... Do..... chức vụ ký

Bên B: (tương tự bên A)

Bên C: (tương tự bên A)

Bên D: (tương tự bên A)

...

Các bên thống nhất lập Hợp đồng liên doanh với nội dung như sau:

Điều 1: Thành lập xí nghiệp liên doanh

1. Tên xí nghiệp liên doanh: (Xí nghiệp
công ty..... Tổng công ty)

2. Địa chỉ dự kiến đóng tại.....

3. Các hoạt động kinh doanh của xí nghiệp:

Điều 2: Tổng vốn đầu tư và vốn pháp định của xí nghiệp liên
doanh

1. Tổng vốn đầu tư cho XNLD dự kiến khoảng

Bao gồm các nguồn:

2. Vốn pháp định là:

3. Tỷ lệ góp vốn của các bên vào vốn pháp định:

- Bên A là bằng các hình thức như
sau:

- Bên B là bằng các hình thức như
sau: v.v...

4. Kế hoạch và tiến độ góp vốn.

Quý I năm sẽ góp là

Trong đó:

+ Bên A góp:

+ Bên B góp:

+

- Quý II năm là

v.v...

5. Điều kiện và thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư.

a) Điều kiện: (nêu những hoàn cảnh phải chuyển vùng, phải tập
trung thực hiện chức năng mới v.v...; Có cơ quan sẵn sàng nhận
chuyển nhượng, chuyển nhượng trong nội bộ cần điều kiện gì? Bên
ngoài cần điều kiện gì? v.v...)

b) Thủ tục.

- (Sự nhất trí của các bên liên doanh, qui định tỉ lệ...)

- (Những thủ tục pháp lý và tài chính...)/

Điều 3: Danh mục, số lượng, chất lượng thiết bị, vật tư chủ yếu cần cho hoạt động kinh doanh và nguồn cung cấp.

Bảng chiết tính thiết bị, vật tư của XNLD

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Chất lượng	Nguồn cung cấp

Điều 4: Quy cách, số lượng, chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ

1. Quy cách: Quy định kích thước, màu sắc v.v...

2. Số lượng: Dự kiến sản xuất theo kế hoạch và nhu cầu thị trường theo tháng, quý, năm

3. Chất lượng: Theo tiêu chuẩn nào? Hàm lượng các chất chủ yếu? Theo mẫu đã sản xuất thứ v.v...

Lưu ý: Nếu là cơ sở dịch vụ ghi rõ số tiền dự kiến sẽ thu được trong tháng, quý, hoặc năm.

Điều 5: Thời hạn hoạt động của XNLD, những trường hợp cần kết thúc hoạt động và giải thể XNLD.

1. XNLD... đăng ký thời gian hoạt động là..... năm. Nếu có điều kiện thuận lợi xin kéo dài thêm..... năm.

2. XNLD... sẽ kết thúc trước thời hạn và giải thể XNLD trong những trường hợp sau đây:

- Gặp rủi ro (cháy, nổ, bão, lụt) hủy hoại từ 80% trở lên tổng tài sản của XNLD.

- Bị vỡ nợ, không còn khả năng thanh toán.

- Thua lỗ liên tiếp 2 năm liền.

- Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ hoạt động

Điều 6: Công tác tài chính và kế toán của xí nghiệp liên doanh

1. Các nguyên tắc tài chính cần áp dụng gồm:.....

2. Công tác kế toán.

- Thiết lập hệ thống kế toán nào.
- Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định: mỗi năm bao nhiêu %.
- Tỷ lệ trích lập các quỹ của xí nghiệp.
- + Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất: (có thể từ 30-35% lợi nhuận).

- + Quỹ khen thưởng: Trích từ nguồn nào, bao nhiêu %
- + Quỹ phúc lợi:

Hợp đồng quản trị (hay đại hội công nhân viên chức) quyết định các tỷ lệ trên?

- Cách thức bảo hiểm tài sản của XNLD.
- + Lập Hợp đồng bảo hiểm với chi nhánh Bảo Việt...
- + Các biện pháp khác:

3. Công tác kiểm tra kế toán.

- Chế độ kiểm tra sổ sách kế toán trong XNLD...
- Chế độ giám sát của kế toán trưởng.
- Chấp hành sự kiểm tra của cơ quan tài chính có thẩm quyền.
- Chấp hành sự kiểm tra của Ngân hàng về sử dụng vốn vay v.v...

Điều 7: Tổ chức và cơ chế quản lý xí nghiệp liên doanh.

1. Số lượng và thành phần Hội đồng quản trị

-
-

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và Chủ tịch, các Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

-
-

3. Cách thức bầu (hoặc chỉ định hay thuê) giám đốc và các phó giám đốc XNLD:

-
-

4. Nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ của giám đốc, các phó giám đốc

-

22. MẪU HỢP ĐỒNG THÀNH LẬP ĐẠI LÝ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THÀNH LẬP ĐẠI LÝ

Hợp đồng số:...../ HĐDL

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại (địa điểm):

Chúng tôi gồm có:

Bên A: (Bên giao đại lý):

- Tên Doanh nghiệp:

Quốc tịch:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Do Ông (bà):..... Chức vụ: làm đại diện

- Giấy ủy quyền số: do:..... ký ngày

Bên B: (Bên nhận đại lý)

- Tên Doanh nghiệp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Telex: Fax:

- Tài khoản số: Mở tại ngân hàng:

- Do Ông (bà):..... Chức vụ: làm đại diện

- Giấy ủy quyền số: do:..... ký ngày

Hai bên thống nhất lập Hợp đồng thành lập đại lý với các điều khoản sau:

Điều 1. Thiết lập đại lý

1. Bên A giao cho Bên B làm đại lý để bán (hoặc thu mua, vận chuyển) loại hàng:

2. Tại địa điểm:

3. Bên B có thể nhân danh Bên A trong giao dịch, có thể yêu cầu Bên A kê biển treo tại cửa hàng của mình.

Điều 2. Thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng

Bên B thực hiện chứng nhận đại lý cho Bên A bắt đầu từ ngày....tháng..... năm đến hết ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. Nhiệm vụ của bên đại lý

Bên B có thể thực hiện các hoạt động đại lý sau đây nhằm phát huy cao nhất hiệu quả doanh thương của mình.

1. Lập cửa hàng hoặc phòng trưng bày tại các cơ sở kinh doanh để bán sản phẩm do Bên A đưa tới, cam đoan không tự ý đưa hàng hóa vào bán khi chưa có sự chấp nhận của Bên A; bán hàng đúng giá quy định của Bên A, thu tiền ngay, chỉ bán chịu cho khách hàng khi được Bên A đồng ý trước.

2. Bên B quyết định số nhân sự làm việc trong cửa hàng và phòng trưng bày, quyết định giá cả thuê nhà cửa, địa điểm kinh doanh và mức công lao động tại các cơ sở của đại lý (nếu không có sự thỏa thuận khác).

3. Giới thiệu các địa điểm ký gửi đáng tin cậy để bán hàng hóa cho Bên A.

4. Lập trạm lắp ráp hoặc sửa chữa, bảo hành hàng hóa cho Bên A.

4. Lập trạm lắp ráp hoặc sửa chữa, bảo hành hàng hóa cho Bên A.

5. Thay mặt Bên A giải quyết các giao dịch khác khi được Bên A ủy quyền cụ thể.

6. Bên B phải thực hiện việc kiểm kê và báo cáo hàng tháng tình hình kinh doanh cho Bên A vào ngày..... trong từng tháng

thông qua phương tiện thông tin (như telex, fax, v.v...).

7. Khi có đơn đặt hàng cần cung ứng ngay thì kịp thời thông tin cho Bên A mà không cần chờ đúng thời điểm báo cáo tháng.

8. Thực hiện các hình thức quảng cáo hàng hóa trong từng hàng hóa và trên các phương tiện thông tin thích hợp tại khu vực bán hàng của Bên B.

Điều 4. Trách nhiệm của bên A

1. Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm thỏa thuận và thanh toán các chi phí vận chuyển hàng hóa.

2. Hỗ trợ tài chính để chi phí trong phạm vi chức năng đại lý mà Bên B đã đề xuất đúng số lượng và thời gian.

3. Cung cấp các phụ tùng, phụ liệu dự trữ cho các hoạt động sửa chữa, bảo hành hàng hóa cho khách hàng và thời hạn.

4. Thực hiện các hoạt động kiểm toán sổ sách kế toán của Bên B, thanh tra các hoạt động thương mại của đại lý và hàng tồn kho.

Điều 5: Phương thức thanh toán thù lao cho Bên B

1. Bán sản phẩm: Bên B được hưởng..... giá bán các sản phẩm và được thu ngay sau khi nhận tiền bán hàng.

2. Trả thù lao cho việc giới thiệu cho Bên A các nhà buôn lẻ hoặc cửa hàng ký gửi có tín nhiệm.

Mỗi mỗi hàng Bên B được nhận số tiền tương đương..... USD sau khi họ thanh toán đủ số tiền hàng cho Bên A.

3. Các khoản thù lao khác.

Điều 6. Gia hạn Hợp đồng

Hợp đồng này có thể được gia hạn theo sự đề xuất của Bên A trước khi hết hạn là ngày thông qua Telex (Fax).

Điều 7. Trường hợp có thể chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

1. Bên B không đủ khả năng thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng trong..... tháng liên tục.

2. Bên B bị khiếu nại yêu cầu tuyên bố phá sản; cửa hàng, tài sản, hàng hóa bị tòa án kê biên.

3. Khi một bên đề nghị chấm dứt Hợp đồng mà không cần nêu lý do hoặc lỗi của bên kia.

Sau..... ngày tuyên bố chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải giao trả số hàng hóa, tài sản cho Bên A theo những cách thức mà Bên A đề nghị. Bên nào đề nghị chấm dứt Hợp đồng thì phải chịu chi phí giao trả hàng hóa, tài sản.

Điều 8. Cách thức lập phụ lục Hợp đồng

Những hoạt động cụ thể phục vụ cho Hợp đồng đại lý giữa hai bên như: Quảng cáo, bảo hành, sửa chữa, giao hàng, hoặc các hoạt động khác phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được lập thành phụ lục riêng nhưng được coi là một thành phần của bản Hợp đồng này.

Điều 9. Chuyển nhượng Hợp đồng

Hợp đồng này được thành lập và thực hiện giữa hai bên đã ký, không bên nào được chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ cho bên thứ ba khi không có sự đồng ý của bên kia. Bên B giao dịch với khách hàng để bán hàng có quyền và nghĩa vụ theo một Hợp đồng khác.

Điều 10. Luật chi phối Hợp đồng

Khi có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng, nếu không thành sẽ áp dụng luật pháp Việt Nam để giải quyết các tranh chấp tại..... (Tòa án, trọng tài thương mại do các bên chọn).

Hợp đồng này được lập thành..... bản bằng tiếng..... mỗi bên giữ..... bản có giá trị như nhau.

Đại diện bên A

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

(Ký, họ tên, đóng dấu)

23. MẪU HỢP ĐỒNG KÝ GỬI HÀNG HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KÝ GỬI HÀNG HÓA

Hợp đồng số:...../ HĐKG

Hợp đồng này được thành lập ngày..... tháng..... năm.....

Tại:

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao hàng: (tên doanh nghiệp hoặc chủ hàng).

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đại diện là Ông (bà): Số chứng minh thư nhân dân: cấp ngày:

2. Bên đại lý bán hàng: (tên cửa hàng, siêu thị).

Đại diện là Ông (bà): Số chứng minh thư nhân dân:

Cấp ngày:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hai bên thỏa thuận lập Hợp đồng ký gửi hàng hóa với các điều khoản như sau:

Điều 1. Đối tượng của Hợp đồng

1. Bên chủ hàng..... giao cho bên đại lý phát hành, phân phối, bán lẻ theo phương thức ký gửi các mặt hàng, giá cả, số lượng, tỉ lệ hoa hồng được chiết khấu theo bản mục sau đây:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Giá trị	Chiết khấu	Thành tiền	Ghi chú
	Cộng						

2. Cửa hàng bán hàng chủ yếu theo phương thức giao hàng thu tiền ngay, chỉ bán chịu cho khách hàng khi được bên chủ hàng đồng ý và ra các điều kiện hợp lý.

3. Cửa hàng có quyền trả lại những hàng xét thấy khó tiêu thụ bất cứ lúc nào, có quyền từ chối nhận ký gửi những mặt hàng chậm luân chuyển.

Điều 2. Quy cách giao nhận hàng

1. Chủ hàng phải chịu mọi thủ tục và chi phí giao hàng, phải thông báo trước cho cửa hàng địa điểm giao nhận hàng (nếu không thể đưa trực tiếp đến cửa hàng được).

2. Sau khi nhận hàng, cửa hàng phải chịu trách nhiệm về sự hư hỏng, mất mát, mặc dù quyền sở hữu hàng hóa tại cửa hàng vẫn thuộc về bên giao hàng và có quyền rút hàng ký gửi về bất cứ lúc nào.

Điều 3. Phương thức thanh toán

Cửa hàng thực hiện việc kiểm hàng và thanh toán theo phương thức: (hoặc bán hết giao tiền sau khi đã trừ chiết khấu hoa hồng hoặc thanh toán vào ngày cố định trong tháng sau khi kiểm số hàng thực tế đã bán).

Điều 4. Treo bảng hiệu tên chủ hàng

1. Cửa hàng muốn xin treo bảng hiệu mang tên doanh nghiệp của chủ hàng phải được sự đồng ý của chủ hàng.

2. Bảng hiệu sẽ do chủ hàng thiết kế đúng quy cách được Nhà nước cho phép.

Điều 5. Bảo hành, sửa chữa hàng hóa

1. Cửa hàng có thể thay mặt chủ hàng (ở xa) trong chức năng, bảo hành, sửa chữa hàng hóa trong quá trình giao dịch với khách hàng, theo thời hạn do chủ hàng ấn định và phải thanh toán chi

phí sửa chữa, cung ứng phụ tùng và các hàng hóa cần thay thế.

2. Việc huấn luyện kỹ nghệ lắp ráp, bảo hành, sửa chữa là trách nhiệm của chủ hàng cho người của cửa hàng đại lý.

Điều 6. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng không cho phép của hàng chuyển nhượng cho bên thứ ba. Bên nào cần chấm dứt Hợp đồng vào thời điểm nào phải báo trước cho bên kia trong vòng ngày. Thời gian, địa điểm và chi phí chuyên chở việc trả hàng sẽ do bên nào chủ động chấm dứt Hợp đồng chịu.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

Khi phát sinh các tranh chấp trong Hợp đồng này, hai bên chủ động thương lượng giải quyết, chỉ kiện ra Tòa án khi nội dung tranh chấp có giá trị lớn mà hai bên không thể hòa giải được.

Hợp đồng này được làm thành..... bản, mỗi bên giữ..... bản có giá trị như nhau.

Đại diện chủ hàng

(Ký tên)

Đại diện cửa hàng

(Ký tên)

24. MẪU HỢP ĐỒNG GỬI GIỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GỬI HÀNG VÀO KHO BÃI

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại:

Chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên gửi tài sản):

- Tên chủ hàng:

- Giấy CMND số: Cấp ngày:..... Tại:

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại số:

Bên B (Bên giữ tài sản):

- Tên chủ kho bãi:

- Giấy CMND số: Cấp ngày: Tại:

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại số:

Sau khi đã bàn bạc hai bên thống nhất ký Hợp đồng với nội dung và điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng gửi giữ

- Tên tài sản, hàng hóa:

- Liệt kê số lượng, mô tả tình trạng tài sản đưa đi gửi giữ.

Điều 2: Giá cả và phương thức thanh toán

a) Giá cả: (Theo quy định của Nhà nước hoặc hai bên thỏa thuận).

Loại hàng thứ nhất:

Loại hàng thứ hai:

b) Phương thức thanh toán:.. (trả bằng tiền mặt, chuyển khoản, thời hạn trả.....).

Điều 3: Nghĩa vụ của Bên A

- Thông báo các đặc tính của tài sản gửi, nếu xét thấy cần thiết. Trả thù lao khi nhận lại tài sản.

- Trả phí tổn lưu kho, lưu bãi khi hết hạn Hợp đồng mà không kịp nhận lại tài sản đã gửi.

- Chịu phạt..... % chậm nhận lại tài sản gửi theo quy định của Hợp đồng.

Điều 4:

- Bảo quản chu đáo, cẩn thận tài sản gửi giữ, không được sử dụng tài sản gửi trong thời hạn bảo quản.

- Chịu trách nhiệm về sự hư hỏng, mất mát trừ trường hợp bất khả kháng (có ghi rõ các trường hợp cụ thể).

- Bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng tài sản gửi giữ.

Điều 5: Giải quyết tranh chấp

- Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tình hình thực hiện Hợp đồng nếu có gì bất lợi phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực giải quyết trên cơ sở thương lượng, bình đẳng, có lợi (lập biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

- Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ việc ra Tòa án giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải chấp hành.

Điều 6. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày..... đến ngày

Hợp đồng này được lập thành..... bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản để thực hiện.

Đại diện bên A

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đại diện bên B

(Ký, họ tên, đóng dấu)

25. MẪU HỢP ĐỒNG CHO MƯỢN TÀI SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO MƯỢN TÀI SẢN

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại:

Chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên cho mượn):

- Họ tên:

- Ngày..... tháng..... năm..... sinh:

- Địa chỉ thường trú:

- Số CMND: Cấp ngày: Tại: ..

Bên B (Bên đi mượn):

- Họ tên:

- Ngày..... tháng..... năm..... sinh:

- Địa chỉ thường trú:

- Số CMND: Cấp ngày: Tại: ..

Hai bên đã trao đổi, bàn bạc và đi đến thống nhất lập bản Hợp đồng cho mượn với nội dung và các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

- Bên A đồng ý cho Bên B mượn..... (nêu tên tài sản và số lượng).

- Tình trạng sử dụng hoặc tình trạng kỹ thuật: (mô tả đặc điểm tài sản, tính năng sử dụng.....).

Điều 2: Thời hạn của Hợp đồng

- Bên A đồng ý cho Bên B mượn tài sản với tình trạng như trên,

trong thời hạn là..... bắt đầu từ ngày..... tháng..... năm.....
đến ngày..... tháng..... năm.....

- Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên A có quyền lấy lại tài sản sau khi đã thông báo cho Bên B biết trước..... ngày hoặc khi xảy ra tình trạng vi phạm Hợp đồng như:

.....
.....
.....

Bên B có thể hoàn trả lại tài sản bất cứ lúc nào khi không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không đạt yêu cầu của mình.

Điều 3: Nghĩa vụ của các bên trong Hợp đồng

1. Nghĩa vụ của Bên A:

- Nêu rõ tình trạng tài sản và các khuyết tật của tài sản.
- Lưu ý cho Bên B những yêu cầu khi sử dụng tài sản (điều khiển xe phải có bằng lái chẳng hạn), những khả năng nguy hiểm có thể xảy ra (chẳng hạn khi sử dụng có thể gây cháy, nổ đối với bình ôxy...).
- Nêu rõ các yêu cầu bảo quản, tu bổ, sửa chữa trong quá trình sử dụng.....

2. Nghĩa vụ của Bên B:

- Có trách nhiệm bảo quản, sử dụng đúng mục đích của tài sản, chịu mọi trách nhiệm về mất mát, hư hỏng xảy ra (nếu có), không tự ý làm thay đổi trạng thái ban đầu của tài sản trong suốt thời gian mình mượn.
- Có trách nhiệm bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các phụ tùng, phụ kiện và chịu mọi chi phí khác để đảm bảo giá trị sử dụng bình thường của tài sản trong thời gian mượn.
- Không được cho người khác mượn lại, nếu không có sự đồng ý của Bên A.
- Giao trả nguyên trạng thái đang sử dụng đúng thời hạn Hợp đồng với đầy đủ phụ kiện của nó, nếu hỏng phải sửa chữa, mất mát phải bồi thường.

Điều 4: Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

- Bên A không được từ chối các nghĩa vụ đã cam kết khi cho mượn tài sản ghi trong Hợp đồng.

- Bên B vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với Bên A.... (tùy theo tình trạng tài sản để nêu các trường hợp và cách xử lý cho từng trường hợp đó).

Điều 5: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày..... tháng năm đến ngày..... tháng..... năm.....

Hợp đồng này được lập thành..... bản, mỗi bên giữ..... bản để theo dõi thực hiện, gửi cơ quan hoặc người làm chứng giữ..... bản (nếu cần).

Đại diện bên A

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên B

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI (HOẶC CƠ QUAN) LÀM CHỨNG

1.
2.
3.

26. MẪU HỢP ĐỒNG CHUYỂN ĐỔI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 1883/2001/TT-TTĐC
ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Tổng cục địa chính)

Hợp đồng số: **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... **CD** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN ĐỔI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

I. PHẦN GHI CỦA CÁC BÊN CHUYỂN ĐỔI

- Ông (bà) :
Tuổi
- Nghề nghiệp:
- Hộ khẩu thường trú:
- Diện tích đất chuyển đổi: m²
- Loại đất:
- Thửa số:
- Tờ bản đồ số:
- Thời hạn sử dụng đất còn lại:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: do cấp
ngày..... tháng..... năm.....
- Ông (Bà):
Tuổi
- Nghề nghiệp:
- Hộ khẩu thường trú:
- Diện tích đất chuyển đổi: m²
- Loại đất:
- Thửa số:

- Tờ bản đồ số:
- Thời hạn sử dụng đất còn lại:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: do cấp ngày..... tháng..... năm.....

3. Hai bên nhất trí thực hiện các cam kết sau đây:

a) Hai bên nhất trí chuyển đổi các thửa đất đã mô tả tại điểm 1, điểm 2 phần I Hợp đồng này.

b) Chuyển đổi cho nhau theo đúng diện tích, đúng hiện trạng, đúng thời gian và đầy đủ hồ sơ có liên quan đến thửa đất.

c) Nộp đầy đủ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ ghi nợ trước đây (nếu có), lệ phí địa chính, thuế chuyển quyền sử dụng đất (nếu có).

d) Bên nào không thực hiện đầy đủ những nội dung đã ký kết trong bản Hợp đồng này do lỗi của mình thì bên đó phải bồi thường thiệt hại do lỗi gây ra theo quy định của pháp luật.

4. Quyền của người thứ 3 đối với thửa đất chuyển đổi (nếu có)

5. Thỏa thuận về tài sản gắn liền với thửa đất chuyển đổi (nếu có)

Hợp đồng này lập tại..... ngày..... tháng..... năm..... biên bản này lập thành bản và có giá trị như nhau, có hiệu lực kể từ ngày được UBND cấp có thẩm quyền dưới đây xác nhận.

Đại diện các bên chuyển đổi

(Ký và ghi rõ họ tên)

II. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Nội dung xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất chuyển đổi:

- Về giấy tờ sử dụng đất:
- Về hiện trạng thửa đất:
- Chủ sử dụng đất:
- Loại đất:
- Diện tích:

- Thuộc tờ bản đồ:
- Số thửa đất:
- Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp:
- Về điều kiện chuyển đổi: Thuộc trường hợp được chuyển đổi quyền sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của chính phủ.

....., Ngày tháng..... năm.....

TM. Ủy ban nhân dân...
(Ghi rõ họ tên và ký và đóng dấu)

2. Nội dung xác nhận của cơ quan Địa chính cấp huyện nơi có đất chuyển đổi:

- Về giấy tờ sử dụng đất:
- Về hiện trạng thửa đất:
- Chủ sử dụng đất:
- Loại đất:
- Diện tích:
- Thuộc tờ bản đồ số:
- Số thửa đất:

Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp:

- Về điều kiện chuyển đổi: Thuộc trường hợp được chuyển đổi quyền sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của chính phủ.

Ngày..... tháng..... năm.....

Cơ quan địa chính, cấp huyện

(Ghi rõ họ tên,
ký và đóng dấu)

Ngày..... tháng.... năm.....

TM. Ủy ban nhân dân

(Ghi rõ họ tên,
ký và đóng dấu)

Ghi chú:

Trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất tại nông thôn thì xác nhận vào mục 1.1
Trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất tại đô thị thì xác nhận vào mục 1.2

27. MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 1883/2001/TT-TCĐC
ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Tổng cục địa chính)

Hợp đồng số: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... CT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

I. PHẦN GHI CỦA CÁC BÊN

1. Bên cho thuê đất:

Ông (bà) : Tuổi:

- Nghề nghiệp:

- Hộ khẩu thường trú:

2. Bên thuê đất

Ông (bà) : Tuổi:

- Nghề nghiệp:

- Hộ khẩu thường trú:

Hoặc Ông (bà):

- Đại diện cho (đối với tổ chức)

- Địa chỉ:

- Số điện thoại: Fax: (nếu có).

Thửa đất cho thuê:

- Diện tích đất cho thuê: m²

- Loại đất: Hạng đất (nếu có)

- Thửa số:

- Tờ bản đồ số:

- Thời hạn sử dụng đất còn lại:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:.....do
- cấp ngày tháng..... năm.....

Tài sản gắn liền với đất (nếu có):

3. Hai bên nhất trí thực hiện các cam kết sau đây:

- Thời hạn cho thuê là kể từ ngày.... tháng.... năm.....
- 200... đến ngày..... tháng..... năm 200.....

- Số tiền thuê đất (bằng số) là: đ/m² (ha)/năm (tháng)
(Bằng chữ)

- Thời điểm thanh toán:

- Phương thức thanh toán:

- Bên cho thuê bàn giao đất cho bên thuê theo đúng thời gian, diện tích và hiện trạng đất đã ghi trong Hợp đồng này.

- Bên thuê trả tiền thuê đất cho bên cho thuê theo đúng thời điểm và phương thức thanh toán đã ghi trong Hợp đồng này.

- Sử dụng đúng mục đích, đúng ranh giới, không hủy hoại làm giảm giá trị của đất.

- Trả lại đất cho bên cho thuê khi hết hạn thuê, đúng diện tích, đúng hiện trạng đã ghi trong Hợp đồng này.

- Bên nào không thực hiện những nội dung đã cam kết ghi trong Hợp đồng thì bên đó phải bồi thường thiệt hại do vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật.

- Cam kết khác:

- Hợp đồng này lập tại..... ngày.... tháng..... năm.....
thành.... bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày được Ủy ban nhân dân..... dưới đây xác nhận

Bên cho thuê đất

(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

Bên thuê đất

(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

II. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất cho thuê:

- Về giấy tờ sử dụng đất:
- Về hiện trạng thửa đất:
- Chủ sử dụng đất:
- Loại đất:
- Diện tích:
- Thuộc tờ bản đồ:
- Số thửa đất:

Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp:

- Về điều kiện cho thuê đất: Thuộc trường hợp được cho thuê đất quy định tại khoản Điều 15 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ.

Ngày..... tháng..... năm 200....

TM. Ủy ban nhân dân

(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

**28. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN NHÀ Ở
(TOÀN BỘ NGÔI NHÀ)**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN NHÀ Ở

*(Toàn bộ ngôi nhà số: đường
phường quận.....)*

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại.....
chúng tôi ký tên dưới đây, những người tự nhận thấy có đủ năng
lực hành vi dân sự và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi
hành vi của mình, gồm:

Bên bán ⁽¹⁾:

Ông (Bà):

Sinh ngày: tháng..... năm

Chúng mình nhân dân số: do

Cấp ngày tháng..... năm

Cùng vợ (chồng) là Bà (ông):

Sinh ngày:..... tháng..... năm

Chúng mình nhân dân số: do

Cấp ngày..... tháng..... năm

Cả hai ông bà cùng thường trú tại số:

đường..... phường.....

quận..... thành phố ⁽²⁾

Bên mua ⁽¹⁾:

Ông (Bà):

Sinh ngày: tháng..... năm

Chứng minh nhân dân số: do

Cấp ngày tháng..... năm

Cùng vợ (chồng) là Bà (ông):

Sinh ngày:..... tháng..... năm

Chứng minh nhân dân số: do

Cấp ngày..... tháng..... năm

Cả hai ông bà cùng thường trú tại số:

đường:.....phường.....

quận..... thành phố⁽²⁾

Bằng Hợp đồng này, Bên bán bán cho Bên mua toàn bộ ngôi nhà với những thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Đối tượng của Hợp đồng

1. Đối tượng của Hợp đồng này là ngôi nhà số:

đường:

phường: quận: thành phố:⁽³⁾,

có thực trạng như sau:

a) Nhà ở:

- Tổng diện tích sử dụng: m²

- Diện tích xây dựng: m²

- Diện tích xây dựng của tầng trệt: m²

- Kết cấu nhà:

- Số tầng:

b) Đất ở:

- Thủ đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

- Hình thức sử dụng riêng: m²

c. Các thực trạng khác:⁽⁴⁾

(phần diện tích nằm ngoài chủ quyền; diện tích vi phạm quy hoạch, trong đó phần diện tích trong lộ giới)

2. Ông và Bà

là chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở nêu trên theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số:..... ngày..... tháng..... năm..... do cấp ⁽⁵⁾

Điều 2. Giá và phương thức thanh toán

1. Giá mua bán toàn bộ căn nhà nêu trên là:
(bằng chữ:).

2. Bên mua thanh toán một lần cho bên bán bằng đồng Việt Nam ⁽⁶⁾.

3. Bên mua giao và Bên bán nhận đủ số tiền mua bán căn nhà nêu trên. Việc giao và nhận số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 3. Giao nhận nhà và các giấy tờ về nhà

Bên bán giao và Bên mua nhận ngôi nhà đúng như thực trạng nêu trên vào ngày tháng..... năm.....; trong thời hạn chưa giao nhà, Bên bán có trách nhiệm bảo quản ngôi nhà đó.

Bên bán giao và Bên mua nhận bản chính "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" ⁽⁶⁾ vào ngày..... tháng..... năm

Điều 4. Việc nộp thuế và lệ phí

Thuế và lệ phí liên quan đến việc mua bán ngôi nhà gồm: thuế chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ và lệ phí công chứng do Bên mua chịu trách nhiệm nộp ⁽⁷⁾.

Điều 5. Đăng ký quyền sở hữu nhà

1. Bên mua có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký trước bạ sang tên đối với ngôi nhà nêu trên tại

Bên bán phải hỗ trợ, tạo điều kiện cho Bên mua hoàn thành thủ tục đăng ký trước bạ sang tên tại

2. Quyền sở hữu ngôi nhà nêu trên được chuyển cho Bên mua, kể từ thời điểm Bên mua thực hiện xong việc đăng ký trước bạ sang tên tại

Điều 6. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành, thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các thỏa thuận khác

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng này phải lập thành văn bản trước khi đăng ký quyền sở hữu và phải được công chứng hoặc chứng thực mới có giá trị để thực hiện. ⁽⁸⁾

Điều 8. Cam kết của các bên

Bên bán và Bên mua chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

1. Bên bán cam kết:

- a) Ngôi nhà nêu trên:
 - Thuộc quyền sở hữu của Bên bán;
 - Không bị tranh chấp về quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và quyền thừa kế;
 - Không bị thế chấp, bảo lãnh, mua bán, tặng cho, trao đổi, kê khai làm vốn của doanh nghiệp hoặc thực hiện nghĩa vụ khác;
 - Không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo pháp luật.

b) Không còn bất kỳ giấy tờ nào về quyền sở hữu ngôi nhà nêu trên;

c) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ⁽⁵⁾ nêu trên là bản chính;

d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những thỏa thuận với Bên mua đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên mua cam kết:

a) Đã xem xét kỹ, biết rõ về nguồn vốn sở hữu và thực trạng ngôi nhà nêu trên, kể cả các giấy tờ về quyền sở hữu nhà, đồng ý mua và không có khiếu nại gì về việc công chứng (chứng thực) Hợp đồng này;

b) Thực hiện đúng và đầy đủ những thỏa thuận với Bên bán đã ghi trong Hợp đồng này;

c) Phân diện tích ngoài chủ quyền, vi phạm quy hoạch, Bên mua cam kết chấp hành theo các quy định của Nhà nước.

3. Hai bên cùng cam kết:

a) Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng.

b) Kể từ ngày ký Hợp đồng này, không bên nào được sử dụng bản chính "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" ⁽⁵⁾ số..... ngày..... tháng..... năm do cấp cho Ông và vợ là Bà để thực hiện thế chấp, bảo lãnh, mua bán, tặng cho, trao đổi, kê khai làm vốn doanh nghiệp hoặc các giao dịch khác với bất kỳ hình thức nào cho đến khi hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu;

c) Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng; nếu bên nào vi phạm mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho bên kia hoặc cho người thứ ba (nếu có).

Điều 9. Điều khoản cuối cùng

1. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng (chứng thực) này, sau khi đã được nghe lời giải thích của người có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực dưới đây.

2. Hai bên đã tự đọc lại Hợp đồng này (9), đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng này.

3. Hợp đồng này được lập thành 03 bản, mỗi bản gồm có..... trang, các bản đều giống nhau. Bên bán giữ 01 bản, Bên mua giữ 01 bản và 01 bản lưu tại

Bên bán

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Bên mua

(Ký và ghi rõ họ và tên)

Chú thích

- (1) - Trong trường hợp bên giao kết Hợp đồng là cá nhân:

Ông (bà)

Sinh ngày..... tháng năm

Chứng minh nhân dân số:..... do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Địa chỉ thường trú:

Nếu bên nào đó có từ hai người trở lên, thì lần lượt ghi thông tin của từng người như trên; nếu bên mua là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, thì ghi hộ chiếu;

Nếu có đại diện, thì ghi họ tên, giấy tờ tùy thân và tư cách của người đại diện.

- Trong trường hợp bên giao kết Hợp đồng là tổ chức:

Tên tổ chức:

Tên viết tắt:

Trụ sở tại:

Quyết định thành lập số ngày..... tháng..... năm..... của

Điện thoại:

Đại diện là Ông (bà):

Chức vụ:

Chứng minh nhân dân số:..... do..... cấp ngày... tháng... năm.....

Việc đại diện được thực hiện theo

- (2) Trong trường hợp vợ chồng có địa chỉ thường trú khác nhau, thì ghi địa chỉ thường trú từng người và của cả hai người;

- (3) Trong trường hợp ngôi nhà ở nông thôn thì ghi rõ từ xóm (ấp, bản),;

- (4) Ghi các thực trạng khác của ngôi nhà (nếu có) như: quyền sử dụng bất động sản liên kế của chủ sở hữu ngôi nhà theo quy định của Bộ luật Dân sự (từ Điều 278 đến Điều 283); các hạn chế về kiến trúc và xây dựng theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thỏa thuận của các bên; nếu ngôi nhà đem giao dịch là nhà đang cho thuê để ở, thì ghi rõ họ, tên người thuê, văn bản xác định người thuê khước từ việc mua ngôi nhà theo các điều kiện do bên bán đặt ra hoặc hết thời hạn thông báo mà người thuê không trả lời;

- (5) Trong trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, thì ghi giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng của ngôi nhà đó;

- (6) Trong trường hợp thanh toán nhiều lần thì ghi rõ số lần thanh toán, số tiền của từng lần, bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản,

- (7) Trong trường hợp các bên có thỏa thuận khác về việc nộp thuế và lệ phí thì ghi rõ bên nào nộp, số lượng nộp cho từng loại thuế, lệ phí;

- (8) Ghi các thỏa thuận khác ngoài các thỏa thuận đã nêu;

- (9) Trong trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị Công chứng viên đọc Hợp đồng, thì ghi người yêu cầu công chứng đã nghe đọc Hợp đồng.

29. MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ Ở

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ Ở

*(Toàn bộ ngôi nhà số..... đường.....
phường..... quận)*

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại..... chúng tôi ký tên dưới đây, những người tự nhận thấy có đủ năng lực hành vi dân sự và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi của mình, gồm:

Bên cho thuê ⁽¹⁾:

Ông (bà):

Sinh ngày: tháng..... năm

Chứng minh nhân dân số: do

Cấp ngày tháng..... năm

Cùng vợ (chồng) là Bà (Ông):

Sinh ngày: tháng..... năm

Chứng minh nhân dân số: do

Cấp ngày tháng..... năm

Cả hai ông bà cùng thường trú tại số: đường:
phường: quận: thành phố: ⁽²⁾

Bên thuê ⁽¹⁾:

Ông (bà):

Sinh ngày: tháng..... năm

Chứng minh nhân dân số: do

Cấp ngày tháng..... năm

Cùng vợ (chồng) là Bà (Ông):

Sinh ngày: tháng..... năm

Chứng minh nhân dân số: do

Cấp ngày tháng..... năm

Cả hai ông bà cùng thường trú tại số: đường:
phường: quận: thành phố: ⁽²⁾

Bằng Hợp đồng này, Bên cho thuê đồng ý cho Bên thuê thuê toàn bộ ngôi nhà với những thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Đối tượng của Hợp đồng

1. Đối tượng của Hợp đồng này là ngôi nhà số:
đường:..... phường:..... quận:..... thành phố: ⁽³⁾

có thực trạng như sau:

a) Nhà ở:

- Tổng diện tích sử dụng: m²

- Diện tích xây dựng: m²

- Diện tích xây dựng của tầng trệt: m²

- Kết cấu nhà:

- Số tầng:

b) Đất ở:

- Thửa đất số:

- Tờ bản đồ số:

- Diện tích: m²

- Hình thức sử dụng riêng: m²

c) Các thực trạng khác: ⁽⁴⁾

(phần diện tích nằm ngoài chủ quyền; diện tích vi phạm quy hoạch, trong đó phần diện tích trong lộ giới)

2. Ông..... và Bà..... là chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: ngày..... tháng..... năm..... do cấp ⁽⁵⁾

Điều 2. Giá thuê ngôi nhà

1. Giá thuê ngôi nhà là: đ
(Bằng chữ:)

2. Bên thuê trả tiền thuê nhà cho Bên cho thuê bằng đồng Việt Nam theo định kỳ một lần, vào ngày đầu tiên của mỗi định kỳ.

Việc giao và nhận số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu thực hiện trước pháp luật.

Điều 3. Thời hạn thuê

Thời hạn thuê ngôi nhà nêu trên là kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền của bên cho thuê

1. Bên cho thuê có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao nhà cho Bên thuê theo đúng Hợp đồng;
- Bảo đảm cho người thuê sử dụng ổn định nhà trong thời hạn thuê;
- Bảo dưỡng, sửa chữa nhà theo định kỳ hoặc theo thỏa thuận; nếu bên cho thuê không bảo dưỡng, sửa chữa nhà mà gây thiệt hại cho Bên thuê, thì phải bồi thường;
- Tạo điều kiện cho Bên thuê sử dụng thuận tiện diện tích thuê;
- Nộp các khoản thuế về nhà và đất (nếu có).

2. Bên cho thuê có các quyền sau đây:

- Nhận đủ tiền thuê nhà đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận;
- Đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng nhưng phải báo cho Bên thuê biết trước một tháng và yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu Bên thuê có một trong các hành vi sau đây:

+ Không trả tiền thuê nhà liên tiếp trong ba tháng trở lên mà không có lý do chính đáng;

+ Sử dụng nhà không đúng mục đích thuê;

+ Làm nhà hư hỏng nghiêm trọng;

+ Sửa chữa, đổi hoặc cho người khác thuê lại toàn bộ hoặc một

phần nhà đang thuê mà không có sự đồng ý của bên cho thuê;

+ Làm mất trật tự công cộng nhiều và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt bình thường của những người xung quanh;

+ Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến vệ sinh môi trường;

- Cải tạo, nâng cấp nhà cho thuê khi được Bên thuê đồng ý, nhưng không được gây phiền hà cho bên thuê sử dụng chỗ ở;

- Được lấy lại nhà cho thuê khi hết hạn Hợp đồng thuê.

Điều 5. Nghĩa vụ và quyền của bên thuê

1. Bên thuê có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng nhà đúng mục đích đã thỏa thuận;

- Trả đủ tiền thuê nhà đúng kỳ hạn đã thỏa thuận;

- Giữ gìn nhà, sửa chữa những hư hỏng do mình gây ra;

- Tôn trọng quy tắc sinh hoạt công cộng;

- Trả tiền điện, nước, điện thoại, vệ sinh và các chi phí phát sinh khác trong thời gian thuê nhà;

- Trả nhà cho Bên cho thuê theo đúng thỏa thuận.

2. Bên thuê có các quyền sau đây:

- Nhận nhà thuê theo đúng thỏa thuận;

- Được đổi nhà đang thuê với bên thuê khác, nếu được Bên cho thuê đồng ý bằng văn bản;

- Được cho thuê lại nhà đang thuê, nếu được Bên cho thuê đồng ý bằng văn bản;

- Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với Bên cho thuê, trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu nhà;

- Được ưu tiên ký Hợp đồng thuê tiếp, nếu đã hết hạn thuê mà nhà vẫn dùng để cho thuê;

- Được ưu tiên mua nhà đang thuê, khi Bên cho thuê thông báo về việc bán ngôi nhà;

- Đơn phương đình chỉ Hợp đồng thuê nhà nhưng phải báo cho Bên cho thuê biết trước một tháng và yêu cầu bồi thường thiệt hại,

nếu Bên cho thuê có một trong các hành vi sau đây:

- + Không sửa chữa nhà khi chất lượng nhà giảm sút nghiêm trọng;
 - + Tăng giá thuê nhà bất hợp lý;
 - + Quyền sử dụng nhà ở bị hạn chế do lợi ích của người thứ ba.
- Được thay đổi cấu trúc ngôi nhà nếu được Bên cho thuê đồng ý bằng văn bản.

Điều 6. Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các thỏa thuận khác

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng này phải lập thành văn bản và phải được công chứng hoặc chứng thực mới có giá trị để thực hiện ⁽⁶⁾.

Điều 8. Cam kết của các bên

Bên cho thuê và Bên thuê chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cùng cam kết sau đây:

1. Đã khai đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này.
2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những thỏa thuận với Bên thuê đã ghi trong Hợp đồng này; nếu bên nào vi phạm mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho bên kia hoặc cho người thứ ba (nếu có).

Điều 9. Điều khoản cuối cùng

1. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng (chứng thực) này, sau khi đã được nghe lời giải thích của người có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực dưới đây.

2. Hai bên đã tự đọc lại Hợp đồng này ⁽⁷⁾, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng này.

3. Hợp đồng này được lập thành 03 bản, mỗi bản gồm có.....
trang, các bản đều giống nhau. Bên cho thuê giữ 01 bản, Bên thuê
giữ 1 bản và 01 bản lưu tại

Bên cho thuê
(Ký và ghi rõ họ và tên)

Bên thuê
(Ký và ghi rõ họ và tên)

Chú thích

(1) - Trong trường hợp bên giao kết Hợp đồng là cá nhân:

Ông (Bà)

Sinh ngày: tháng..... năm....

Chứng minh nhân dân số: do

Cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ thường trú:

Nếu bên nào đó có từ hai người trở lên, thì lần lượt ghi thông tin của từng người như trên; nếu bên thuê là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, thì ghi hộ chiếu;

Nếu có đại diện, thì ghi họ tên, giấy tờ tùy thân và tư cách của người đại diện.

- Trong trường hợp bên giao kết Hợp đồng là tổ chức

Tên tổ chức:

Tên viết tắt:

Trụ sở tại:

Quyết định thành lập số:..... ngày.... tháng... năm... của

Điện thoại:

Đại diện là Ông (Bà)

Chức vụ:

Chứng minh nhân dân số: do

Cấp ngày..... tháng..... năm.....

Việc đại diện được thực hiện theo

(2) Trong trường hợp vợ chồng có địa chỉ thường trú khác nhau, thì ghi địa chỉ thường trú từng người và của cả hai người;

(3) Trong trường hợp ngôi nhà ở nông thôn thì ghi rõ từ xóm (ấp, bản)....;

(4) Ghi các thực trạng khác của ngôi nhà (nếu có) như: quyền sử dụng bất động sản liên kế của chủ sở hữu ngôi nhà theo quy định của Bộ luật Dân sự

(từ Điều 278 đến Điều 283); các hạn chế về kiến trúc và xây dựng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thỏa thuận của các bên;

(5) Trong trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, thì ghi giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng của ngôi nhà đó;

(6) Ghi các thỏa thuận khác ngoài các thỏa thuận đã nêu;

(7) Trong trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị Công chứng viên đọc Hợp đồng, thì ghi người yêu cầu công chứng đã nghe đọc Hợp đồng.

30. MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN CHUYỂN NHƯỢNG NHÀ Ở

THÀNH PHỐ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(TỈNH) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN CHUYỂN NHƯỢNG NHÀ Ở

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Tại Phòng Công chứng Nhà nước..... tỉnh (Thành phố)..... Trước mặt Công chứng viên của Phòng Công chứng Nhà nước..... tỉnh (Thành phố)

Chúng tôi cùng ký tên dưới đây, những người tự nhận thấy có đủ năng lực hành vi và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi của mình, gồm:

Bên bán (Gọi tắt là Bên A):

- Họ tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chứng minh nhân dân số:
- Cấp ngày:
- Tại:
- Hộ khẩu thường trú:
- Họ tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chứng minh nhân dân số:
- Cấp ngày:
- Tại:
- Hộ khẩu thường trú:

Là đồng sở hữu căn nhà tọa lạc tại số..... đường..... (xóm, ấp)

..... phường (xã) quận (huyện, thị xã)

Căn cứ theo các chứng từ sở hữu đã được cơ quan thẩm quyền cấp, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu do cấp ngày
- Bằng khoán:
- Giấy phép hợp thức hóa:
- Giấy phép mua bán:
- Tờ khai chuyển dịch trước bạ:
- Bản vẽ:
- Giấy phép xây dựng số: ngày..... tháng..... năm

Đã trước bạ theo tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày tháng..... năm

Bên mua (Gọi tắt là Bên B)

- Họ tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chứng minh nhân dân số:
- Cấp ngày:
- Tại:
- Hộ khẩu thường trú:
- Họ tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chứng minh nhân dân số:
- Cấp ngày:
- Tại:
- Hộ khẩu thường trú:

NỘI DUNG THỎA THUẬN

Điều 1: Bên A bằng văn bản này cùng với những cam kết sau đây bán đứt cho Bên B căn nhà tọa lạc tại số đường (xóm, ấp) phường (xã) quận (huyện, thị xã) Và

đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất có nhà ở nằm trong khuôn viên được xác định bởi các giấy tờ đã nêu trên đây.

*** Đặc điểm nhà:**

- Loại nhà: nhà phố, nhà chung cư, nhà biệt thự cấp.
- Cấu trúc: Trệt, lầu, gạch, bê tông cột thép:
- Nền: Mái:
- Tường: gạch, đất, bê tông, chung riêng, mượn.
- Diện tích toàn bộ khuôn viên: ngang..... sâu
- Diện tích xây dựng:
- Diện tích sử dụng:
-
-

*** Vị trí nhà:**

Căn nhà được xây cất trên lô đất..... bằng khoán..... bản đồ số

*** Nguồn gốc nhà:**

-

*** Giá mua bán:**

Hai bên thỏa thuận giá mua bán là:

-

Giá này cố định không thay đổi trong trường hợp giá cả nhà cửa của thị trường lên hay xuống.

Điều 2: Các thành viên Bên B liên đới cũng chịu trách nhiệm về quyền lợi và nghĩa vụ, đã mua đứt căn nhà nói trên trong tình trạng hiện hữu với giá cả đã nêu ở Điều 1 mà không đòi hỏi hoặc khiếu nại gì.

Bên B chấp nhận mọi quy định về địa dịch thông hành đã có và sẽ có, các quy định về lộ giới, quy hoạch xây dựng, chỉnh trang đô thị, quy hoạch sử dụng đất vì lợi ích quốc gia cùng toàn bộ những rủi ro hoặc thiệt hại sẽ xảy ra, trừ những điều pháp luật cấm mua bán chuyển dịch tại văn bản của mà Bên A cố tình giấu diếm Bên B.

Bên B sẽ đóng đủ mọi thứ thuế theo quy định đối với bất động sản đã mua bán chuyển nhượng bởi Hợp đồng này kể từ ngày thực sự làm chủ sở hữu theo quy định khác nếu có.

Điều 3: Phương thức thanh toán, thời gian và địa điểm thanh toán tiền mua nhà, thời gian giao nhận nhà.

1. Phương thức thanh toán, thời gian và địa điểm giao nhận tiền mua nhà:

.....
.....

Bên A đã nhận đủ số tiền là do Bên B giao.

2. Thời gian và điều kiện giao nhận nhà:

- Thời gian giao nhà:

- Điều kiện giao nhà:

- Bên A phải di chuyển người và đồ vật ra khỏi nhà trước khi giao nhà cho Bên B, Bên A phải giao nhà cùng với các tiện nghi như đồng hồ điện nước, các công trình phụ sẵn có.

Bên A đảm bảo cho Bên B về mặt pháp lý và trên thực tế được hưởng quyền sở hữu thực sự.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A giao nhà đúng tình trạng hiện hữu và đúng thời hạn quy định trong Hợp đồng, đồng thời giao đủ toàn bộ hồ sơ liên quan đến căn nhà nói trên cho Bên B, cùng với các điều kiện đã nêu ở Điều 3 mục 2.

2. Nhận tiền của Bên B theo phương thức thỏa thuận trong Hợp đồng này.

3. Phải bảo quản nhà đã bán trong thời gian chưa giao nhà cho Bên B, không được thế chấp, cho thuê hoặc hứa bán cho người khác.

4. Có nghĩa vụ đóng các loại thuế theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B tiến hành đăng ký trước bạ sang tên tại cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Được nhận nhà theo tình trạng đã quy định trong Hợp đồng và được nhận toàn bộ hồ sơ về căn nhà đã mua.

2. Trả đủ tiền mua nhà cho Bên A theo thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng.

3. Đóng thuế trước bạ đầy đủ và đăng bộ theo quy định.

Điều 6: Cam kết của Bên A

1. Bên A cam kết về tình trạng sở hữu của nhà đem bán.

- Căn nhà mua bán nêu trong Hợp đồng này là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không phải nhà do Bên A đứng tên thay người khác.

- Căn nhà Bên A bán không thuộc diện bị tranh chấp về quyền sở hữu và quyền sử dụng.

- Nhà kể cả đất trong khuôn viên không bị tranh chấp về quyền sở hữu và quyền sử dụng.

- Nhà không bị xử lý bằng các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chủ sở hữu chưa chấp hành.

- Nhà không bị buộc phải dỡ bỏ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong trường hợp Bên A đem bán nhà đang bị vướng một trong những điều cam kết trên đây do đó đã gây thiệt hại cho Bên B, Bên A cam kết sẽ hoàn trả đủ ngay lập tức tiền mua nhà cho Bên B và sẽ bồi thường cho Bên B theo bàn bạc thỏa thuận của hai bên (A và B). Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được, Bên B có quyền khởi kiện ra Tòa án và Bên A phải bồi thường cho Bên B theo phán quyết của Tòa án.

Điều 7: Cam kết của Bên B

Đã xem xét rõ tình trạng hiện hữu của căn nhà và đất trong khuôn viên nhà, kể cả giấy tờ chủ quyền nhà và bằng lòng mua, đồng thời cam kết không khiếu nại gì đối với Công chứng viên ký tên dưới đây về việc Bên B nhận chịu mua căn nhà trên đây.

Tôn trọng mọi địa dịch thông thành cũ và mới theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong

Hợp đồng, trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu hai bên không tự giải quyết được thì được quyền đưa đến cơ quan Tòa án để yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản và do hai bên ký tên trước Phòng Công chứng Nhà nước thành phố (tỉnh)

Hợp đồng được làm thành 03 bản, Bên B giữ 01 bản để trước bạ và đăng bộ. Phòng Công chứng lưu 01 bản, Bên A giữ 01 bản để theo dõi thi hành Hợp đồng.

Bên bán A

(Ký tên)

Bên bán B

(Ký tên)

CHỨNG NHẬN CỦA PHÒNG CÔNG CHỨNG NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ (TỈNH:)

Tôi..... công chứng viên Phòng Công chứng nhà nước thành phố (tỉnh).....

.....
- Căn cứ Bộ luật dân sự của nước CHXHCNVN công bố ngày 09-11-1995;

- Căn cứ Nghị định số 60/CP, 61/CP ngày 05-07-1994, Nghị định số 21/CP ngày 16-04-1996 và Nghị định số 45/CP ngày 03-08-1996 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 18-05-1996 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Công chứng Nhà nước;

- Căn cứ bản quy định về quản lý Nhà nước đối với nhà thuộc sở hữu tư nhân tại Thành phố (tỉnh)

CHỨNG NHẬN

Hợp đồng mua bán chuyển nhượng sở hữu nhà trên đây được thực hiện bởi:

Bên bán:

Ông (bà):

- Ngày tháng năm sinh

- Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại ..

- Hộ khẩu thường trú:

.....

Ông (bà):

- Ngày tháng năm sinh

- Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại ..

- Hộ khẩu thường trú:

.....

Bằng Hợp đồng trên đây đã bán dứt căn nhà số:
đường (xóm, ấp)..... phường (xã)..... quận (huyện, thị
xã)..... thuộc sở hữu của ông bà theo các chứng từ sở hữu
đã xuất trình trước mặt tôi, cho:

Bên mua:

Ông (bà):

- Ngày tháng năm sinh

- Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại ..

- Hộ khẩu thường trú:

.....

Ông (bà):

- Ngày tháng năm sinh

- Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tại ..

- Hộ khẩu thường trú:

.....

Đã đồng ý mua đứt căn nhà nói trên.

Mọi bàn bạc, thảo luận về các điều kiện mua bán giữa hai bên đã diễn ra từ trước khi ký Hợp đồng này và ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên ký tên dưới đây. Hôm nay, hai bên tự nguyện ký kết Hợp đồng này dưới hình thức Công chứng thư theo nguyện vọng của hai bên và theo pháp luật đã quy định.

Từ sau khi ký Hợp đồng này, mọi thủ tục đăng ký trước bạ và đăng bộ hai bên phải thực hiện ngay theo luật định để Bên B trọn quyền sở hữu.

Hai bên đã đọc lại toàn bộ bản Hợp đồng và đã hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên và đã ký tên, lăn tay trước mặt tôi trong tình trạng tỉnh táo, sáng suốt.

Hai bên có đủ năng lực hành vi.

Ngày..... tháng..... năm.....

Công chứng viên

Số:

Quyển:

PHẦN TRƯỚC BẠ

31. MẪU HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại:

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên cho thuê nhà):

Họ tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Chứng minh nhân dân số:

Cấp ngày:

Tại:

- Địa chỉ:

Bên B (Bên thuê nhà):

Họ tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Chứng minh nhân dân số:

- Nghề nghiệp:

- Nơi làm việc (nếu có):

Cùng thỏa thuận giao kết Hợp đồng thuê nhà với các nội dung sau đây:

Điều 1: Bên A đồng ý cho Bên B được thuê để..... căn nhà số..... đường phường (xã)..... quận (huyện, thị xã)..... thành phố (tỉnh) gồm phòng.

- Tổng diện tích sử dụng: m², phụ..... m²
- Tổng diện tích đất: m².
- Thuộc loại nhà:
- Kể từ ngày.... tháng..... năm....., trong thời hạn..... năm

Điều 2: Tiền thuê nhà hàng tháng là đồng hoặc (vàng).

Điều 3: Bên thuê nhà phải trả tiền đầy đủ cho bên cho thuê nhà theo tháng (quý) vào ngày..... của tháng (quý) bằng tiền mặt hoặc vàng.

Mỗi lần đóng tiền (hoặc vàng) bên thuê nhà được nhận giấy biên nhận của bên cho thuê.

Điều 4: Bên thuê nhà cam kết

a) Sử dụng nhà đúng mục đích theo Hợp đồng, có trách nhiệm bảo quản tốt các tài sản, trang thiết bị trong nhà. Không được đập phá, tháo dỡ hoặc chuyển dịch đi nơi khác, không được thay đổi cấu trúc, không đục tường, trổ cửa, phá dỡ hoặc xây cất thêm (cơi tầng) làm nhà phụ..... không được tự tiện chiếm dụng diện tích.

b) Không được sang nhượng.

c) Các trường hợp cho nhập thêm người, hộ khẩu phải có ý kiến của bên cho thuê.

Điều 5: Trong thời hạn Hợp đồng, nếu không còn sử dụng nhà nữa, bên thuê nhà phải báo cho bên cho thuê nhà trước..... ngày để hai bên cùng thanh toán tiền thuê nhà và các khoản khác. Trừ những hư hỏng do thời gian sử dụng, còn lại bên thuê nhà phải giao trả các tài sản gắn liền với nhà (đồng hồ điện, nước.....) đầy đủ.

Mọi sự hư hỏng do lỗi của mình, bên thuê nhà phải bồi thường cho bên cho thuê.

Điều 6: Được xem như tự hủy bỏ Hợp đồng nếu sau 30 ngày từ khi được thông báo, bên thuê vẫn còn bỏ trống không sử dụng mà không có lý do chính đáng. Mọi hư hỏng, mất mát trong thời gian bỏ trống, bên thuê nhà phải chịu.

Điều 7: Bên thuê nhà có trách nhiệm bảo quản nhà thuê, phát hiện kịp thời những hư hỏng để yêu cầu bên cho thuê nhà sửa.

Điều 8: Trong thời gian Hợp đồng, nếu người đứng tên trên Hợp đồng từ trần thì một trong những người cùng hộ khẩu (cha, mẹ, chồng, con cái) tiếp tục thi hành Hợp đồng hoặc được ký lại Hợp đồng thay người quá cố.

Điều 9: Hai bên (A và B) cam kết thi hành nghĩa vụ Hợp đồng. Nếu vi phạm sẽ yêu cầu Tòa án..... giải quyết theo thỏa thuận của hai bên hoặc theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi cơ quan Công chứng Nhà nước giữ.

Bên cho thuê nhà

(Ký, họ tên)

Bên thuê nhà

(Ký, họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG CHỨNG NHÀ NƯỚC

32. MẪU HỢP ĐỒNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HOẶC VIỆT KIỀU THUÊ NHÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm

Tại:

Chúng tôi gồm:

A. Bên cho thuê nhà:

1. Công ty chuyên doanh nhà đất:

2. Giấy phép số:

Do ủy ban nhân dân thành phố (tỉnh)..... cấp ngày

Lưu ý: Nếu nhà của tư nhân có thể ghi phần này như sau:

- Đại diện chủ nhà là Ông (bà):.....

- Giấy phép cho người nước ngoài thuê và sử dụng nhà số
ngày..... do

B. Bên thuê nhà:

1. Họ tên: Tuổi: Quốc tịch:

2. Nghề nghiệp:

3. Hộ chiếu số: Cấp ngày:

4. Giấy phép tạm trú số: Cấp ngày:

5. Giấy phép mở văn phòng đại diện số:

Cấp ngày (nếu có).

Hai bên cùng lập Hợp đồng thuê nhà để sử dụng với những cam kết sau:

Điều 1:

a) Nhà cho thuê:

- Tại số: gồm tầng có diện tích xây dựng m²

và diện tích vườn m²

b) Mục đích và nội dung sử dụng:

- Phần để ở có diện tích sử dụng: m².

- Văn phòng đại diện có diện tích sử dụng: m².

c) Trang bị tiện nghi thuê nhà được sử dụng gồm có:

Điều 2: Thời hạn thuê nhà là tháng, bắt đầu từ ngày ..

Điều 3: Giá thuê nhà là USD/tháng. Không bao gồm chi phí sử dụng cơ sở hoạt động tầng kỹ thuật (chi phí điện, nước và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác thanh toán riêng theo khối lượng tiêu thụ).

Tiền thuê nhà được thanh toán theo phương thức sau:

- Trả bằng tiền mặt (hoặc séc chuyển tiền).

- Trả trước..... tháng.

- Trả tiền thường kỳ vào ngày..... hàng tháng.

Điều 4: Trách nhiệm của bên cho thuê nhà

1. Giao nhà và trang thiết bị, tiện nghi cho bên thuê đúng ngày Hợp đồng có giá trị.

2. Bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn và riêng rẽ của bên thuê nhà (đối với phần diện tích ghi trong Hợp đồng nếu chủ nhà ở chung).

3. Sửa chữa kịp thời những hư hỏng.

4. Phải bồi thường mọi thiệt hại về vật chất và sức khỏe gây ra cho bên thuê nhà trong trường hợp nhà bị sụp đổ do không sửa chữa kịp thời.

5. Hướng dẫn bên thuê nhà thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về tạm trú, tạm vắng.

Điều 5: Trách nhiệm của bên thuê nhà

1. Sử dụng nhà đúng nội dung và mục đích thuê. Khi cần sửa chữa, cải tạo theo yêu cầu sử dụng riêng phải được sự đồng ý của chủ nhà và phải tuân theo những quy định về xây dựng cơ bản.

2. Trả tiền thuê nhà đầy đủ và đúng thời hạn quy định.

3. Có trách nhiệm về hư hỏng nhà, sự mất mát và các trang thiết bị nội thất, các đồ đạc, tư trang của bản thân và những tác

hại gây ra cho bên thứ ba trong khi sử dụng nhà.

4. Chấp hành các quy tắc về giữ gìn vệ sinh môi trường và các quy định về trật tự an ninh chung.

5. Không được chuyển nhượng Hợp đồng thuê nhà hoặc cho thuê lại. Trường hợp cần chấm dứt việc thuê nhà trước thời hạn đã ký, phải báo cho chủ nhà biết trước ít nhất một tháng.

Điều 6: Những cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp, hoặc một bên vi phạm Hợp đồng thì hai bên phải trình UBND thành phố (tỉnh) xem xét và xử lý.

Khi một trong hai bên không thỏa mãn với kết quả xử lý của UBND cấp tỉnh thì đề nghị Tòa án xét xử.

2. Hợp đồng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Thời hạn của Hợp đồng đã hết.

b) Nhà cho thuê bị tiêu hủy hoặc phải phá dỡ theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:

c) Bên thuê đã cho thuê lại nhà, bị bắt giam hoặc bị chính phủ Việt Nam trục xuất.

Điều 7: Thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có giá trị từ ngày được xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho tới hết hạn thuê nhà.

Hợp đồng được lập thành 03 bản, bằng 02 thứ tiếng: Việt và Anh, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản và gửi tại cơ quan quản lý nhà đất của tỉnh (thành phố) 01 bản.

Bên cho thuê nhà

(Ký tên, đóng dấu)

Bên thuê nhà

(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG CHỨNG NHÀ NƯỚC

(Hoặc của Sở nhà đất.....)

Ngày..... tháng..... năm.....

(Đại diện ký tên, đóng dấu)

33. MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ KHO BÃI

UBND TỈNH..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ KHO BÃI

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Chúng tôi ký tên dưới đây là:

Bên cho thuê nhà xưởng:

Chủ sở hữu:

Ngày sinh:

CMND số:

Thường trú tại:

Điện thoại: Fax:

Gọi tắt là Bên A.

Bên thuê nhà xưởng:

Tên giao dịch:

Đại diện là:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản số:

Điện thoại: Fax:

Gọi tắt là bên B.

Sau khi bàn bạc, thảo luận, Hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng thuê nhà xưởng và kho bãi với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

1.1. Bên A đồng ý cho thuê và bên B đồng ý thuê phần diện tích nhà xưởng và kho bãi nằm trên diện tích đất..... m² thuộc chủ quyền của Bên A tại

1.2. Mục đích thuê: dùng làm xưởng sản xuất.

Điều 2: Thời hạn của Hợp đồng

2.1. Thời hạn thuê nhà xưởng là năm được tính từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày.... tháng.... năm.....

2.2. Khi hết hạn Hợp đồng, tùy theo tình hình thực tế hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn.

2.3. Trường hợp một trong hai bên ngưng Hợp đồng trước thời hạn đã thỏa thuận thì phải thông báo cho Bên kia biết trước ít nhất 3 tháng.

2.4. Trong trường hợp Hợp đồng kết thúc trước thời hạn thì Bên A có trách nhiệm hoàn lại toàn bộ số tiền mà Bên B đã trả trước (nếu có) sau khi đã trừ các khoản tiền thuê nhà xưởng; Bên B được nhận lại toàn bộ trang thiết bị do mình mua sắm và lắp đặt (những trang thiết bị này sẽ được hai bên lập biên bản và có bản liệt kê đính kèm).

Điều 3: Giá cả - phương thức thanh toán

Giá thuê nhà là: đ/m²/ tháng (số tiền bằng chữ).

Bên B sẽ trả trước cho Bên A (Bằng chữ.....) năm tiền thuê nhà là:

(..... đ/m²/tháng xm²) x tháng = đồng

(Bằng chữ: đồng chẵn)

Sau thời hạn..... năm, tiền thuê nhà sẽ được thanh toán sáu tháng một lần và được trả vào ngày 05 mỗi đầu tháng. Bên A có trách nhiệm cung cấp hóa đơn cho bên B.

Điều 4: Trách nhiệm của hai bên

4.1. Trách nhiệm Bên A:

4.1.1. Bên A cam kết bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn hợp pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B sử dụng mặt bằng hiệu quả.

4.1.2. Bên A bàn giao toàn bộ các trang thiết bị đồ dùng hiện có như đã thỏa thuận ngay sau khi ký kết Hợp đồng này (Có Biên bản bàn giao và phụ lục liệt kê đính kèm).

4.1.3. Bên A cam kết cấu trúc của nhà xưởng được xây dựng là chắc chắn, nếu trong quá trình sử dụng có xảy ra sự cố gây thiệt

hại đến tính mạng, tài sản của Bên B; Bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường.

4.1.4. Chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuê cho thuê nhà xưởng với cơ quan thuế.

4.2. Trách nhiệm của bên B:

4.2.1. Sử dụng nhà xưởng đúng mục đích thuê, khi cần sửa chữa cải tạo theo yêu cầu sử dụng riêng sẽ bàn bạc cụ thể với Bên A.

4.2.2. Thanh toán tiền thuê nhà xưởng đúng thời hạn.

4.2.3. Có trách nhiệm về sự hư hỏng, mất mát các trang thiết bị và các đồ đạc tư trang của bản thân.

4.2.4. Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình theo đúng Pháp luật hiện hành.

4.2.5. Thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong kinh doanh (ngoài tiền thuê nhà xưởng ghi ở điều 3) như tiền điện, điện thoại, thuế kinh doanh.... đầy đủ và đúng thời hạn.

Điều 5: Cam kết chung

Sau khi Bên B được các cơ quan chứng nhận cho phép đặt xưởng sản xuất tại địa điểm như ghi tại Điều 1 trên đây, Bên B cam kết vẫn tiếp tục thực hiện các điều khoản đã ký với Hợp đồng nguyên tắc gia công đặt hàng được lập tại Phòng Công chứng Nhà nước tỉnh.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong Hợp đồng. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một Bên vi phạm Hợp đồng thì hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết tại Tòa án nhân dân quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do Bên có lỗi chịu.

Hợp đồng này có giá trị ngay sau khi Hai bên ký kết và được Phòng Công chứng Nhà nước tỉnh..... chứng nhận và được lập thành 03 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu tại phòng Công chứng theo quy định.

....., ngày.... tháng.... năm....

Đại diện Bên A

Đại diện Bên B

34. MẪU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông/ Bà:

Quốc tịch:

Chức vụ:

Đại diện cho (1):

Điện thoại:

Địa chỉ:

Và một bên là Ông/ Bà: Quốc tịch:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... tại

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú:

Số CMTND: cấp ngày...../...../..... tại

Số sổ lao động (nếu có): cấp ngày .../...../..... tại

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng
những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc Hợp đồng

- Loại Hợp đồng lao động (3):

- Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

- Thủ việc từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng

năm.....

- Địa điểm làm việc (4):
- Chức danh chuyên môn:..... Chức vụ (nếu có:.....)
-
- Công việc phải làm (5):

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6):
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm:

Điều 3: nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7):
- Mức lương chính hoặc tiền công (8):.....
- Hình thức trả lương:
- Phụ cấp gồm (9):
- Được trả lương vào các ngày hàng tháng.
- Tiền thưởng:
- Chế độ nâng lương:
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm:
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết.....):
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10):
- Chế độ đào tạo (11):
- Những thỏa thuận khác (12):

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13):

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng lao động.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo Hợp đồng (Bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc).

- Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày..... tháng.... năm.... Khi hai bên ký phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại ngày..... tháng.... năm

Người lao động

(Ký tên)

Ghi rõ họ và tên

Người sử dụng lao động

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi rõ họ và tên

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

1. Ghi cụ thể tên doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, ví dụ: Công ty Xây dựng Nhà ở Hà Nội.

2. Ghi rõ tên nghề nghiệp (nếu có nhiều nghề nghiệp thì ghi nghề nghiệp chính), Ví dụ: Kỹ sư.

3. Ghi rõ loại Hợp đồng lao động, ví dụ 1: Không xác định thời hạn; ví dụ 2: 06 tháng.

4. Ghi cụ thể địa điểm chính, ví dụ: Số 2 - Đình Lễ - Hà Nội; và địa điểm phụ (nếu có), ví dụ: Số 5 - Tràng Thi - Hà Nội.

5. Ghi các công việc chính phải làm, ví dụ: Lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện; thiết bị thông gió; thiết bị lạnh.... trong doanh nghiệp.

6. Ghi cụ thể số giờ làm việc trong ngày hoặc trong tuần, ví dụ: 08 giờ/ ngày hoặc 40 giờ/ tuần.

7. Ghi rõ phương tiện đi lại do bên nào đảm nhiệm, ví dụ: xe đơn vị đưa đón hoặc cá nhân tự túc.

8. Ghi cụ thể tiền lương theo thang lương hoặc bảng lương mà đơn vị áp dụng, ví dụ: Thang lương A.1. Cơ khí, Điện, Điện tử - Tin học; Nhóm III; Bạc 4/7; Hệ số 2,04; Mức lương tại thời điểm ký kết Hợp đồng lao động là 428.400 đồng/tháng.

9. Ghi tên loại phụ cấp, hệ số, mức phụ cấp tại thời điểm ký kết Hợp đồng lao động, ví dụ: Phụ cấp trách nhiệm Phó trưởng phòng; hệ số 0,3; Mức phụ cấp 63.000 đồng/tháng.

10. Đối với người lao động thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì ghi tỷ lệ % tiền lương hàng tháng hai bên phải trích nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội, ví dụ: Hàng tháng người sử dụng lao động trích 6% từ tiền lương tháng của người lao động và số tiền trong giá thành tương ứng bằng 17% tiền lương tháng của người lao động để đóng 20% cho cơ quan bảo hiểm xã hội và 3% cho cơ quan Bảo hiểm y tế.

Đối với người lao động không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì khoản tiền bảo hiểm xã hội tính thêm vào tiền lương để người lao động tham gia Bảo hiểm tự nguyện hoặc tự lo lấy bảo hiểm, ví dụ: Khoản tiền bảo hiểm xã hội đã tính thêm vào tiền lương cho người lao động là 17% tiền lương tháng.

11. Ghi cụ thể trường hợp đơn vị cử đi đào tạo thì người lao động phải có nghĩa vụ gì và được hưởng quyền lợi gì, ví dụ: Trong thời gian đơn vị cử đi học người lao động phải hoàn thành khóa học

đúng thời hạn, được hưởng nguyên lương và các quyền lợi khác như người đi làm việc, trừ tiền bồi dưỡng độc hại.

12. Ghi những quyền lợi mà chưa có trong Bộ Luật Lao động, trong thỏa ước lao động tập thể hoặc đã có nhưng có lợi hơn cho người lao động, ví dụ: đi tham quan, du lịch, nghỉ mát, quà sinh nhật.

13. Ghi rõ mức bồi thường cho mỗi trường hợp vi phạm, ví dụ: Sau khi đào tạo mà không làm việc cho doanh nghiệp thì phải bồi thường 06 (sáu) triệu đồng; không làm việc đủ 02 năm thì bồi thường 03 (ba) triệu đồng.

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TÊN ĐƠN VỊ: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: Hà Nội, ngày..... tháng..... năm....

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông/ Bà: Quốc tịch:

Chức vụ:

Đại diện cho (1):

Điện thoại:

Địa chỉ:

Và một bên là Ông/ Bà: Quốc tịch.....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... tại

Nghề nghiệp (2):

Địa chỉ thường trú:

Số CMTND: cấp ngày...../...../..... tại

Số sổ lao động (nếu có): cấp ngày...../...../..... tại

Căn cứ Hợp đồng lao động số..... ký ngày...../...../..... và nhu cầu sử dụng lao động, hai bên cùng nhau thỏa thuận thay đổi một số nội dung của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết như sau:

1. Nội dung thay đổi (Ghi rõ nội dung gì, thay đổi như thế nào...):

.....
.....
.....

2. Thời gian thực hiện (ghi rõ nội dung ở mục 1 nêu trên có hiệu lực trong bao nhiêu lâu):

.....
.....

Phụ lục này là bộ phận của Hợp đồng lao động số, được làm thành hai bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản và là cơ sở để giải quyết khi có tranh chấp lao động.

Người lao động

(Ký tên)

Ghi rõ họ và tên

Người sử dụng lao động

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi rõ họ và tên

**35. MẪU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
(ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TRONG TRANG TRẠI)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2000/TT-BLĐTBXH
ngày 28/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày..... tháng..... năm.....

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

- Căn cứ Nghị quyết 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại;

- Căn cứ Thông tư số 23/2000/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn áp dụng một số chế độ đối với người lao động làm việc trong các trang trại.

Chúng tôi, một bên là chủ trang trại:

Ông (Bà):

Địa chỉ hiện tại:

Số điện thoại:

Và một bên là người lao động:

Ông (Bà):

Sinh ngày..... tháng..... năm

Địa chỉ thường trú:

.....

Chứng minh nhân dân số: Nơi cấp:

Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng lao động với những điều khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng lao động:

1. Thời hạn Hợp đồng lao động của Ông (Bà) là (1)

Bắt đầu từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm

2. Công việc phải làm (2):

.....

.....

.....

3. Trả công lao động và bảo hiểm xã hội:

- Mức tiền công là (3):

- Khoản 15% BHXH là (4):

- Khoản 2% BHYT là (5):

- Mức tạm ứng tiền công mỗi lần là (6):

- Ngày trả (hoặc tạm ứng) tiền công (7):

4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi:

- Thời giờ làm việc 1 ngày (8):

- Thời giờ làm thêm khi có yêu cầu đột xuất (9):

- Ngày nghỉ hàng tuần là vào ngày thứ (10):

- Số ngày nghỉ phép hàng năm (11):

5. Trang bị bảo hộ lao động được cấp phát (12):

.....

.....

.....

6. Các thỏa thuận khác có lợi hơn cho người lao động (13):

.....

.....

.....

Điều 2: Cam kết của hai bên:

a) Của chủ trang trại:

- Lo đủ việc làm cho người lao động.

- Trang bị phương tiện làm việc và bảo hộ lao động cá nhân cho người lao động.

- Thanh toán và giải quyết đầy đủ, kịp thời các quyền lợi đã thỏa thuận cho người lao động.

* Nếu vi phạm cam kết sẽ bị phạt đ/lần vi phạm.

b) Của người lao động:

- Hoàn thành công việc, khối lượng sản phẩm đúng thời gian bảo đảm chất lượng.

- Tuân thủ sự điều hành của chủ trang trại.

- Thực hiện hết thời hạn Hợp đồng lao động như đã cam kết.

* Nếu vi phạm cam kết sẽ bị phạt..... đ/ lần vi phạm.

Điều 3: Hợp đồng lao động này làm thành 2 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 1 bản và có hiệu lực từ ngày tháng..... năm

Người lao động

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ trang trại

(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(1) Ghi thời hạn của Hợp đồng lao động.

Ví dụ: 6 tháng; 1 năm

(2) Ghi những việc phải làm.

Ví dụ: thu hoạch cà phê; vận hành máy cày....

(3) Ghi mức tiền công phải trả cho 1 ngày, 1 tháng hoặc cho khối lượng sản phẩm...

Ví dụ:

+ Tiền công trả cho 1 ngày là: 10.000 đ/ngày;

+ Cho 1 tháng là: 300.000 đ/tháng;

+ Cho thu hoạch 5 tấn cà phê là: $5t \times 100.000đ/t = 500.000đ$;

+ cây cấy 2 ha lúa là: $2 \text{ ha} \times 70.000đ/\text{ha} = 140.000đ$;

(4) và (5). Tính tiền BHXH và BHYT bằng cách: Lấy tiền công x % từng loại bảo hiểm.

Ví dụ:

+ Tiền công 1 ngày là 10.000đ, thì tiền BHXH là:

$$10.000đ \times 15\% = 1.500đ/\text{ngày};$$

$$\text{Tiền BHYT là: } 10.000đ \times 2\% = 200đ/\text{ngày}.$$

+ Tiền công cho thu hoạch 5 tấn cà phê là: 500.000đ, thì tiền BHXH là:

$$500.000đ \times 15\% = 75.000đ....$$

(6) Ghi mức tiền công được tạm ứng (nếu có)

Ví dụ: 150.000đ/lần; nếu không có thì ghi chữ không có.

(7) Ghi ngày trả hoặc tạm ứng tiền công,

Ví dụ:

+ Tiền công được trả hoặc tạm ứng vào ngày mồng 3 và 18 hàng tháng.

+ Tiền công được trả ngay sau ngày làm việc.

+ Tiền công được trả sau khi hoàn thành khối lượng công việc hoặc khối lượng sản phẩm.

(8) và (9) Ghi số giờ làm việc trong ngày và giờ làm thêm.

Ví dụ: 8 giờ/ ngày; làm thêm 3 giờ/ ngày.

(10) Ghi ngày nghỉ trong tuần

Ví dụ: Thứ hai, thứ 7...

(11) Ghi số ngày được nghỉ phép.

Ví dụ: 12 ngày/ năm.

(12) Ghi các trang bị bảo hộ được cấp phát và thời gian sử dụng.

Ví dụ:

+ Quần áo: 1 bộ/ năm.

- + Nón: 1 chiếc/ 6 tháng.
- + Găng tay: 1 đôi/1 tháng
- + Xà phòng: 100g/tháng...

(13) Ghi các thỏa thuận khác (nếu có).

Ví dụ:

- + Được ăn 1 bữa trưa không phải trả tiền.
- + Được bố trí nơi ở không phải trả tiền.
- + Ngày Tết nguyên đán được thưởng 100.000đ.
- + Được trợ cấp khó khăn đột xuất: 100.000đ.lần.

36. MẪU THỎA THUẬN TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

TÊN ĐƠN VỊ
CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Địa danh, ngày..... tháng..... năm....

THỎA THUẬN TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

- Căn cứ Quyết định số ngày..... của về việc thành lập đơn vị;

- Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 09/5/2003 Của chính phủ, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Bộ luật Lao động về Hợp đồng lao động, Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 09/5/2003;

- Căn cứ bản Hợp đồng lao động giữa (tên đơn vị) và Ông (bà) ký ngày

- Xét đơn xin tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động ngày của Ông (bà), (chức danh, phòng ban đang công tác)

THỎA THUẬN

Điều 1: Tạm hoãn việc thực hiện Hợp đồng lao động giữa (tên đơn vị) và Ông (bà) ký ngày kể từ ngày đến hết ngày Ông (bà) có trách nhiệm bàn giao công việc đang đảm nhiệm,

tài liệu có liên quan theo sự chỉ đạo của Ông (bà) Trưởng phòng
..... (nơi người lao động đang công tác)

Điều 2: Trong thời gian tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động, Ông (bà) không được hưởng lương, BHXH, BHYT và các chế độ khác từ (tên đơn vị) (tên đơn vị) có trách nhiệm thanh toán tiền lương và các chế độ khác đối với Ông (bà) đến hết ngày (1 ngày trước ngày tạm hoãn Hợp đồng lao động).

Điều 3: Hết thời hạn tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động, Ông (bà) phải có mặt tại (tên đơn vị). Trong trường hợp quá 5 ngày kể từ ngày hết hạn tạm hoãn Hợp đồng lao động, Ông (bà) không có mặt tại (tên đơn vị) mà không có lý do chính đáng thì xử lý với hình thức sa thải theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 85 của Bộ luật Lao động.

Điều 4: Hết thời hạn tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động, (tên đơn vị) có trách nhiệm sắp xếp việc làm đối với Ông (bà) phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh và nhu cầu cán bộ của (tên đơn vị). Trong trường hợp Ông (bà) không đồng ý với sự phân công của (tên đơn vị), hai bên thực hiện chấm dứt HĐLĐ./.

Người lao động

Người sử dụng lao động

37. MẪU THỎA THUẬN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

TÊN ĐƠN VỊ
CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Địa danh, ngày..... tháng..... năm....

THỎA THUẬN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

- Căn cứ Quyết định số ngày..... của về việc thành lập đơn vị;

- Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 09/5/2003 Của chính phủ, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Bộ luật Lao động về Hợp đồng lao động, Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 09/5/2003;

- Căn cứ bản Hợp đồng lao động giữa..... (tên đơn vị) và Ông (bà)..... ký ngày

- Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Tổng giám đốc (Giám đốc) tại Tờ trình ngày..... của phòng..... (quản lý nhân sự) về việc giải quyết đơn xin chuyển công tác của Ông (bà)⁽¹⁾

- Xét đơn xin chấm dứt Hợp đồng lao động ngày của Ông (bà), (chức danh, phòng ban công tác đang công tác),

⁽¹⁾ Sử dụng khi Tổng giám đốc (Giám đốc) ủy quyền cho ông Giám đốc (Trưởng phòng) quản lý nhân sự thỏa thuận các nội dung trước khi ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động.

THỎA THUẬN

Điều 1: Chấm dứt Hợp đồng lao động ký ngày giữa (tên đơn vị) và Ông (bà) kể từ ngày

Điều 2: Trách nhiệm và quyền lợi của Ông (bà) như sau:

- Trách nhiệm:

+ Bàn giao công việc đang đảm nhiệm, tài liệu và các trang thiết bị làm việc có liên quan theo sự chỉ đạo của Ông (bà) Trưởng phòng..... (nơi người lao động đang công tác).

+ Bồi hoàn số tiền về kinh phí đào tạo với (tên đơn vị) (nếu có).

Thanh toán các khoản công nợ (nếu có) với..... (tên đơn vị) trước khi chấm dứt HĐLĐ.

- Quyền lợi:

+ Chế độ Bảo hiểm xã hội: Ông (bà) được xác nhận thời gian đóng BHXH theo Luật định đến hết ngày (1 ngày trước ngày chấm dứt Hợp đồng lao động).

+ Chế độ chấm dứt Hợp đồng lao động: Ông (bà)..... được hưởng trợ cấp chấm dứt HĐLĐ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 9/5/2003 của Chính phủ.

+ Tiền lương và tiền thưởng (nếu có) và các chế độ khác tính đến hết ngày (1 ngày trước ngày chấm dứt Hợp đồng lao động) theo quy chế trả lương và phân phối tiền thưởng tại đơn vị (nếu có).

Điều 3: (tên đơn vị) có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục cần thiết để Ông (bà) được hưởng các quyền lợi theo Luật định, đồng thời bàn giao hồ sơ cá nhân, xác nhận thời gian đóng BHXH đối với Ông (bà).....

Người lao động

T/L Tổng giám đốc (Giám đốc)
.....(tên đơn vị)

38. MẪU QUYẾT ĐỊNH
CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

TÊN ĐƠN VỊ
CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Địa danh, ngày..... tháng..... năm....

QUYẾT ĐỊNH
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) (TÊN ĐƠN VỊ)

V/v chấm dứt Hợp đồng lao động

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) (TÊN ĐƠN VỊ)

.....

- Căn cứ Quyết định số ngày..... của..... về việc thành lập đơn vị;

- Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 09/5/2003 Của chính phủ, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Bộ luật Lao động về Hợp đồng lao động, Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 09/5/2003;

- Căn cứ bản Hợp đồng lao động giữa (tên đơn vị) và Ông (bà) ký ngày

- Xét đơn xin chấm dứt Hợp đồng lao động ngày của Ông (bà), (chức danh, phòng ban công tác đang công tác),

- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng..... (phòng quản lý nhân sự),

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Chấm dứt Hợp đồng lao động ký ngày..... giữa..... (tên đơn vị) và Ông (bà)..... kể từ ngày

Điều II: Ông (bà) có trách nhiệm và quyền lợi theo Bản thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động số ngày

Điều III: Các Ông (bà) Chánh Văn phòng; Kế toán trưởng; Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan của (tên đơn vị) và Ông (bà) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Phòng..... quản lý (để thực hiện).
- Lưu VT.

Tổng giám đốc (Giám đốc)

..... (tên đơn vị)

39. MẪU QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG VIỆC

*(Ban hành kèm theo Thông tư
số 19/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

TÊN ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

.....
QUYẾT ĐỊNH CỦA

(Ghi rõ chức vụ và tên đơn vị)

Về việc tạm đình chỉ công việc

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 19/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ;

Căn cứ..... ngày..... tháng..... năm..... của (cơ quan có thẩm quyền) quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị).

Sau khi tham khảo ý kiến của Ban chấp hành công đoàn cơ sở ngày ... tháng ... năm

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tạm đình chỉ công việc đối với Ông (bà):

Đơn vị làm việc:

Công việc đang làm:

Trình độ chuyên môn được đào tạo:

Lý do tạm đình chỉ công việc:

Thời hạn tạm đình chỉ công việc kể từ ngày.... tháng.... năm.... đến hết ngày..... tháng.... năm....

Được tạm ứng 50% tiền lương: Tổng số ngày hoặc tháng, tổng số tiền đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, (Ban) tổ chức, kế toán tài vụ trong đơn vị, đơn vị đương sự làm việc và đương sự chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCHCĐ cơ sở;
- Lưu đơn vị.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

**40. MẪU BIÊN BẢN HÒA GIẢI
TRANH CHẤP LAO ĐỘNG TẬP THỂ**

*(Kèm theo Thông tư số 02/LĐTBXH ngày 08/01/1997
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ
HỘI ĐỒNG TRỌNG
TÀI LAO ĐỘNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN
HÒA GIẢI TRANH CHẤP LAO ĐỘNG TẬP THỂ**

1. Ngày, tháng, năm, địa điểm tiến hành họp Hội đồng trọng tài lao động:
2. Họ tên Chủ tịch, Thư ký Hội đồng:
 - Họ tên các thành viên của Hội đồng có mặt hòa giải:
 - Họ tên, chức danh, địa chỉ những người được Hội đồng tham dự phiên họp Hội đồng:
3. Tên, địa chỉ chức danh của đại diện hai bên tranh chấp lao động tập thể:
4. Nội dung tranh chấp:
5. Những tình tiết, chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ tranh chấp lao động tập thể:
6. Phương án hòa giải của Hội đồng đã được hai bên nhất trí, cụ thể:

Hai bên tranh chấp lao động tập thể có nghĩa vụ chấp hành các thỏa thuận ghi trong biên bản này.

TM. Hội đồng trọng tài lao động

Chủ tịch

(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HAI BÊN TRANH CHẤP LAO ĐỘNG TẬP THỂ

Đại diện tập thể lao động

*(Ký và ghi rõ họ tên,
chức danh)*

Đại diện người

sử dụng lao động

(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh)

Điều 2. Chế độ (6) của ông, bà do Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Ông, bà (7) và Ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

.....

.....

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

(Hướng dẫn ghi quyết định ở mặt sau)

HƯỚNG DẪN GHI Ở QUYẾT ĐỊNH:

- Mẫu Quyết định phải đánh bằng máy vi tính hoặc máy chữ, bằng giấy trắng, khổ A4 (21cm x 29,7cm).

- Ở điểm (1) và (2): ghi tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ra Quyết định, chữ in, bằng máy vi tính hoặc máy chữ.

- Ở điểm (3): ghi chức danh của người đề nghị như Trưởng phòng Tổ chức cán bộ bằng máy vi tính hoặc máy chữ.

Ở điều 1:

Điểm (4): ghi đầy đủ họ, chữ đệm (nếu có) và tên người nghỉ việc, viết chữ in, bằng bút mực.

Điều (5): ghi chế độ bảo hiểm xã hội người lao động được hưởng như: hưu trí hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần hoặc tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp bằng bút mực.

Điều 2:

Điểm (6): ghi như điểm (5) trên.

Ông, bà.....: Ghi đủ họ, chữ đệm (nếu có) và tên bằng chữ hoa.

- Ở Điều 3:

Điểm (7): ghi các chức danh của người được Thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp giao nhiệm vụ thực hiện chế độ đối với người lao động như Văn phòng, Tổ chức, tài vụ v.v... đánh bằng máy vi tính hoặc máy chữ.

Các phần để trống còn lại trong Quyết định viết chữ thường bằng bút mực.

PHẦN V

**MẪU SOẠN THẢO CÁC ĐƠN
VÀ GIẤY TỜ NHÂN SỰ**

I. MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ về tuyển lao động)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ THUẬT

Họ và tên: Nam, nữ:

Sinh năm:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:

.....

Chứng minh nhân dân số: cấp tại:

Ngày tháng năm

Khi cần báo tin cho ai? ở đâu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Số

Ký hiệu

Năm.....

Họ và tên: Bí danh:

Tên thường gọi:

Sinh ngày tháng năm

Nơi sinh:

Nguyên quán:

Dân tộc: Tôn giáo:

Trình độ văn hóa:

Trình độ ngoại ngữ:

Trình độ chuyên môn hoặc nghề nghiệp:

Tình trạng sức khỏe hiện nay:

Kết nạp Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ngày
tháng năm

Nơi kết nạp:

Kết nạp Đảng cộng sản Việt Nam ngày tháng năm

Ngày nhập ngũ QĐNDVN (Thanh niên xung phong):

Ngày xuất ngũ:

Lý do:

HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH

Họ và tên bố: Tuổi:

Nghề nghiệp:

Nơi công tác (ghi rõ tên và địa chỉ đơn vị đang công tác):

Chỗ ở hiện nay:

Địa chỉ liên hệ:

Họ và tên mẹ: Tuổi:

Nghề nghiệp:

Nơi công tác (ghi rõ tên và địa chỉ đơn vị đang công tác):

Chỗ ở hiện nay:

Địa chỉ liên hệ:

HỌ VÀ TÊN ANH CHỊ EM RUỘT

*(Ghi rõ họ tên, tuổi, chỗ ở và nghề nghiệp, nơi công tác,
thái độ chính trị của từng người)*

Họ và tên vợ hoặc chồng: Tuổi:

Nghề nghiệp:

Nơi công tác (ghi rõ tên và địa chỉ đơn vị đang công tác):

Chỗ ở hiện nay:

Địa chỉ liên hệ:

HỌ VÀ TÊN CÁC CON

(Ghi rõ họ tên, tuổi, chỗ ở và nghề nghiệp, nơi công tác, thái độ chính trị của từng người)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CỦA BẢN THÂN

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm công tác gì	Ở đâu	Giữ chức vụ gì

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng:

.....
.....
.....
.....

Kỷ luật:

.....
.....
.....
.....

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì khai man tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Xác nhận của
Thủ trưởng đơn vị,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân
xã, phường, thị trấn
....., ngày.... tháng.... năm
(Ký và ghi rõ tên, đóng dấu)

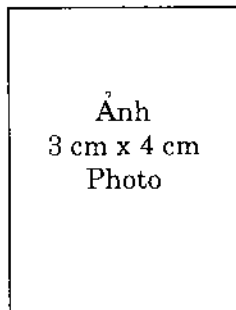
....., ngày.... tháng.... năm....
Người khai ký tên

2. MẪU LÝ LỊCH TỰ THUẬT

(Dùng cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2004.TT-BLĐTBXH
ngày 10/3/2004 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

LÝ LỊCH TỰ THUẬT CURRICULUM VITAE



I- SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Curriculum vitae)

- Họ và tên: Giới tính:
Full name: Male/Female
- Số hộ chiếu: Ngày cấp:
Passport number: Date of issue
- Ngày tháng năm sinh:
Date of birth (D-M-Y)
- Tình trạng hôn nhân:
Marital status
- Quốc tịch gốc:
Nationality of origin
- Quốc tịch hiện tại:
Current nationality

7. Nghề nghiệp hiện tại:

Current profession

8. Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại:

Last or current working place

II- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Training background

.....
.....
.....
.....

III- QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC CỦA BẢN THÂN

Employment record

9. Làm việc ở nước ngoài:

Employment outside Vietnam

.....
.....

10. Làm việc ở Việt Nam

Employment in Vietnam

.....
.....

IV- LÝ LỊCH VỀ TƯ PHÁP

Justice record

11. Vi phạm pháp luật Việt Nam. (Thời gian vi phạm, mức độ vi phạm, hình thức xử lý)

Violation of the Vietnamese Law. (Level of violation, time of violation, dealt measures for violation)

.....
.....
12. Vi phạm pháp luật nước ngoài. (Thời gian vi phạm, mức độ vi phạm, hình thức xử lý)

Violation of laws of any other country. (Level of violation, time of violation, dealt measures for violation)

.....
.....

13. Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm.

I certify that the statements given above are true to the best of my knowledge and will be responsible for any incorrectness.

Ngày tháng năm

Người khai ký tên

(Signature of Applicant)

3. MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư
số 22/2003.TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 10 năm 2004
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi ở hiện nay:

4. Chức vụ:

5. Tên doanh nghiệp

Địa chỉ:

6. Trình độ chuyên môn:

7. Trình độ ngoại ngữ:

8. Điện thoại: Fax:

E-mail:

I. Quá trình đào tạo

.....
.....
.....

II. Quá trình công tác

.....
.....
.....

III. Khen thưởng

.....
.....
.....

IV. Kỷ luật

.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật. Nếu khai man tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**Xác nhận của cơ quan
quản lý nhân sự**

....., ngày.... tháng.... năm.....

Người khai ký tên
(Ghi rõ họ tên)

4. MẪU ĐƠN XIN VIỆC LÀM, XIN HỌC TẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN (1)

Tên tôi là: Ngày sinh:

Chỗ ở hiện nay:

Họ tên bố: tuổi: nghề nghiệp:

Đơn vị công tác:

Họ tên mẹ: tuổi: nghề nghiệp:

Đơn vị công tác:

Nay làm đơn này để xin được:

..... tại:

Nếu được tôi xin cam đoan:

1. Tuyệt đối chấp hành nội quy học tập và lao động.

2. Tuyệt đối phục tùng sự phân công học tập, bố trí của đơn vị tổ chức đơn vị sử dụng.

Nếu vi phạm nội quy, kỷ luật hoặc tự ý thôi, bỏ học, bỏ việc phải bồi thường hoàn toàn tiền học phí, những tổn thất đã gây ra theo quy định của nhà nước và của nhà trường, đơn vị công tác.

*Lời cam đoan và ý kiến
của bố mẹ*

....., ngày.... tháng... năm

*Tôi xin bảo đảm và chịu trách
nhiệm hoàn toàn về những lời
tôi đã hứa trong đơn này*

Người viết đơn

(Ký tên)

(1) Đơn xin cần ghi rõ mục đích "Học nhạc", "Học ngoại ngữ", "Học lái xe", "Đi làm kế toán", "Xin tuyển dụng", "Thi vào trường TCXD", "Làm việc tại CSTHHT"

5. MẪU ĐƠN XIN LÀM VIỆC

(Dùng cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2004/TT-BLĐTBXH
ngày 10/3/2004 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN LÀM VIỆC

APPLICATION FORM

Kính gửi: (To)

Tên tôi là (viết chữ in hoa):

Full name (in capital):

Ngày tháng năm sinh: Nam/ Nữ:

Date of birth (D-M-Y)

Quốc tịch:

Nationality:

Số hộ chiếu: Ngày cấp:

Passport number:

Nơi cấp:

Place of issue:

Trình độ học vấn:

Education:

Trình độ chuyên môn tay nghề:

Professional qualification:

Trình độ ngoại ngữ (sử dụng thành thạo):

Foreign language (Proficiency):

Sau khi nghiên cứu nội dung thông báo tuyển lao động của người sử dụng lao động, tôi thấy bản thân có đủ điều kiện để đăng ký dự tuyển vào vị trí: với thời hạn làm việc:

.....
Upon careful consideration on your notice of recruitment, I myself consider to be qualified for the position of..... for the working period of

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh Pháp luật lao động Việt Nam. Nếu vi phạm tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

I commit to fully abide by the Vietnamese labour legislation and will bear all responsibility for any violation.

Người xin làm việc

Applicant

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

6. MẪU ĐƠN XIN VIỆC LÀM

(Dùng cho người Việt Nam làm việc
cho cá nhân, tổ chức nước ngoài)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/1999/TT-BLĐTBXH
ngày 15/3/1999 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN VIỆC LÀM

Kính gửi:.....

Tên tôi là: Bí danh:

Sinh ngày: Dân tộc:

Chỗ ở hiện nay:

Hộ khẩu thường trú:

Số sổ lao động: Cấp ngày:

Nơi cấp:

Nơi đang giữ sổ lao động:

Số Chứng minh nhân dân: Cấp ngày:

Nơi cấp:

Trình độ chuyên môn:

Trình độ ngoại ngữ:

Sức khỏe:

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc tuyển chọn, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; xét khả năng của bản thân, tôi làm đơn này xin đề nghị tạo điều kiện cho tôi được làm việc tại; nếu được tôi xin cam kết:

1. Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của công dân theo pháp luật Việt Nam, các quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn.
2. Thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng lao động và hợp đồng cung ứng lao động.
3. Chấp hành đầy đủ các quy định của Tổ chức cung ứng lao động.
4. Nếu vi phạm những điều cam kết trên, tôi xin chịu trách nhiệm về những tổn thất gây ra theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

7. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

BỘ Y TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*
Số:

GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

Họ và tên:
Ngày sinh:
Địa chỉ:

TIỂU SỬ BẢN THÂN

.....
.....
.....
.....

KHÁM

Cao phân nặng cân
Vòng ngực trung bình phân
Bộ máy hô hấp:
Pignet:
Áp lực động mạch: Cao nhất thấp nhất.....
Bộ máy tiêu hóa:
Bộ máy sinh dục:
Bộ phận cử động xương cốt:

Hệ thần kinh:
Răng:
- Hàm dưới:
- Hàm trên:
Mắt (ghi số kính):
- Mắt trái không kính: Có kính:
- Mắt phải không kính: Có kính:
Tai trái nói to: thước, nói nhỏ thước
Tai phải nói to: thước, nói nhỏ thước
Bệnh ngoài da:
Tiêm chủng:
Các bộ phận khác:

KẾT LUẬN

.....
.....
.....
.....
.....

Ngày tháng năm

Y, bác sĩ khám

8. MẪU ĐƠN XIN GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE

(Kèm theo Thông tư số 08/TTLT-BYT-BLĐTBXH
ngày 20/4/1998)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE

Kính gửi:.....

Tên tôi là: Tuổi:

Đơn vị:

Nghề nghiệp:

Bị bệnh nghề nghiệp:

Hiện tại sức khỏe:

.....
.....

Đề nghị cho tôi được đi giám định bệnh nghề nghiệp.

Ngày tháng năm

Người làm đơn ký

Xác nhận của đơn vị

sử dụng lao động

Ông bà làm đơn xin giám định
sức khỏe là lao động của đơn vị

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên đóng dấu)

9. MẪU GIẤY GIỚI THIỆU

(Kèm theo Thông tư số 08/TTLT-BYT-BLĐTBXH
ngày 20/4/1998)

BẢO HIỂM XÃ HỘI
VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI
TỈNH, THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / GTGDN

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi:

Bảo hiểm xã hội tỉnh:

Trân trọng giới thiệu Ông (bà): Tuổi:

Là:

Đơn vị sản xuất thuộc huyện tỉnh

Đã hoàn chỉnh hồ sơ ngày tháng năm của người bị
bệnh nghề nghiệp đến Hội đồng giám định Y khoa.

Về việc giám định sức khỏe bị bệnh nghề nghiệp.

Đề nghị Hội đồng giám định Y khoa giám định sức khỏe cho ông
(bà) kịp thời để bảo đảm chế độ cho người lao động
bị bệnh nghề nghiệp.

Có giá trị ngày

Đến ngày

Ngày tháng năm 199....

Giám đốc BHXH tỉnh, thành phố

10. MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN LAO ĐỘNG

Kính gửi:

Tên tôi là (viết chữ in hoa):

Bí danh:

Ngày sinh: Nam, nữ:

Số Chứng minh thư nhân dân: Ngày cấp:

Nơi cấp Chứng minh thư nhân dân:

Số sổ lao động: Ngày cấp:

Nơi cấp sổ lao động:

Hộ khẩu thường trú (*):

Địa chỉ đang ở (*):

Địa chỉ báo tin (*):

Trình độ đào tạo theo nghề hoặc chuyên môn kỹ thuật:

Trình độ ngoại ngữ:

Sau khi nghiên cứu nội dung thông báo tuyển lao động, tôi thấy bản thân có đủ điều kiện và tiêu chuẩn để đăng ký dự tuyển vào vị trí:

Tôi xin gửi các giấy tờ kèm theo Phiếu đăng ký dự tuyển này, như sau:

1. Bản sao Sổ lao động (không có công chứng); hoặc sơ yếu lý lịch (đối với người chưa được cấp Sổ lao động).

2. Bản sao văn bằng, chứng chỉ (không có công chứng);
3. Giấy khám sức khỏe;
4. Các giấy tờ khác (theo yêu cầu của người sử dụng lao động);
5. Các giấy xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên khi dự tuyển lao động và các giấy tờ có liên quan khác.

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định về tuyển lao động.

Người đăng ký dự tuyển lao động

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(*) Cần ghi rõ số nhà; thôn/tổ dân phố; xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

11. MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

(đối với hợp đồng cá nhân)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 13 tháng 10 năm 2003
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

(đối với hợp đồng cá nhân)

*Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh
và Xã hội (tỉnh, thành phố.....)*

1. Tên tôi là:
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại:
 4. Trình độ học vấn:
 5. Nghề nghiệp:.....
 6. Đơn vị công tác:.....
 7. Địa chỉ người thân khi cần liên hệ:
- Đăng ký thực hiện hợp đồng cá nhân đi làm việc có thời hạn tại nước:
- Đã ký số ngày..... tháng..... năm.... với
- (tên người sử dụng lao động):; địa chỉ:
- Ngành, nghề làm việc ở nước ngoài:
- Thời hạn hợp đồng:
- Thời gian dự kiến xuất cảnh:

- Hồ sơ gồm có:

+ Hợp đồng lao động (*bản sao có công chứng*)

+

Tôi xin cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nước đến làm việc, chịu trách nhiệm hoàn toàn về hợp đồng mà tôi đã ký, các chi phí và mọi sự rủi ro; thực hiện đầy đủ trách nhiệm của công dân theo đúng quy định của Nhà nước Việt Nam.

8. Xác nhận của gia đình: (*bố hoặc mẹ đối với người chưa kết hôn; vợ hoặc chồng đối với người đã kết hôn; anh chị em ruột đối với người không có bố, mẹ, vợ hoặc chồng*)

+ Họ và tên người đại diện gia đình:

+ Ngày, tháng, năm sinh:

+ Địa chỉ thường trú:

+ Số Chứng minh nhân dân: Ngày cấp:

+ Quan hệ với người lao động:

Gia đình đồng ý để (*tên người lao động*) đi làm việc ở nước ngoài theo nội dung đã đăng ký trên đây.

XÁC NHẬN

UBND phường,
xã hoặc cơ
quan quản lý
trực tiếp

Người đại
diện gia đình
(*Ký tên,
ghi rõ họ tên*)

..., ngày ... tháng năm ..
Người làm giấy đăng ký
(*Ký tên,
ghi rõ họ tên*)

12. MẪU GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2004/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2004 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Xuất trình giấy phép này khi nhà chức trách yêu cầu.
2. Không được tẩy xóa, sửa chữa, tự ghi vào giấy phép này.
3. Không được cho người khác mượn
4. Khi thất lạc phải báo ngay cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
5. Khi hết thời hạn sử dụng phải nộp lại cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

NOTICE

1. Present this work permit to authorities when requested
2. Any modification, addition or amendment to the work permit is prohibited.
3. The utilization of this permit is restricted to the bearer
4. Any case of loss should be immediately reported to provincial Department of Labour, Invalids and Social Affairs.
5. Upon its expiry, the work permit should be returned to the provincial Department of Labour, Invalids and Social Affairs.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUỐC HUY

GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG
WORK PERMIT

Số:

No

Trang 1

GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG

WORK PERMIT

Ảnh mẫu
3cm x 4cm
Colour
photo

Số:

No:

1. Họ và tên:

Full name

2. Nam (M) Nữ (F)

3. Ngày, tháng, năm sinh:

Date of birth (D-M-Y)

4. Quốc tịch hiện nay: Số hộ chiếu:

Current nationality Passport number

5. Trình độ chuyên môn (tay nghề):

Professional qualification (skill)

6. Được làm việc tại:

Being permitted to work at

7. Chức danh công việc:

Job assignment

8. Thời hạn làm việc từ ngày tháng năm

đến ngày tháng năm

Period of work from..... to

Ngày tháng năm

Giám đốc

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL
AFFAIRS

Ký tên, đóng dấu

(Signature and stamp)

GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LẦN 1

First Extension

Gia hạn từ ngày tháng năm

đến ngày tháng năm

Extended from..... to

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS

Ký tên, đóng dấu

(Signature and stamp)

GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LẦN 2

First Extension

Gia hạn từ ngày tháng năm

đến ngày tháng năm

Extended from..... to

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS

Ký tên, đóng dấu

(Signature and stamp)

GIA HẠN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG LẦN 3

First Extension

Gia hạn từ ngày tháng năm

đến ngày tháng năm

Extended from..... to

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF LABOUR, INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS

Ký tên, đóng dấu

(Signature and stamp)

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	5
---------------------	---

PHẦN I

MẪU SOẠN THẢO CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY

1. MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ (GỌI TẮT LÀ BỘ TRƯỞNG)	9
2. MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ (GỌI TẮT LÀ BỘ TRƯỞNG) BAN HÀNH QUY CHẾ HOẶC QUY ĐỊNH	10
3. MẪU QUY CHẾ (QUY ĐỊNH) CỦA BỘ TRƯỞNG	11
4. MẪU CHỈ THỊ CỦA BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ (GỌI TẮT LÀ BỘ TRƯỞNG)	12
5. MẪU THÔNG TƯ	13
6. MẪU THÔNG TƯ LIÊN TỊCH	14
7. MẪU NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ	15
8. MẪU NGHỊ QUYẾT BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ	16
9. MẪU NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN, XÃ	17
10. MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN, XÃ	19
11. MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN, XÃ BAN HÀNH QUY CHẾ, HOẶC QUY ĐỊNH	21
12. MẪU QUY CHẾ (QUY ĐỊNH) CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN, XÃ	22
13. MẪU CHỈ THỊ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN XÃ	23
14. MẪU BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN XÃ	24

PHẦN II

MẪU SOẠN THẢO CÁC VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

1. MẪU THÔNG BÁO	29
2. MẪU THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA.....	30

3.	MẪU CÔNG VĂN CHUNG	31
4.	MẪU CÔNG VĂN MỜI HỌP	32
5.	MẪU GIẤY MỜI HỌP	33
6.	MẪU CÔNG ĐIỆN CỬA	34
7.	MẪU TỜ TRÌNH	35
8.	MẪU GIẤY GIỚI THIỆU	36
9.	MẪU GIẤY GIỚI THIỆU (2)	37
10.	MẪU PHIẾU GỬI (1)	38
11.	MẪU PHIẾU GỬI (2)	39
12.	MẪU QUYẾT ĐỊNH TIẾP NHẬN (TUYỂN DỤNG) LAO ĐỘNG	40
13.	MẪU QUYẾT ĐỊNH CỬ CÁN BỘ, NHÂN VIÊN THAM GIA CÁC KHÓA ĐÀO TẠO	42
14.	MẪU QUYẾT ĐỊNH BỎ NHIỆM CÁN BỘ	44
15.	MẪU QUYẾT ĐỊNH THUYỀN CHUYỂN, ĐIỀU ĐỘNG CÁN BỘ	46
16.	MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI	48
17.	MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH VỀ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI	50
18.	MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH	52
19.	MẪU BIÊN BẢN TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH	56
20.	MẪU BIÊN BẢN KHÁM NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	59
21.	MẪU BIÊN BẢN KHÁM PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, ĐỒ VẬT THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	62
22.	MẪU BIÊN BẢN KHÁM NƠI CẤT GIẤU TANG VẬT PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH	65
23.	MẪU QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	68
24.	MẪU QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH	70
25.	MẪU QUYẾT ĐỊNH KHÁM NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	72
26.	MẪU QUYẾT ĐỊNH KHÁM NƠI CẤT GIẤU TANG VẬT PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH	74
27.	MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BẰNG HÌNH THỨC PHẠT CẢNH CÁO	76

28.	MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BẰNG HÌNH THỨC PHẠT TIỀN	78
29.	MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ..... (LĨNH VỰC)	81
30.	MẪU QUYẾT ĐỊNH CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH	84
31.	MẪU QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ DO VI PHẠM HÀNH CHÍNH GÂY RA <i>(Trong trường hợp không áp dụng xử phạt)</i>	86
32.	MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG	89
33.	MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH VỀ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG	91

PHẦN III MẪU SOẠN THẢO CÁC VĂN BẢN TƯ PHÁP

1.	MẪU ĐƠN XIN BẢO LÃNH BỊ CAN - BỊ CÁO	95
2.	MẪU ĐƠN XIN XOÁ ÁN	96
3.	MẪU ĐƠN XIN HOẢN THI HÀNH ÁN PHẠT TỬ	98
4.	MẪU ĐƠN XIN HOẢN PHIÊN TOÀ	99
5.	MẪU ĐƠN YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH	100
6.	MẪU ĐƠN KHIẾU NẠI (HOẶC TỐ CÁO)	101
7.	MẪU ĐƠN XIN YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP	103
8.	MẪU PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP	106
9.	MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN	107
10.	MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN	109
11.	MẪU ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC KẾT HÔN	110
12.	MẪU GIẤY KHAI SINH	113
13.	MẪU GIẤY KHAI SINH (BẢN SAO)	116
14.	MẪU ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ KHAI SINH QUÁ HẠN	118
15.	MẪU ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC SINH	120
16.	MẪU ĐƠN XIN THAY ĐỔI, CẢI CHỈNH HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC TRONG GIẤY KHAI SINH	123

17.	MẪU QUYẾT ĐỊNH CHO PHÉP THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC TRONG GIẤY KHAI SINH	125
18.	MẪU GIẤY CHỨNG TỬ	127
19.	MẪU GIẤY CHỨNG TỬ (BẢN SAO)	128
20.	MẪU ĐƠN XIN NHẬN CON	129
21.	MẪU ĐƠN XIN NHẬN CHA MẸ (Dùng cho trẻ dưới 15 tuổi)	132
22.	MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN VIỆC NHẬN CHA, MẸ, CON	134
23.	MẪU GIẤY THỎA THUẬN VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI	136
24.	MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN NUÔI CON NUÔI	139
25.	MẪU GIẤY GIAO NHẬN VIỆC NUÔI CON NUÔI	141

PHẦN IV **MẪU SOẠN THẢO CÁC VĂN BẢN HỢP ĐỒNG**

1.	MẪU HỢP ĐỒNG ỦY THÁC XUẤT KHẨU	145
2.	MẪU HỢP ĐỒNG ỦY THÁC NHẬP KHẨU	151
3.	MẪU HỢP ĐỒNG KINH TẾ DỊCH VỤ THỦ CÔNG (SỬA CHỮA XE, MÁY)	157
4.	MẪU HỢP ĐỒNG IN	163
5.	MẪU HỢP ĐỒNG NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ SẢN PHẨM MỚI	166
6.	MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA	170
7.	MẪU HỢP ĐỒNG GIA CÔNG ĐẶT HÀNG TRONG NƯỚC	175
8.	MẪU HỢP ĐỒNG NHẬP KHẨU MUA THIẾT BỊ ĐIỆN LẠNH	179
9.	MẪU HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU GẠO	193
10.	MẪU HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA	199
11.	MẪU HỢP ĐỒNG MÔI GIỚI THƯƠNG MẠI	208
12.	MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN	211
13.	MẪU HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ QUẢNG CÁO THƯƠNG MẠI	215
14.	MẪU HỢP ĐỒNG LẮP RÁP THIẾT BỊ KHOA HỌC - KỸ THUẬT	219
15.	MẪU HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ	223
16.	MẪU HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH	231
17.	MẪU HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH	237

18.	MẪU THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG TỔNG THẦU EPC	243
19.	MẪU HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP, CẤM CỐ	245
20.	MẪU HỢP ĐỒNG CHO VAY TIỀN	252
21.	MẪU HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN	255
22.	MẪU HỢP ĐỒNG THÀNH LẬP ĐẠI LÝ	257
23.	MẪU HỢP ĐỒNG KÝ GỬI HÀNG HÓA	261
24.	MẪU HỢP ĐỒNG GỬI GIỮ	264
25.	MẪU HỢP ĐỒNG CHO MƯỢN TÀI SẢN	266
26.	MẪU HỢP ĐỒNG CHUYỂN ĐỔI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	269
27.	MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT	272
28.	MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN NHÀ Ở (TOÀN BỘ NGÔI NHÀ)	275
29.	MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ Ở	281
30.	MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN CHUYỂN NHƯỢNG NHÀ Ở	288
31.	MẪU HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ	296
32.	MẪU HỢP ĐỒNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HOẶC VIỆT KIẾU THUÊ NHÀ	299
33.	MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ KHO BÃI	302
34.	MẪU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	305
35.	MẪU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TRONG TRANG TRẠI)	312
36.	MẪU THỎA THUẬN TẠM HOẢN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	317
37.	MẪU THỎA THUẬN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	319
38.	MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	321
39.	MẪU QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG VIỆC	323
40.	MẪU BIÊN BẢN HÒA GIẢI TRANH CHẤP LAO ĐỘNG TẬP THỂ	325
41.	MẪU QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC ĐỂ HƯỞNG CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI	327

PHẦN V

MẪU SOẠN THẢO CÁC ĐƠN VÀ GIẤY TỜ NHÂN SỰ

1.	MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH	331
2.	MẪU LÝ LỊCH TỰ THUẬT (Dùng cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam)	336

3.	MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH	339
4.	MẪU ĐƠN XIN VIỆC LÀM, XIN HỌC TẬP	341
5.	MẪU ĐƠN XIN LÀM VIỆC <i>(Dùng cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam)</i>	342
6.	MẪU ĐƠN XIN VIỆC LÀM <i>(Dùng cho người Việt Nam làm việc cho cá nhân, tổ chức nước ngoài)</i>	344
7.	MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE	346
8.	MẪU ĐƠN XIN GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE	348
9.	MẪU GIẤY GIỚI THIỆU	349
10.	MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN LAO ĐỘNG	350
11.	MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI <i>(Đôi với hợp đồng cá nhân)</i>	352
12.	MẪU GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG	354

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

98 Thụy Khê - Tây Hồ - Hà Nội * ĐT: (04) 8257290

MẪU SOẠN THẢO CÁC VĂN BẢN

PHÁP QUY - HÀNH CHÍNH - TƯ PHÁP - HỢP ĐỒNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

CÁT VĂN THÀNH

Biên tập:

PHAN MINH CHÍNH

Trình bày bìa:

THU HẰNG

In 1.000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm tại xí nghiệp in TTTT
Thương mại. Giấy phép xuất bản số 18-2006/CXB/101.4-59/TK
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2006.

Giá : 38.000đ